PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/2013/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2013*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LẠNG SƠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Lạng Sơn được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Lạng Sơn và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh;

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LẠNG SƠN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Lạng Sơn
2	Huyện Bắc Sơn
3	Huyện Bình Gia
4	Huyện Cao Lộc
5	Huyện Chi Lăng
6	Huyện Đình Lập
7	Huyện Hữu Lũng
8	Huyện Lộc Bình
9	Huyện Tràng Định
10	Huyện Văn Lãng
11	Huyện Văn Quan

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Ba Toa	KX	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 45"	106° 44' 49"					F-48-58-A-d
khối Đèo Giang	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 48"	106° 44' 51"					F-48-58-A-d
chùa Tiên	KX	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 14"	106° 45' 13"					F-48-58-B+46-D
khối Trần Hưng Đạo	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 37"	106° 44' 49"					F-48-58-A-d
khối Trần Quang Khải 1	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 44' 15"					F-48-58-A-d
khối Trần Quang Khải 2	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn							
núi Văn Vỉ	SV	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 49' 28"	106° 45' 32"					F-48-58-B+46-D
làng Khòn Lải	DC	P. Đông Kinh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 27"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
khối 2	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 41"	106° 45' 32"					F-48-58-B+46-D
khối 5	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 48"	106° 45' 29"					F-48-58-B+46-D
khối 6	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 49"	106° 45' 10"					F-48-58-B+46-D
chợ Kỳ Lừa	KX	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 34"	106° 45' 11"					F-48-58-B+46-D
khối 6	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 08"	106° 44' 41"					F-48-58-A-d
khối 7	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 39"	106° 44' 52"					F-48-58-A-d
khối 9	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 01"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
khối 10	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 58"	106° 45' 02"					F-48-58-A-d
cầu Bến Bắc	KX	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 56"	106° 44' 50"					F-48-58-A-d
động Tam Thanh	SV	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 21"	106° 44' 36"					F-48-58-A-d
núi Tô Thị	SV	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 22"	106° 44' 38"					F-48-58-A-d
khối 6	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 29"	106° 46' 29"					F-48-58-B+46-D
khối 8	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 25"	106° 46' 18"					F-48-58-B+46-D
khối 9	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 36"	106° 46' 15"					F-48-58-B+46-D
chợ Đông Kinh	KX	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 11"	106° 45' 26"					F-48-58-B+46-D
núi Phai Vệ	SV	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 09"	106° 45' 43"					F-48-58-B+46-D
bản Áng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 48"	106° 43' 42"					F-48-58-A-d
thôn Chi Mạc - Nà Kéo	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 54"	106° 44' 28"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đoỏng Én	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 14"	106° 45' 05"					F-48-58-A
khao Hổ	SV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 46"	106° 44' 26"					F-48-58-A
thôn Hoàng Thanh	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 36"	106° 44' 30"					F-48-58-A-d
thôn Khỏn Pịt	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 42"	106° 44' 45"					F-48-58-A
bản Khuổi Khuốc	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 12"	106° 43' 12"					F-48-58-A-d
bản Khuổi Phát	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 50"	106° 43' 03"					F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn			21° 50' 52"	106° 44' 20"	21° 52' 20"	106° 42' 20"	F-48-58-A
thôn Lục Khoang	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 31"	106° 45' 21"					F-48-58-B+46-D
bản Mới	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 59"	106° 44' 06"					F-48-58-A
bản Nà Đon	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 54"	106° 44' 21"					F-48-58-A
thôn Nà Lượt	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 39"	106° 44' 48"					F-48-58-A
bản Nà Pàn	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 49"	106° 44' 29"					F-48-58-A-d
thôn Nà Sèn - Tổng Huồng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 58"	106° 44' 15"					F-48-58-A-d
đập Nà Tâm	TV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 12"	106° 44' 38"					F-48-58-A
thôn Nà Tâm - Lục Mi	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 55"	106° 44' 43"					F-48-58-A
thôn Pàn Pè	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 06"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
bản Phai Trần	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 02"	106° 45' 07"					F-48-58-B+46-D
thôn Quán Hồ - Phả Lạn	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 42"	106° 44' 16"					F-48-58-A
thôn Tàng Khảm	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 26"	106° 44' 02"					F-48-58-A
thôn Vĩ Thượng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 24"	106° 45' 10"					F-48-58-B+46-D
làng Bình Cằm	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 43"	106° 47' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Pát	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 40"	106° 46' 34"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Phổ	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 54"	106° 45' 58"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn			21° 50' 28"	106° 47' 50"	21° 50' 05"	106° 45' 35"	F-48-58-B+46-D
hồ Lẩu Xá	TV	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 20"	106° 47' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Mai Thành	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 20"	106° 46' 08"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Chuông 1	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn							
thôn Nà Chuông 2	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn							
làng Pá Lải	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 33"	106° 45' 49"					F-48-58-B+46-D
thôn Phai Duốc	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 39"	106° 46' 39"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Đứa	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 23"	106° 46' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mỏ	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 37"	106° 46' 21"					F-48-58-B+46-D
thôn Rọ Phải	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 52"	106° 45' 37"					F-48-58-B+46-D
thôn Trung Cấp	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 14"	106° 47' 18"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Nhằng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 52' 11"	106° 42' 47"					F-48-58-A-d
bản Cao Kiệt	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 18"	106° 43' 28"					F-48-58-A-d
bản Khau Dài	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 43' 29"					F-48-58-A-d
thôn Khau Puồng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 13"	106° 42' 51"					F-48-58-A-d
bản Khòn Thia	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 06"	106° 42' 34"					F-48-58-A-d
bản Khuôn Nghiều	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 19"	106° 42' 43"					F-48-58-A-d
bản Khuôn Nhà	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 57"	106° 43' 16"					F-48-58-A-d
bản Khuôn SLác	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 15"	106° 44' 08"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn			21° 52' 15"	106° 42' 02"	21° 50' 35"	106° 43' 55"	F-48-58-A-d
bản Loỏng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 01"	106° 43' 37"					F-48-58-A-d
thôn Nà Me	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 01"	106° 43' 21"					F-48-58-A-d
bản Nà Poọng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 44"	106° 44' 07"					F-48-58-A-d
bản Nà Pùng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 47' 38"	106° 42' 18"					F-48-58-A-d
bản Nà Quang	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 24"	106° 43' 11"					F-48-58-A-d
bản Pác Cáp	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 33"	106° 43' 09"					F-48-58-A-d
bản Pác Moòng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 59"	106° 43' 28"					F-48-58-A-d
bản Phai Yên	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 19"	106° 42' 38"					F-48-58-A-d
bản Phiêng Cù	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 59"	106° 43' 26"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Puồng	SV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 26"	106° 42' 37"					F-48-58-A-d
suối Quảng Lạc	TV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn			21° 47' 39"	106° 42' 00"	21° 50' 35"	106° 43' 55"	F-48-58-A-d
cầu Quán Loóng	KX	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 44' 12"					F-48-58-A-d
cầu Bắc Sơn	KX	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 07"	106° 19' 05"					F-48-57-B-a
núi Bó Sáng	SV	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 39"	106° 19' 04"					F-48-57-B-a
cầu Nà Cướm	KX	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 10"	106° 19' 24"					F-48-57-B-a
suối Nặm Dù	TV	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 54' 25"	106° 19' 42"	21° 54' 29"	106° 18' 16"	F-48-57-B-a
thôn Vĩnh Thuận	DC	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 27"	106° 18' 27"					F-48-57-B-a
thôn Yên Lãng	DC	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 27"	106° 19' 04"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 241	KX	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 52' 07"	106° 21' 42"	21° 54' 07"	106° 20' 22"	F-48-57-B-a
thôn Bắc Sơn 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 50"	106° 20' 38"					F-48-57-B-a
thôn Bắc Sơn 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 58"	106° 20' 28"					F-48-57-B-a
thôn Đông Đằng 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 16"	106° 21' 08"					F-48-57-B-a
thôn Đông Đằng 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 22"	106° 21' 00"					F-48-57-B-a
thôn Lân Hát	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 02"	106° 21' 50"					F-48-57-B-a
thôn Mỏ Hao	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
thôn Nội Hòa	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 44"	106° 21' 14"					F-48-57-B-a
suối Phai Trang	TV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 52' 08"	106° 21' 44"	21° 53' 12"	106° 20' 49"	F-48-57-B-a
suối Rá Riềng	TV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 53' 12"	106° 20' 49"	21° 54' 04"	106° 20' 16"	F-48-57-B-a
núi Tán Rượi	SV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 30"	106° 21' 25"					F-48-57-B-a
thôn Trí Yên	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 14"	106° 20' 40"					F-48-57-B-a
quốc lộ 1B	KX	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 48' 21"	106° 10' 11"	21° 50' 41"	106° 12' 39"	F-48-57-A-d
thôn Bình An	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 41"	106° 11' 57"					F-48-57-A-d
đèo Bò Đái	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 13"	106° 11' 23"					F-48-57-A-d
núi Cạm Càng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 30"	106° 09' 30"					F-48-57-A-d
suối Cáp	TV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 49' 56"	106° 11' 02"	21° 49' 33"	106° 10' 52"	F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Chiu Uyt	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 05"	106° 09' 29"					F-48-57-A-d
thôn Hoan Thượng	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 10"	106° 09' 28"					F-48-57-A-d
suối Hoan Thượng	TV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 48' 58"	106° 09' 39"	21° 48' 19"	106° 09' 42"	F-48-57-A-d
thôn Hoan Trung 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 59"	106° 10' 58"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 20"	106° 11' 56"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 2	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 39"	106° 12' 33"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 3	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 12' 33"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 4	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 08"	106° 12' 29"					F-48-57-A-d
thôn Hương Cốc 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 25"	106° 11' 01"					F-48-57-A-d
thôn Hương Cốc 2	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 09"	106° 11' 41"					F-48-57-A-d
đèo Keng Tiếm	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 49"	106° 13' 23"					F-48-57-A-d
núi Khưa Mu	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 11' 25"					F-48-57-A-d
núi Lân Bường	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 28"	106° 10' 57"					F-48-57-A-d
thôn Lân Vi	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 26"	106° 12' 14"					F-48-57-A-d
núi Ma	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 54"	106° 09' 09"					F-48-57-A-d
núi Nà Bon	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 28"	106° 12' 36"					F-48-57-A-d
thôn Pá Te	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 32"	106° 10' 15"					F-48-57-A-d
núi Phai Páng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 59"	106° 10' 12"					F-48-57-A-d
núi Sa Bảng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 58"	106° 11' 32"					F-48-57-A-d
thôn Áng Nộc	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 57"	106° 19' 18"					F-48-57-B-c
suối Bản Ghè	TV	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn			21° 51' 06"	106° 18' 09"	21° 50' 38"	106° 18' 25"	F-48-57-B-c
thôn Bình Thượng	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 43"	106° 19' 12"					F-48-57-B-c
thôn Dục Thúm	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 10"	106° 20' 27"					F-48-57-B-c
suối Dục Thúm	TV	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn			21° 51' 58"	106° 18' 58"	21° 52' 07"	106° 20' 21"	F-48-57-B-c
thôn Lân Nghiến	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 05"	106° 17' 12"					F-48-57-B-c
thôn Làng Khau	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 46"	106° 20' 02"					F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Nọt	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 51"	106° 20' 33"					F-48-57-B-c
thôn Táp Già	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 52"	106° 17' 35"					F-48-57-B-c
quốc lộ 1B	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn			21° 52' 39"	106° 12' 47"	21° 54' 31"	106° 17' 51"	F-48-57-A-b
suối Bản Sao	TV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn			21° 53' 45"	106° 13' 39"	21° 54' 38"	106° 13' 21"	F-48-57-A-b
thôn Bó Đấy	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 43"	106° 14' 46"					F-48-57-A-b
thôn Bó Mạ	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 56"	106° 15' 07"					F-48-57-B-a
núi Gón Cáu	SV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 34"	106° 12' 47"					F-48-57-A-b
bản Khău Mo	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 21"	106° 15' 04"					F-48-57-B-a
thôn Khau Ràng	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 40"	106° 14' 12"					F-48-57-A-b
thôn Khuôn Ngần	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 08"	106° 14' 52"					F-48-57-A-b
thôn Lân Páng	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 34"	106° 16' 33"					F-48-57-B-a
thôn Lân Rò	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 55' 12"	106° 16' 41"					F-48-57-B-a
suối Lân Rò	TV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn			21° 54' 31"	106° 17' 48"	21° 54' 42"	106° 16' 57"	F-48-57-B-a
cầu Mương Mèo	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 40"	106° 16' 15"					F-48-57-B-a
thôn Nà Giáo	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 52"	106° 14' 27"					F-48-57-A-b
bản Nà Lại	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 00"	106° 12' 38"					F-48-57-A-b
cầu Nà Mừa 1	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 21"	106° 15' 32"					F-48-57-B-a
cầu Nà Mừa 2	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 17"	106° 15' 26"					F-48-57-B-a
thôn Nà Nhì	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 21"	106° 13' 21"					F-48-57-A-b
đèo Nặm Dù	SV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 31"	106° 17' 51"					F-48-57-B-a
cầu Nguyễn	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 32"	106° 15' 48"					F-48-57-B-a
núi Pắc Chao	SV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 18"	106° 16' 10"					F-48-57-B-a
thôn Pác Yếng	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 33"	106° 15' 39"					F-48-57-B-a
cầu Pó Hương	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 38"	106° 16' 34"					F-48-57-B-a
đập Pò Rái	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 09"	106° 14' 44"					F-48-57-A-b
núi Sa Khăm	SV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 11"	106° 16' 53"					F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Toong Chai	SV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 37"	106° 14' 34"					F-48-57-A-b
đường tỉnh 241	KX	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 49' 59"	106° 19' 29"	21° 52' 07"		F-48-57-B-c
bản Bó Bín	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 20' 04"					F-48-57-B-c
đèo Búp Chuối	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 12"	106° 23' 05"					F-48-57-B-d
núi Búp Chuối	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 23"	106° 23' 46"					F-48-57-B-d
núi Cái Khoáng	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 26"	106° 23' 45"					F-48-57-B-d
núi Co Cái (Ko Cái)	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 10"	106° 22' 42"					F-48-57-B-d
núi Khoản Huyền	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 06"	106° 23' 13"					F-48-57-B-d
núi Lăng Mồ	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 01"	106° 22' 08"					F-48-57-B-c
thôn Lương Minh	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 39"	106° 22' 07"					F-48-57-B-c
thôn Ma Hiu	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 11"	106° 20' 25"					F-48-57-B-c
thôn Minh Đán	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 59"	106° 21' 46"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Nhài	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 23"	106° 21' 00"					F-48-57-B-c
thôn Nà Nuầy	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 49' 55"	106° 19' 53"					F-48-57-B-c
núi Nà Roọc	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
bản Nà Tuấy	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 02"	106° 20' 38"					F-48-57-B-c
thôn Nông Lục	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 28"	106° 21' 35"					F-48-57-B-c
đình Nông Lục	KX	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 35"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
suối Phai Lân	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 49' 57"	106° 20' 15"	21° 50' 58"	106° 21' 23"	F-48-57-B-c
hồ Tam Hoa	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 29"	106° 20' 20"					F-48-57-B-c
thôn Tiên Hội	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 21' 02"					F-48-57-B-c
suối Tiên Hội	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 50' 58"	106° 21' 23"	21° 52' 08"	106° 21' 44"	F-48-57-B-c
bản Toóc Mương	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 23"	106° 20' 07"					F-48-57-B-c
thôn Xuân Giao	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 24"	106° 21' 26"					F-48-57-B-c
hồ Bắc Mỏ	TV	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 40"	106° 18' 10"					F-48-57-B-a
cầu Gò Nộc	KX	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 55"	106° 19' 24"					F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hữu Vĩnh 1	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 46"	106° 19' 06"					F-48-57-B-a
thôn Hữu Vĩnh 2	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 35"	106° 19' 22"					F-48-57-B-a
thôn Lân King	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 52' 44"	106° 19' 13"					F-48-57-B-a
thôn Lân Páng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 52' 39"	106° 19' 53"					F-48-57-B-a
núi Mỏ Ắng	SV	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 25"	106° 18' 45"					F-48-57-B-a
thôn Nà Hó	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 57"	106° 18' 16"					F-48-57-B-a
thôn Pắc Lũng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 29"	106° 18' 56"					F-48-57-B-a
thôn Pác Mỏ	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 38"	106° 18' 02"					F-48-57-B-a
thôn Tá Liếng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 47"	106° 18' 29"					F-48-57-B-a
thôn An Ninh 1	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 11"	106° 19' 45"					F-48-57-B-a
thôn An Ninh 2	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 36"	106° 19' 34"					F-48-57-B-a
thôn Bản Đăng	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 56' 47"	106° 18' 57"					F-48-57-B-a
thôn Bản Liếng	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 07"	106° 17' 49"					F-48-57-B-a
thôn Bản Thí	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 57' 21"	106° 18' 54"					F-48-57-B-a
núi Bó Qua	SV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 07"	106° 19' 31"					F-48-57-B-a
khuổi Cái	TV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn			21° 55' 09"	106° 15' 56"	21° 55' 56"	106° 15' 48"	F-48-57-B-a
cầu Gỗ	KX	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 09"	106° 19' 52"					F-48-57-B-a
đèo Kéo Ngòa	SV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 56' 30"	106° 18' 31"					F-48-57-B-a
thôn Lân Luông	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 52"	106° 20' 24"					F-48-57-B-a
thôn Long Hưng	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 54' 51"	106° 19' 47"					F-48-57-B-a
thôn Minh Quang	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 56' 02"	106° 19' 29"					F-48-57-B-a
thôn Nà Rào	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 54' 56"	106° 19' 10"					F-48-57-B-a
đèo Nàng Tiên	SV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 57' 02"	106° 19' 16"					F-48-57-B-a
thôn Ngọc Môn	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 56' 34"	106° 17' 47"					F-48-57-B-a
suối Pắc Khuối	TV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn			21° 55' 06"	106° 17' 39"	21° 55' 56"	106° 16' 45"	F-48-57-B-a
thôn Rạ Lá	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 56' 05"	106° 18' 18"					F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Tam Canh	SV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 33"	106° 20' 10"					F-48-57-B-a
thôn Tân Rã	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 42"	106° 17' 29"					F-48-57-B-a
suối Tân Rã	TV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn			21° 55' 36"	106° 17' 58"	21° 55' 59"	106° 17' 18"	F-48-57-B-a
thôn Thủy Hội	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 43"	106° 15' 53"					F-48-57-B-a
thôn Tiên Đáo 1	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 54' 37"	106° 19' 37"					F-48-57-B-a
thôn Tiên Đáo 2	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 54' 50"	106° 19' 31"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 241	KX	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn			21° 45' 27"	106° 13' 17"	21° 46' 39"	106° 17' 13"	F-48-57-A-d
thôn An Úy	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 50"	106° 14' 26"					F-48-57-A-d
thôn Dộc Máy	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 11"	106° 18' 30"					F-48-57-B-c
bản Đắc Hạ	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 18"	106° 17' 18"					F-48-57-B-c
bản Đắc Trung	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 42"	106° 18' 00"					F-48-57-B-c
thôn Địa Phận	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 30"	106° 16' 48"					F-48-57-B-c
thôn Gia Hòa	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 51"	106° 15' 13"					F-48-57-B-c
núi Kho Lân Đăm	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 44' 57"	106° 15' 01"					F-48-57-D-a
bản Lân Páng	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 49"	106° 13' 34"					F-48-57-A-d
thôn Làng Khả	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 23"	106° 13' 31"					F-48-57-A-d
làng Lập Lìu	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 26"	106° 17' 36"					F-48-57-B-c
thôn Mỹ Ba	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 14"	106° 15' 35"					F-48-57-B-c
thôn Nà Tu	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 03"	106° 16' 08"					F-48-57-B-c
núi Pá Đấy	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 57"	106° 13' 35"					F-48-57-A-d
núi Pá Nứa	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 44' 41"	106° 14' 32"					F-48-57-C-b
làng Quán	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 54"	106° 15' 34"					F-48-57-B-c
đèo Tân Thành	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 27"	106° 13' 17"					F-48-57-A-d
đèo Tát Úy	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 24"	106° 14' 05"					F-48-57-A-d
thôn Thái Bằng 1	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 39"	106° 13' 46"					F-48-57-A-d
thôn Thái Bằng 2	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 44"	106° 14' 39"					F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Thái Hòa	TV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn			21° 46' 06"	106° 15' 18"	21° 45' 16"	106° 13' 12"	F-48-57-A-d
đèo Bốn Đỉnh	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 54"	106° 18' 00"					F-48-57-D-a
núi Canh Tung	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 07"	106° 19' 10"					F-48-57-D-a
làng Cô Kê	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 18"	106° 14' 17"					F-48-57-C-b
suối Cô Kê	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 42' 37"	106° 14' 06"	21° 41' 28"	106° 13' 50"	F-48-57-C-b
làng Cô Thi	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 17"	106° 15' 54"					F-48-57-D-a
suối Đấy	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 42' 20"	106° 15' 28"	21° 42' 43"	106° 15' 48"	F-48-57-D-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 27"	106° 16' 13"					F-48-57-D-a
suối Hoãn	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 43' 56"	106° 14' 42"	21° 43' 21"	106° 14' 35"	F-48-57-C-b
đèo Khưa Lay	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 08"	106° 15' 34"					F-48-57-D-a
làng Lân Giềng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 34"	106° 18' 05"					F-48-57-D-a
làng Lân Lác	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 34"	106° 16' 55"					F-48-57-D-a
làng Lân Lừa	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 57"	106° 16' 39"					F-48-57-D-a
làng Lân Nằng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 40' 42"	106° 13' 35"					F48-57-C-b
thôn Làng Chu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 58"	106° 15' 15"					F-48-57-D-a
thôn Làng Đấy	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 54"	106° 16' 19"					F-48-57-D-a
thôn Làng Đồng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 45' 15"	106° 16' 47"					F-48-57-B-c
làng Lầu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 57"	106° 17' 08"					F-48-57-D-a
làng Mùng Lầu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 12"	106° 18' 02"					F-48-57-D-a
thôn Nà Niệc	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 53"	106° 17' 36"					F-48-57-D-a
thôn Pá Lét	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 02"	106° 15' 30"					F-48-57-D-a
núi Pá Lét	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 25"	106° 15' 56"					F-48-57-D-a
làng Phù Luông	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 13"	106° 13' 48"					F-48-57-C-b
núi Tá Han	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 54"	106° 18' 31"					F-48-57-D-a
đèo Ta Hang	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 03"	106° 18' 50"					F-48-57-D-a
núi Vóp	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 02"	106° 17' 03"					F-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đon Riệc 2	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 23"	106° 20' 27"					F-48-57-B-a
núi Dục Cúm	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 42"	106° 21' 49"					F-48-57-B-a
làng Lân Đấy	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 55' 05"	106° 20' 32"					F-48-57-B-a
làng Lân Hát	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 28"	106° 21' 29"					F-48-57-B-a
núi Nà Lay	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 49"	106° 19' 50"					F-48-57-B-a
thôn Nà Riềng 2	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 30"	106° 20' 19"					F-48-57-B-a
cầu Rá Riềng	KX	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 14"	106° 20' 15"					F-48-57-B-a
núi Sa Mon	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 48"	106° 20' 33"					F-48-57-B-a
thôn Tân Sơn	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 54"	106° 20' 09"					F-48-57-B-a
thôn Bó Tát	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 07"	106° 14' 24"					F-48-57-A-d
núi Bó Tát	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 14' 30"					F-48-57-A-d
thôn Cầu Hin	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 45"	106° 15' 40"					F-48-57-B-c
thôn Đon Úy	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 14"	106° 15' 25"					F-48-57-B-c
thôn Dục Pán	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 14' 53"					F-48-57-A-d
đèo Keng Tiếm	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 49"	106° 13' 23"					F-48-57-A-d
làng Mó Rẹ	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 01"	106° 15' 11"					F-48-57-B-c
làng Nà Pán	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 15' 32"					F-48-57-B-c
làng Nà Tứ	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 08"	106° 15' 43"					F-48-57-B-c
thôn Nam Hương	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 46"	106° 15' 20"					F-48-57-B-c
suối Nam Hương	TV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn			21° 50' 47"	106° 16' 16"	21° 49' 26"	106° 15' 27"	F-48-57-B-c
suối Ràng Khám	TV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn			21° 49' 16"	106° 15' 23"	21° 47' 35"	106° 14' 16"	F-48-57-B-c
làng Sa Khao	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 54"	106° 15' 18"					F-48-57-B-c
núi Sa Khao	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 37"	106° 14' 37"					F-48-57-A-d
đèo Keng Nghiều	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 31"	106° 16' 28"					F-48-57-B-c
thôn Lân Riều	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 34"	106° 15' 34"					F-48-57-B-c
khau Luông	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 55"	106° 15' 01"					F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mỏ Đẩu	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 46"	106° 16' 38"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Khuyn	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 12"	106° 16' 27"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Pia	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 53' 18"	106° 16' 01"					F-48-57-B-a
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 58"	106° 16' 01"					F-48-57-B-c
làng Nà Nâm	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 01"	106° 15' 45"					F-48-57-B-c
thôn Nà Riển	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 16' 04"					F-48-57-B-c
làng Nà Yêu	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 52"	106° 16' 58"					F-48-57-B-a
núi Sa Gieng	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 53' 09"	106° 15' 38"					F-48-57-B-a
thôn Thắm Luông	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 16' 33"					F-48-57-B-c
khau Cái	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 28"	106° 12' 35"					F-48-57-C-b
suối Hoan	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 37"	106° 11' 36"	21° 43' 56"	106° 14' 42"	F-48-57-C-b
núi Húng Rù	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 43' 33"	106° 14' 31"					F-48-57-C-b
suối Khuyết	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 26"	106° 13' 34"	21° 45' 16"	106° 13' 12"	F-48-57-A-d
bản Lân Hoài	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 51"	106° 12' 11"					F-48-57-C-b
núi Lân Hoài	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 07"	106° 12' 14"					F-48-57-A-d
núi Lân Lường	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 44"	106° 13' 43"					F-48-57-C-b
suối Mật	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 44' 03"	106° 12' 10"	21° 44' 41"	106° 12' 29"	F-48-57-C-b
thôn Nà Gỗ	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 22"	106° 13' 40"					F-48-57-C-b
thôn Nà Thí	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 05"	106° 14' 26"					F-48-57-C-b
suối Phàn	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 45' 13"	106° 11' 19"	21° 45' 30"	106° 12' 38"	F-48-57-A-d
núi Phia Thin	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 05"	106° 13' 11"					F-48-57-A-d
núi Pho Ti	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 32"	106° 10' 05"					F-48-57-A-d
thôn Phong Thịnh	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 31"	106° 12' 54"					F-48-57-A-d
suối Roòng	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 56"	106° 12' 09"	21° 45' 37"	106° 12' 25"	F-48-57-A-d
bản Suối Mật	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 51"	106° 12' 52"					F-48-57-C-b
thôn Tân Vũ	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 46' 11"	106° 11' 56"					F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Văn Khánh	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 17"	106° 14' 22"					F-48-57-C-b
thôn Yên Thành	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 55"	106° 13' 12"					F-48-57-C-b
thôn Bắc Mỏ	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 50' 37"	106° 07' 24"					F-48-57-A-c
thôn Bản Hoàng	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 50' 57"	106° 08' 24"					F-48-57-A-d
thôn Bình An	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 51' 54"	106° 06' 42"					F-48-57-A-c
khuổi Bốc	TV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn			21° 51' 59"	106° 10' 45"	21° 52' 08"	106° 09' 53"	F-48-57-A-d
đèo Bụt	SV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 50' 44"	106° 09' 43"					F-48-57-A-d
khuổi Cái	TV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn			21° 53' 03"	106° 07' 54"	21° 53' 38"	106° 09' 07"	F-48-57-A-b
khau Co	SV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 51' 16"	106° 06' 54"					F-48-57-A-c
làng Hoàng Keng	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 10' 26"					F-48-57-A-d
thôn Khau Bao	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 53' 01"	106° 10' 25"					F-48-57-A-b
thôn Long Bài	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 50' 48"	106° 08' 37"					F-48-57-A-d
bản Luồng Phái	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 06' 55"					F-48-57-A-c
thôn Minh Sơn	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 07' 14"					F-48-57-A-c
thôn Nà Càng	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 09' 29"					F-48-57-A-d
bản Nà Lân	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 52' 15"	106° 08' 40"					F-48-57-A-d
bản Nà Lói	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 51' 51"	106° 08' 50"					F-48-57-A-d
thôn Nà Lung	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 51' 04"	106° 07' 32"					F-48-57-A-d
núi Nà Mâu	SV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 52' 15"	106° 09' 47"					F-48-57-A-d
suối Nay	TV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn			21° 52' 31"	106° 10' 56"	21° 53' 33"	106° 09' 31"	F-48-57-A-b
suối Nghinh Tường	TV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn			21° 48' 42"	106° 07' 10"	21° 49' 35"	106° 06' 20"	F-48-57-A-c
làng Ngọc Lâu	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 52' 46"	106° 09' 03"					F-48-57-A-b
thôn Ngọc Lâu	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 51' 21"	106° 09' 31"					F-48-57-A-d
suối Phai Mường	TV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn			21° 50' 57"	106° 08' 39"	21° 52' 50"	106° 08' 52"	F-48-57-A-d
núi Phia Vô	SV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 51' 41"	106° 09' 21"					F-48-57-A-d
núi Phò Khạm	SV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 50' 46"	106° 09' 24"					F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Pia	SV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 09' 49"					F-48-57-A-d
núi Pia Tin	SV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 53' 33"	106° 06' 46"					F-48-57-A-a
khau Piao	SV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 51' 36"	106° 10' 27"					F-48-57-A-d
thôn Pò Đồn	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 50' 54"	106° 08' 54"					F-48-57-A-d
thôn Suối Tát	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 53' 31"	106° 09' 30"					F-48-57-A-b
thôn Suối Tín	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 53' 15"	106° 08' 09"					F-48-57-A-b
núi Tam Tấu	SV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 54' 45"	106° 08' 09"					F-48-57-A-b
suối Tát	TV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn			21° 52' 11"	106° 09' 30"	21° 52' 50"	106° 08' 52"	F-48-57-A-b
thôn Thâm Phè	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 50' 06"	106° 08' 24"					F-48-57-A-d
thôn Thâm Si	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 05' 48"					F-48-57-A-c
suối Tó	TV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn			21° 53' 38"	106° 09' 07"	21° 54' 44"	106° 10' 04"	F-48-57-A-b
núi Trà Cà	SV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 54' 09"	106° 08' 11"					F-48-57-A-b
làng Tuống Lão	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 54' 34"	106° 09' 48"					F-48-57-A-b
khau Vạ	SV	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 50' 55"	106° 10' 29"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Thắng A	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 10' 08"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Thắng B	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 51' 54"	106° 10' 00"					F-48-57-A-d
thôn Yên Mỹ	DC	xã Tân Tri	H. Bắc Sơn	21° 50' 41"	106° 08' 10"					F-48-57-A-d
làng Cốc Pái	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 32"	106° 21' 48"					F-48-57-B-c
đèo Keng Căng	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 44"	106° 22' 01"					F-48-57-B-c
núi Keng Giàn	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 31"	106° 23' 19"					F-48-57-B-d
đèo Keng Nhuội	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 43' 12"	106° 20' 02"					F-48-57-D-a
đèo Khoản Huyền	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 59"	106° 22' 59"					F-48-57-B-d
núi Khoang Cướm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 58"	106° 23' 20"					F-48-57-B-d
thôn Lân Cà 1	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Cà 2	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
làng Lân Cấm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 41"	106° 23' 04"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lân Cấm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 42"	106° 23' 35"					F-48-57-B-d
làng Lân Đấy	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 11"	106° 20' 46"					F-48-57-D-a
thôn Lân Gà 1	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Gà 2	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Gặt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 34"	106° 22' 48"					F-48-57-B-d
thôn Lân Hoèn	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 15"	106° 21' 39"					F-48-57-D-a
núi Lân Lúc	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 52"	106° 21' 41"					F-48-57-B-c
núi Lân Nà	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 55"	106° 21' 58"					F-48-57-B-c
làng Lân Nặm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 27"	106° 20' 12"					F-48-57-B-c
núi Lân Nặm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 15"	106° 21' 06"					F-48-57-B-c
đèo Lân Phi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 39"	106° 20' 11"					F-48-57-B-c
núi Lân Phi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 35"	106° 20' 17"					F-48-57-B-c
núi Lân Po	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 54"	106° 20' 42"					F-48-57-B-c
làng Lân Rì	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 43' 52"	106° 20' 40"					F-48-57-D-a
đèo Lân Rượi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 42"	106° 20' 43"					F-48-57-B-c
núi Lân Rượi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 38"	106° 20' 45"					F-48-57-B-c
làng Lân Tưa	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 42"	106° 21' 07"					F-48-57-D-a
đèo Lân Tưa	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 41"	106° 20' 57"					F-48-57-D-a
thôn Làng Huyền	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 35"	106° 21' 16"					F-48-57-B-c
thôn Làng Mỏ	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 00"	106° 21' 54"					F-48-57-B-c
thôn Làng Rộng	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 15"	106° 21' 26"					F-48-57-B-c
thôn Làng Thẳm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 13"	106° 21' 28"					F-48-57-B-c
núi Nàng Tiên	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 26"	106° 21' 54"					F-48-57-B-c
thôn Noóc Mò	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 53"	106° 20' 02"					F-48-57-B-c
làng Pá Khắt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 40"	106° 19' 24"					F-48-57-B-c
thôn Pá Ó	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 26"	106° 19' 59"					F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phạ Lác	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 30"	106° 22' 19"					F-48-57-B-c
suối Phai Lầu	TV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn			21° 45' 48"	106° 20' 24"	21° 47' 28"	106° 21' 27"	F-48-57-B-c
hồ Phai Thuống	TV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 42"	106° 20' 38"					F-48-57-B-c
thôn Thâm Vớt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 33"	106° 20' 51"					F-48-57-B-c
núi Xa Eng	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 50"	106° 21' 43"					F-48-57-B-c
thôn Bản Cầm	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 05"	106° 13' 37"					F-48-57-A-b
suối Bản Cẩm	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 55' 04"	106° 13' 31"	21° 56' 33"	106° 13' 43"	F-48-57-A-b
thôn Bản Khuông	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 53' 47"	106° 11' 27"					F-48-57-A-b
thôn Bản Soong	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 44"	106° 12' 31"					F-48-57-A-b
khuổi Cay	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 54' 07"	106° 12' 17"	21° 55' 37"	106° 12' 51"	F-48-57-A-b
núi Cò Luồng	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 48"	106° 13' 58"					F-48-57-A-b
núi Cúc Vạt	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 04"	106° 13' 30"					F-48-57-A-b
khau Khá	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 52' 48"	106° 11' 35"					F-48-57-A-b
bản Khau Bao	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 53' 06"	106° 11' 29"					F-48-57-A-b
làng Khuổi Dạ	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 07"	106° 14' 14"					F-48-57-A-b
làng Khuổi Tâm	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 56"	106° 11' 21"					F-48-57-A-b
thôn Khuôn	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 54' 12"	106° 11' 19"					F-48-57-A-b
thôn Lọ Riềng	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 39"	106° 13' 01"					F-48-57-A-b
làng Nà Soọc	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 04"	106° 12' 48"					F-48-57-A-b
bản Nà U	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 46"	106° 13' 36"					F-48-57-A-b
núi Pò Cái	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 00"	106° 12' 41"					F-48-57-A-b
núi Pò Luông	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 32"	106° 12' 39"					F-48-57-A-b
núi Quan Mốc	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 57"	106° 12' 33"					F-48-57-A-b
khau Rầm	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 23"	106° 11' 43"					F-48-57-A-b
suối Vạn Thủy	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 54' 53"	106° 10' 29"	21° 56' 45"	106° 13' 51"	F-48-57-A-b
khau Xin	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 39"	106° 13' 06"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Xoong Mèo	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 51"	106° 11' 55"					F-48-57-A-b
đường tỉnh 241	KX	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 46' 39"	106° 17' 13"	21° 49' 59"	106° 19' 29"	F-48-57-B-c
thôn Bản Đắc	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 47' 33"	106° 19' 01"					F-48-57-B-c
suối Bản Đắc	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 47' 04"	106° 18' 40"	21° 46' 56"	106° 18' 10"	F-48-57-B-c
thôn Bảo Luân	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 20"	106° 18' 46"					F-48-57-B-c
đèo Kéo Gàn	SV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 41"	106° 18' 06"					F-48-57-B-c
làng Khau	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 06"	106° 17' 41"					F-48-57-B-c
làng Khiến	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 26"	106° 17' 36"					F-48-57-B-c
thôn Làng Dọc 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 48' 42"	106° 17' 17"					F-48-57-B-c
thôn Liên Hương	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 02"	106° 16' 52"					F-48-57-B-c
thôn Liên Lạc 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
thôn Liên Lạc 2	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
suối Nà Khoang	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 50' 26"	106° 18' 41"	21° 50' 08"	106° 16' 40"	F-48-57-B-c
làng Nà Lày	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 50' 25"	106° 18' 26"					F-48-57-B-c
làng Rào	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 09"	106° 17' 21"					F-48-57-B-c
thôn Sông Hóa 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
thôn Sông Hóa 2	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
làng Suối Bốc	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 46' 59"	106° 16' 43"					F-48-57-B-c
thôn Suối Luông	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 47' 03"	106° 18' 51"					F-48-57-B-c
hồ Vũ Lăng	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 24"	106° 18' 02"					F-48-57-B-c
đường tỉnh 241	KX	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 41"	106° 09' 42"	21° 46' 37"	106° 11' 34"	F-48-57-A-d
núi Bó Diệc	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 46"	106° 10' 26"					F-48-57-A-d
núi Cạm Càng	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 00"	106° 08' 47"					F-48-57-A-d
núi Co Bây	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 36"	106° 10' 00"					F-48-57-A-d
suối Hoan	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 39"	106° 10' 38"	21° 47' 13"	106° 11' 07"	F-48-57-A-d
suối Hoan	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 13"	106° 11' 07"	21° 46' 37"	106° 11' 36"	F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kha Hạ	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 36"	106° 11' 55"					F-48-57-A-d
núi Khau Luông	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 46' 55"	106° 12' 50"					F-48-57-A-d
thôn Khuôn Bồng	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 31"	106° 06' 56"					F-48-57-A-c
thôn Lân Kẽm	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 38"	106° 08' 49"					F-48-57-A-d
núi Lũng Om	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 05"	106° 11' 18"					F-48-57-A-d
núi Lũng Pán	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 21"	106° 06' 54"					F-48-57-A-c
thôn Minh Tiến	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 10"	106° 08' 48"					F-48-57-A-d
thôn Ngả Hai	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 43"	106° 09' 45"					F-48-57-A-d
khuổi Nọi	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 46' 18"	106° 09' 31"	21° 47' 36"	106° 10' 22"	F-48-57-A-d
thôn Quang Thái	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 46' 55"	106° 08' 26"					F-48-57-A-d
thôn Quang Tiến	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 40"	106° 10' 30"					F-48-57-A-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 13"	106° 08' 11"					F-48-57-A-d
đèo Thống Nhất	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 30"	106° 08' 43"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Lâm	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 17"	106° 09' 25"					F-48-57-A-d
quốc lộ 1B	KX	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn			21° 50' 41"	106° 12' 39"	21° 52' 39"	106° 12' 47"	F-48-57-A-d
suối Bà Đông	TV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn			21° 51' 58"	106° 13' 15"	21° 52' 52"	106° 14' 29"	F-48-57-A-d
núi Bó Giá	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 14' 32"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Sơn	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 05"	106° 12' 41"					F-48-57-A-d
núi Keng Chón (Ceng Chón)	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 25"	106° 14' 01"					F-48-57-A-d
đèo Keng Gà	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 04"	106° 14' 29"					F-48-57-A-b
núi Khưa Mu	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 11' 43"					F-48-57-A-d
khau Kiêng	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 36"	106° 11' 28"					F-48-57-A-d
núi Nà Bao	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 48"	106° 14' 09"					F-48-57-A-b
thôn Nà Danh	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 50"	106° 12' 52"					F-48-57-A-d
thôn Nà Giá	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 37"	106° 13' 52"					F-48-57-A-b
thôn Nà Pán	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 12' 51"					F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Qué	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 27"	106° 12' 56"					F-48-57-A-d
thôn Nà Rộng	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 13' 42"					F-48-57-A-d
thôn Phúc Tiến	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 16"	106° 12' 31"					F-48-57-A-d
núi Thắm Vài	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 20"	106° 13' 21"					F-48-57-A-d
cầu Đông Mạ	KX	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 09"	106° 22' 25"					F-48-57-B-a
làng Lũng Nọi	DC	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 11"	106° 22' 25"					F-48-57-B-a
làng Phai Cam	DC	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 39"	106° 21' 54"					F-48-57-B-a
thôn Bản Khoang	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 53"	106° 29' 10"					F-48-57-B-b
thôn Bản Pát	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 19"	106° 30' 46"					F-48-58-A-a
suối Bản Pi Oà (Bản Pyòa)	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 22"	106° 28' 57"	21° 56' 08"	106° 29' 31"	F-48-57-B-b
thôn Bản Pìa	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 12"	106° 29' 24"					F-48-57-B-b
suối Bình La	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 05"	106° 29' 34"	21° 54' 47"	106° 29' 47"	F-48-57-B-b
núi Chong Tu	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 33"	106° 30' 30"					F-48-58-A-a
thôn Cốc Phường	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 39"	106° 27' 57"					F-48-57-B-b
suối Cốc Phường	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 58' 43"	106° 27' 59"	21° 57' 15"	106° 28' 55"	F-48-57-B-b
núi Khun Pi Ật (Khun Piật)	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 02"	106° 29' 02"					F-48-57-B-b
thôn Khuổi Luông	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 03"	106° 28' 57"					F-48-57-B-b
khau Làng	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 34"	106° 31' 52"					F-48-58-A-a
núi Ma Thái	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 17"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
núi Mạy Cứa	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 14"	106° 31' 24"					F-48-58-A-a
suối Nà Văng	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 25"	106° 31' 41"	21° 55' 24"	106° 30' 57"	F-48-58-A-a
suối Nưa Thong	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 58' 12"	106° 28' 48"	21° 57' 13"	106° 28' 51"	F-48-57-B-b
bản Nưa Thoong	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 49"	106° 29' 13"					F-48-57-B-b
suối Quan Thu	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 29"	106° 30' 58"	21° 54' 49"	106° 29' 48"	F-48-58-A-a
núi Sam Siêu	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 27' 28"					F-48-57-B-b
suối Trung Thượng	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 55' 25"	106° 30' 56"	21° 55' 03"	106° 30' 24"	F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Duộc	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 08"	106° 15' 31"					F-48-57-B-a
núi Bản Duộc	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 02"	106° 16' 26"					F-48-57-B-a
suối Bản Duộc	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 04"	106° 15' 59"	21° 59' 12"	106° 14' 35"	F-48-57-B-a
suối Bản Duộc	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 57' 55"	106° 16' 48"	21° 58' 04"	106° 15' 59"	F-48-57-B-a
khau Bao	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 26"	106° 12' 24"					F-48-57-A-b
núi Khau Hai	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 57' 14"	106° 17' 24"					F-48-57-B-a
khuổi Khinh	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 56' 45"	106° 13' 51"	21° 58' 33"	106° 13' 30"	F-48-57-A-b
bản Khúc Khuyết	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 38"	106° 13' 44"					F-48-57-A-b
núi Khuổi Cuồng	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 01' 04"	106° 12' 13"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Khiếc	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 35"	106° 11' 02"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Khinh	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 56' 58"	106° 13' 55"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Nhuần	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 57"	106° 12' 41"					F-48-57-A-b
núi Ma Này	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 00' 07"	106° 12' 44"					F-48-45-C-d
suối Mạy Đẩy	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			22° 01' 22"	106° 11' 17"	22° 00' 00"	106° 11' 47"	F-48-45-C-d
núi Mạy Khoang	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 57' 18"	106° 12' 45"					F-48-57-A-b
bản Nà Chỉ	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 21"	106° 14' 33"					F-48-57-A-b
suối Nà Chỉ	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 56' 45"	106° 15' 12"	21° 58' 36"	106° 13' 52"	F-48-57-A-b
suối Nà Dát	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 21"	106° 12' 11"	21° 58' 55"	106° 12' 37"	F-48-57-A-b
bản Nà Lào	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 17"	106° 12' 06"					F-48-57-A-b
khuổi Nhuần	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 59' 18"	106° 11' 56"	21° 58' 38"	106° 13' 01"	F-48-57-A-b
bản Phiêng Hà	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 17"	106° 12' 47"					F-48-57-A-b
thôn Tà Chu	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 14"	106° 14' 30"					F-48-57-A-b
suối Tà Chu	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 36"	106° 13' 52"	22° 00' 04"	106° 14' 47"	F-48-57-A-b
bản Tà Vàng	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 10"	106° 13' 31"					F-48-57-A-b
khuổi Tang	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			22° 00' 17"	106° 13' 14"	21° 58' 56"	106° 12' 43"	F-48-57-A-b
thôn Bản Cù	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 21"	106° 20' 55"					F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Cù	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 08' 53"	106° 21' 53"	22° 08' 08"	106° 21' 04"	F-48-45-D-a
thôn Bằng Giang 1	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 56"	106° 20' 57"					F-48-45-D-a
thôn Bằng Giang 2	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 49"	106° 20' 56"					F-48-45-D-a
núi Bó Quan	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 08"	106° 26' 12"					F-48-45-D
suối Cảo Chòm	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 13' 16"	106° 23' 59"	22° 11' 10"	106° 23' 23"	F-48-45-D
khau Chổm	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 56"	106° 23' 28"					F-48-45-D
thôn Đội Cấn 1	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 03"	106° 22' 16"					F-48-45-D-a
thôn Đội Cấn 2	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 28"	106° 23' 29"					F-48-45-D
núi Kéo Tù	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 13' 21"	106° 23' 28"					F-48-45-D
núi Khuổi Pàn	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 16"	106° 23' 37"					F-48-45-D
núi Kốc Po	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 40"	106° 23' 28"					F-48-45-D
khuổi Lìn	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 12' 58"	106° 20' 37"	22° 12' 02"	106° 20' 33"	F-48-45-D-a
thôn Nà Lò	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 00"	106° 21' 18"					F-48-45-D-a
thôn Nà Pàn	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 07' 22"	106° 21' 14"					F48-45-D-c
khuổi Ngào	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 12' 19"	106° 22' 15"	22° 10' 11"	106° 22' 30"	F-48-45-D-a
núi Phinh Lốc	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 10' 18"	106° 24' 01"					F-48-45-D
thôn Tân Lập	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 07' 07"	106° 21' 43"					F-48-45-D-c
khuổi Thẳm	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 11' 14"	106° 21' 18"	22° 10' 40"	106° 20' 08"	F-48-45-D-a
thôn Vĩnh Quang	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 29"	106° 26' 40"					F-48-45-D
suối Vĩnh Quang	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 09' 21"	106° 25' 32"	22° 07' 37"	106° 25' 58"	F-48-45-D
thôn Bản Phân	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 26"	106° 19' 40"					F-48-57-B-a
suối Bản Phân	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			22° 00' 05"	106° 20' 24"	21° 59' 34"	106° 19' 13"	F-48-57-B-a
đèo Khau Ra	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 19"	106° 20' 16"					F-48-57-B-a
khao Khuổi Hang	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 43"	106° 21' 50"					F-48-57-B-a
núi Khuổi Hò	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 31"	106° 21' 38"					F-48-45-D-c
suối Khuổi Ký	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 57' 02"	106° 20' 52"	21° 57' 02"	106° 21' 34"	F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khuổi Luồng	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 53"	106° 21' 41"					F-48-45-D-c
núi Lũng Nhù	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 16"	106° 21' 13"					F-48-45-D-c
bản Nà Cui	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 27"	106° 21' 11"					F-48-57-B-a
bản Nà Rường	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 56"	106° 21' 25"					F-48-57-B-a
thôn Phai Danh	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 21"	106° 22' 23"					F-48-57-B-a
hồ Phai Danh	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 27"	106° 22' 08"					F-48-57-B-a
núi Phia Củm	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 39"	106° 20' 56"					F-48-45-D-c
bản Phia Không	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 04"	106° 21' 01"					F-48-57-B-a
đèo Phia Không	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 55' 53"	106° 20' 58"					F-48-57-B-a
núi Phia Không	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 08"	106° 21' 28"					F-48-57-B-a
núi Rơi	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 09"	106° 22' 22"					F-48-45-D-c
bản Thẩm Sáng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 40"	106° 21' 29"					F-48-57-B-a
suối Thẩm Sáng	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 59' 37"	106° 21' 17"	21° 59' 12"	106° 21' 29"	F-48-57-B-a
thôn Thuần Như	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 18"	106° 21' 33"					F-48-57-B-a
suối Thuần Như	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 58' 49"	106° 21' 30"	21° 57' 34"	106° 21' 35"	F-48-57-B-a
thôn Tòng Chu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 57' 20"	106° 21' 35"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 226	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 04' 21"	106° 23' 58"	22° 08' 05"	106° 24' 01"	F-48-45-D-d
đường tỉnh 231	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 05' 02"	106° 23' 36"	22° 04' 32"	106° 26' 17"	F-48-45-D-d
sông Bắc Giang	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 35"	106° 20' 56"	22° 07' 12"	106° 28' 16"	F-48-45-D-d
suối Bắc Me	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 05' 53"	106° 21' 57"	22° 06' 23"	106° 22' 38"	F-48-45-D-c
suối Cao Lan	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 04' 20"	106° 23' 54"	22° 05' 35"	106° 23' 23"	F-48-45-D-d
suối Cốc Lùng	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 09' 11"	106° 27' 37"	22° 08' 40"	106° 27' 31"	F-48-45-D
khuổi Đắc	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 06' 15"	106° 20' 49"	22° 06' 47"	106° 21' 41"	F-48-45-D
bản Khau Phại	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 43"	106° 28' 34"					F-48-45-D
thôn Khuổi Khuy	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 01"	106° 24' 01"					F-48-45-D-d
khuổi Khuy	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 59"	106° 24' 12"	22° 05' 55"	106° 23' 58"	F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kim Đồng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 06' 40"	106° 20' 42"					F-48-45-D-c
khuổi Linh	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 53"	106° 24' 47"	22° 06' 25"	106° 25' 13"	F-48-45-D-d
khau Lính	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 29"	106° 24' 57"					F-48-45-D-d
thôn Nà Buổn	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 15"	106° 23' 24"					F-48-45-D-d
thôn Nà Cạp	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 03"	106° 25' 55"					F-48-45-D-d
bản Nà Đeng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 49"	106° 24' 53"					F-48-45-D-d
thôn Nà Háng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 43"	106° 23' 53"					F-48-45-D-d
thôn Nà Kít	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 14"	106° 25' 08"					F-48-45-D-d
thôn Nà Nát	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 50"	106° 23' 00"					F-48-45-D-d
thôn Nà Sla	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 38"	106° 27' 32"					F-48-45-D
bản Nà Sli	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 03"	106° 23' 22"					F-48-45-D-d
thôn Nà Ven	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 46"	106° 23' 20"					F-48-45-D-d
suối Nà Ven	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 08' 02"	106° 23' 38"	22° 05' 52"	106° 23' 06"	F-48-45-D-d
thôn Nặm Slin	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 30"	106° 23' 52"					F-48-45-D-d
khau Phại	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 52"	106° 28' 01"					F-48-45-D
bản Pò My	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 04"	106° 23' 39"					F-48-45-D-d
bản Quyến	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 06' 40"	106° 26' 50"					F-48-45-D-d
núi Thọ Văn	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 07"	106° 27' 58"					F-48-45-D
bản Văn Can	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 30"	106° 25' 37"					F-48-45-D-d
thôn Văn Mịch	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 26"	106° 23' 20"					F-48-45-D-d
cầu Văn Mịch	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 42"	106° 23' 28"					F-48-45-D-d
thôn Vằng Phia	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 04"	106° 27' 05"					F-48-45-D-d
suối Vĩnh Quang	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 37"	106° 25' 58"	22° 06' 41"	106° 26' 20"	F-48-45-D-d
thôn Bản Hoay	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 58' 13"	106° 25' 45"					F-48-57-B-b
thôn Bản Huấn	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 07"	106° 27' 17"					F-48-57-B-b
suối Bản Huấn	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 54"	106° 27' 17"	21° 56' 20"	106° 27' 11"	F-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Nghiệc	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 25"	106° 27' 22"					F-48-57-B-b
suối Cốc Múc	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 57' 22"	106° 25' 22"	21° 56' 56"	106° 25' 30"	F-48-57-B-b
núi Cốc Sa	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 08"	106° 27' 46"					F-48-57-B-b
thôn Còn Quan	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 08"	106° 28' 20"					F-48-57-B-b
sông Còn Quan	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 00"	106° 27' 20"	21° 54' 06"	106° 28' 45"	F-48-57-B-b
suối Còn Tẩu Ư (Còn Tẩu)	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 41"	106° 25' 17"	21° 56' 56"	106° 25' 30"	F-48-57-B-b
núi Khuôn Tát	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 46"	106° 28' 00"					F-48-57-B-b
bản Mồ Hấu	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 22"	106° 28' 41"					F-48-57-B-b
thôn Nà Bản	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 52"	106° 26' 07"					F-48-57-B-b
suối Nà Bản	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 57' 57"	106° 26' 19"	21° 56' 47"	106° 26' 12"	F-48-57-B-b
thôn Nà Dẳn	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 09"	106° 28' 39"					F-48-57-B-b
bản Nà Kéo	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 05"	106° 29' 02"					F-48-57-B-b
thôn Nà Khoang	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 43"	106° 28' 18"					F-48-57-B-b
thôn Nà Ngùa	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 25"	106° 26' 28"					F-48-57-B-b
suối Nà Ngùa	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 09"	106° 25' 52"	21° 56' 20"	106° 26' 23"	F-48-57-B-b
bản Nà Om	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 21"	106° 28' 27"					F-48-57-B-b
thôn Nam Tiến	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 57' 27"	106° 25' 18"					F-48-57-B-b
suối Phi Phạ	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 54' 06"	106° 28' 45"	21° 54' 05"	106° 28' 44"	F-48-57-B-b
núi Pò Thu Kiều	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 57' 44"	106° 26' 15"					F-48-57-B-b
khau Quân	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 58' 25"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
thôn Bản Chu	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 12' 08"	106° 19' 15"					F-48-45-D-a
khuổi Buông	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 13' 52"	106° 19' 05"	22° 12' 59"	106° 18' 32"	F-48-45-D-a
khuổi Dầy	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			245° 78' 60"	63° 71' 40"	245° 56' 20"	63° 59' 50"	F-48-45-D-a
suối Hưng Đạo	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 46"	106° 15' 47"	22° 11' 27"	106° 19' 39"	F-48-45-D-a
suối Kéo Liềng	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 08' 26"	106° 20' 58"	22° 07' 08"	106° 21' 19"	F-48-45-D-a
khuổi Khiếc	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 30"	106° 18' 18"	22° 13' 34"	106° 17' 41"	F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Bưa	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 12' 59"	106° 18' 32"					F-48-45-D-a
thôn Nà Dạ	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 14' 10"	106° 16' 55"					F-48-45-D-a
khuổi Nà Dạ	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 60"	106° 17' 23"	22° 14' 02"	106° 16' 57"	F-48-45-D-a
thôn Pác Khiếc	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 13' 40"	106° 17' 40"					F-48-45-D-a
thôn Pàn Deng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 11' 12"	106° 19' 27"					F-48-45-D-a
thôn Pàn Slèo	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 11' 50"	106° 20' 16"					F-48-45-D-a
đường tỉnh 226	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia			21° 59' 30"	106° 23' 31"	22° 04' 21"	106° 23' 58"	F-48-45-D-d
thôn Bản Hỏi	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 04' 54"	106° 24' 38"					F-48-45-D-d
thôn Bản Tăn	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 22' 34"					F-48-45-D-d
thôn Bản Tiến	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 56"	106° 24' 34"					F-48-45-D-d
suối Cao Lan	TV	xã Minh Khai	H. Bình Gia			22° 00' 05"	106° 23' 38"	22° 04' 20"	106° 23' 54"	F-48-45-D-d
cầu Cao Lan	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 05"	106° 23' 39"					F-48-45-D-d
núi Đông Ké	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 40"	106° 25' 02"					F-48-57-B-b
núi Đông Nim	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 30"	106° 22' 05"					F-48-45-D-c
đèo Khau Phụ	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 30"	106° 23' 31"					F-48-57-B-b
khuổi Khem	TV	xã Minh Khai	H. Bình Gia			22° 00' 21"	106° 25' 21"	22° 01' 10"	106° 25' 56"	F-48-45-D-d
thôn Khuổi Con	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 11"	106° 23' 16"					F-48-45-D-d
thôn Khuổi Ổ	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 47"	106° 24' 15"					F-48-45-D-d
thôn Nà Khuông	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 57"	106° 25' 57"					F-48-45-D-d
thôn Nà Mạ	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 55"	106° 23' 30"					F-48-45-D-d
thôn Nà Mười	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 04' 11"	106° 23' 52"					F-48-45-D-d
thôn Nà Nèn	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 25' 21"					F-48-45-D-d
cầu Nà Thú	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 57"	106° 23' 42"					F-48-45-D-d
cầu Nà Toòng	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 03' 26"	106° 23' 43"					F-48-45-D-d
thôn Pàn Pẻn 1	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 19"	106° 24' 16"					F-48-45-D-d
thôn Pàn Pẻn 2	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 23' 44"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phiêng Nưa	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 24"	106° 26' 02"					F-48-57-B-b
thôn Bản Muống	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 18' 35"					F-48-57-B-a
suối Bản Quá	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 56' 17"	106° 17' 42"	21° 55' 59"	106° 17' 18"	F-48-57-B-a
khuổi Càn	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 59' 27"	106° 16' 53"	21° 59' 46"	106° 15' 58"	F-48-57-B-a
thôn Cốc Mặn	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 41"	106° 18' 44"					F-48-57-B-a
thôn Đồng Hương	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 57"	106° 18' 03"					F-48-57-B-a
bản Khuổi Càn	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 59' 56"	106° 15' 55"					F-48-57-B-a
khuổi Ki	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 58' 18"	106° 17' 15"	21° 58' 53"	106° 17' 34"	F-48-57-B-a
suối Nà Cam	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 59' 08"	106° 17' 29"	21° 59' 58"	106° 17' 35"	F-48-57-B-a
thôn Nà Cướm	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 56' 09"	106° 16' 33"					F-48-57-B-a
suối Nà Cướm	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 56' 39"	106° 17' 17"	21° 56' 01"	106° 16' 41"	F-48-57-B-a
thôn Nà Vò	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 24"	106° 18' 44"					F-48-57-B-a
thôn Nà Vường	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 18' 41"					F-48-57-B-a
bản Quá	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 56' 03"	106° 17' 17"					F-48-57-B-a
khuổi Quân	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 57' 47"	106° 17' 51"	21° 58' 53"	106° 17' 38"	F-48-57-B-a
thôn Viên Minh	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 59' 52"	106° 16' 32"					F-48-57-B-a
suối Bắc Me	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 03' 05"	106° 22' 20"	22° 05' 53"	106° 21' 57"	F-48-45-D-c
thôn Bản Quần	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 02' 44"	106° 20' 45"					F-48-45-D-c
suối Bản Quần	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 02' 42"	106° 20' 26"	22° 03' 26"	106° 19' 59"	F-48-45-D-c
thôn Đình Cam	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 52"	106° 19' 53"					F-48-45-D-c
suối Đình Cam	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 03' 26"	106° 19' 59"	22° 05' 30"	106° 21' 36"	F-48-45-D-c
thôn Kèo Giếng	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 24"	106° 20' 06"					F-48-45-D-c
núi Khau Mạ	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 56"	106° 20' 52"					F-48-45-D-d
thôn Mò Mè	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 44"	106° 19' 53"					F-48-45-D-c
thôn Nà Ngần	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 02' 34"	106° 18' 55"					F-48-45-D-c
suối Nà Ngần	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 02' 34"	106° 18' 55"	22° 03' 26"	106° 19' 59"	F-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Tèo	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 15"	106° 19' 46"					F-48-45-D-c
thôn Nà Tồng	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 01"	106° 21' 26"					F-48-45-D-c
suối Nà Tồng	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 03' 38"	106° 22' 18"	21° 03' 05"	106° 22' 21"	F-48-45-D-c
thôn Pác Giắm	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 23"	106° 21' 33"					F-48-45-D-c
núi Pò Pán	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 09"	106° 22' 16"					F-48-45-D-c
núi Tình Lay	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 15"	106° 22' 12"					F-48-45-D-c
sông Bắc Giang	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 10' 30"	106° 16' 34"	22° 07' 35"	106° 20' 56"	F-48-45-D-a
núi Cột Cờ	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 29"	106° 20' 04"					F-48-45-D-a
suối Hát Lọc	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 10' 12"	106° 17' 44"	22° 10' 07"	106° 17' 24"	F-48-45-D-a
bản Khuổi Là	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 24"	106° 15' 57"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Ngành	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 22"	106° 20' 00"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Slâm	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 22"	106° 16' 29"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Slang	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 32"	106° 15' 35"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Toong	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 21"	106° 17' 17"					F-48-45-D-a
khuổi Là	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 09' 14"	106° 15' 12"	22° 09' 33"	106° 17' 09"	F-48-45-D-a
khau Liềng	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 17"	106° 20' 32"					F48-45-D-c
khuổi Lùng	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 51"	106° 19' 42"					F-48-45-D-a
thôn Nà Kéo	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 34"	106° 16' 58"					F-48-45-D-a
thôn Nà Lùng	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 15"	106° 18' 18"					F-48-45-D-a
suối Pác Cáp	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 09' 30"	106° 19' 00"	22° 08' 09"	106° 20' 00"	F-48-45-D-a
bản Sang Dưới	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 23"	106° 15' 26"					F-48-45-D-a
khuổi Slang	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 48"	106° 15' 27"	22° 09' 14"	106° 15' 12"	F-48-45-D-a
khuổi Slum	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 58"	106° 13' 54"	22° 08' 46"	106° 14' 27"	F-48-45-C-b
khuổi Toong	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 49"	106° 16' 56"	22° 08' 46"	106° 17' 22"	F-48-45-D-a
bản Vằng Puộc	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 39"	106° 20' 29"					F-48-45-D-a
khuổi Bủng	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 55' 53"	106° 10' 02"	21° 55' 01"	106° 10' 13"	F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Cắt	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 41"	106° 10' 05"	21° 57' 46"	106° 10' 42"	F-48-57-A-b
bản Cốc Pục	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 43"	106° 07' 50"					F-48-57-A-b
khuổi Cọn	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 20"	106° 10' 42"	21° 57' 46"	106° 10' 42"	F-48-57-A-b
khuổi Điện	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 55' 03"	106° 09' 41"	21° 55' 01"	106° 10' 13"	F-48-57-A-b
khuổi Hẩu	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 22"	106° 08' 51"	21° 57' 43"	106° 08' 41"	F-48-57-A-b
núi Kéo Dỉn	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 14"	106° 07' 11"					F-48-57-A-a
thôn Khuổi Bổng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 03"	106° 10' 15"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Cắt	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 32"	106° 10' 21"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Cọn	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 14"	106° 10' 34"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Liềng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 00"	106° 08' 47"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Mùi	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 52"	106° 10' 21"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Nà	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 27"	106° 07' 41"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Phung	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 08"	106° 08' 28"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Tỏi	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 07"	106° 11' 31"					F-48-57-A-b
núi Làu Bạu	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 21"	106° 08' 37"					F-48-57-A-b
khuổi Liềng	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 54' 50"	106° 08' 01"	21° 56' 22"	106° 08' 51"	F-48-57-A-b
bản Lũng Lì	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 57"	106° 07' 18"					F-48-57-A-a
núi Lũng Lì	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 41"	106° 06' 46"	21° 57' 43"	106° 08' 41"	F-48-57-A-b
bản Mạy Deng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 50"	106° 11' 52"					F-48-57-A-b
núi May Khoang	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 18"	106° 12' 45"					F-48-57-A-b
suối Mạy Khoang	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 21"	106° 11' 13"	21° 57' 36"	106° 11' 58"	F-48-57-A-b
khuổi Mùi	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 58"	106° 10' 26"	21° 57' 55"	106° 10' 45"	F-48-57-A-b
khuổi Nà	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 28"	106° 07' 43"	21° 56' 22"	106° 08' 51"	F-48-57-A-b
thôn Nà Mang	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 28"	106° 10' 43"					F-48-57-A-b
bản Phiêng Hà	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 01"	106° 12' 32"					F-48-57-A-b
suối Phiêng Hà	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 59' 00"	106° 10' 35"	21° 57' 08"	106° 12' 54"	F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pia Ká	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 54' 52"	106° 07' 36"					F-48-57-A-b
núi Pò Dàu Slậu	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 49"	106° 09' 47"					F-48-57-A-b
núi Pò Khuổi Lùng	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 26"	106° 09' 35"					F-48-57-A-b
núi Pò Phạ Khiếc	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 18"	106° 09' 29"					F-48-57-A-b
núi Pò Tằng Khằng	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 37"	106° 11' 13"					F-48-57-A-b
bản Quang	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 20"	106° 08' 31"					F-48-57-A-b
quốc lộ 1B	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 56' 32"	106° 24' 28"	21° 52' 17"	106° 26' 13"	F-48-57-B-b
thôn Bản Đao	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 18"	106° 25' 44"					F-48-57-B-b
thôn Bản Đáp	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 52' 22"	106° 26' 01"					F-48-57-B-d
cầu Bản Đáp	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 52' 39"	106° 26' 04"					F-48-57-B-b
thôn Bản Nâng	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 30"	106° 26' 39"					F-48-57-B-b
suối Cáp	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 53' 36"	106° 26' 38"	21° 53' 56"	106° 26' 57"	F-48-57-B-b
núi Cốc Phát	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 59"	106° 26' 44"					F-48-57-B-b
thôn Còn Tẩu Ư (Còn Tẩư)	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 09"	106° 25' 01"					F-48-57-B-b
đèo Gạm Nha	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 35"	106° 24' 50"					F-48-57-B-b
thôn Giao Thủy	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 48"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
núi Hin Khang	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 31"	106° 26' 58"					F-48-57-B-b
thôn Kéo Coong	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 18"	106° 25' 22"					F-48-57-B-b
núi Kéo Rầm	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 34"	106° 25' 39"					F-48-57-B-b
thôn Lân Khinh	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 09"	106° 24' 15"					F-48-57-B-b
núi Mỏ Roòng	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 07"	106° 25' 15"					F-48-57-B-b
thôn Nà Dài	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 18"	106° 26' 30"					F-48-57-B-b
suối Nà Dài	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 54' 46"	106° 26' 06"	21° 53' 13"	106° 25' 59"	F-48-57-B-b
thôn Nà Đồng	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 36"	106° 26' 08"					F-48-57-B-b
núi Nà Giáo	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 41"	106° 25' 45"					F-48-57-B-b
suối Nà Giáo	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 53' 56"	106° 26' 57"	21° 54' 23"	106° 27' 25"	F-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nà Pái	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 33"	106° 24' 55"					F-48-57-B-b
thôn Nà Pài	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 39"	106° 24' 41"					F-48-57-B-b
cầu Nà Quân	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 26"	106° 26' 13"					F-48-57-B-b
thôn Nà Vước	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 56"	106° 25' 00"					F-48-57-B-b
thôn Pá Péc	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 15"	106° 25' 04"					F-48-57-B-b
núi Phia Giàng	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 52"	106° 24' 14"					F-48-57-B-b
núi Phia Hón	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 19"	106° 25' 19"					F-48-57-B-b
núi Pò Tường	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 00"	106° 25' 42"					F-48-57-B-b
thôn Suối Cáp	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 07"	106° 26' 23"					F-48-57-B-b
thôn Trà Lẩu	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 37"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
quốc lộ 279	KX	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 05' 03"	106° 08' 20"	106° 13' 36"	22° 01' 42"	F-48-45-C-d
thôn Ba Biền	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 31"	106° 10' 53"					F-48-45-C-d
thôn Cặm Tắm	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 01' 36"	106° 12' 45"					F-48-45-C-d
khuổi Cầu	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 05' 20"	106° 10' 17"	22° 04' 01"	106° 10' 07"	F-48-45-C-d
núi Kéo Trào	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 35"	106° 06' 33"					F-48-45-C-c
bản Khuổi Giàng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 01"	106° 12' 46"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Lào	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 10"	106° 13' 01"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Luông	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 22"	106° 12' 18"					F-48-45-C-d
núi Khuổi Ón	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 22"	106° 13' 56"					F-48-45-C-d
suối Khuổi Sấn	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 02' 53"	106° 08' 52"	22° 03' 35"	106° 09' 54"	F-48-45-C-d
thôn Lân Luông	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 42"	106° 06' 31"					F-48-45-C-c
khuổi Lào	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 04' 07"	106° 13' 00"	22° 02' 55"	106° 12' 48"	F-48-45-C-d
khuổi Lù	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 01' 51"	106° 11' 31"	22° 02' 05"	106° 13' 18"	F-48-45-C-d
khau Lùng Qua	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 52"	106° 07' 38"					F-48-45-C-d
thôn Nà Lẹng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 11"	106° 13' 21"					F-48-45-C-d
thôn Nà Tàn	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 31"	106° 08' 16"					F-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Nà Tàn	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 03' 55"	106° 07' 05"	22° 04' 29"	106° 08' 28"	F-48-45-C-d
khau Slam Lải	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 05' 00"	106° 07' 58"					F-48-45-C-d
khau Tẳng	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 26"	106° 09' 54"					F-48-45-C-d
thôn Thạch Lùng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 53"	106° 07' 20"					F-48-45-C-c
thôn Thâm Khôn	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 59"	106° 09' 20"					F-48-45-C-d
khau Vạt	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 55"	106° 07' 47"					F-48-45-C-d
núi Xa Ngầm Con	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 06' 47"	106° 10' 07"					F-48-45-C-d
thôn Yên Hùng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 35"	106° 12' 19"					F-48-45-C-d
suối Yên Hùng	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 03' 28"	106° 11' 07"	22° 03' 11"	106° 11' 08"	F-48-45-C-d
thôn Bắc Hóa	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 59' 53"	106° 10' 16"					F-48-57-A-b
suối Bắc Hóa	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 00' 43"	106° 08' 16"	21° 59' 18"	106° 09' 52"	F-48-45-C-d
thôn Bản Thàng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 13"	106° 08' 04"					F-48-45-C-d
thôn Ca Siều	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 16"	106° 07' 20"					F-48-45-C-c
núi Cột Cờ	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 55"	106° 09' 30"					F-48-45-C-d
khuổi Hẩu	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 58' 06"	106° 08' 41"	21° 59' 18"	106° 09' 52"	F-48-57-A-b
núi Kéo Trào	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 02' 37"	106° 06' 28"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Hẩu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 58' 51"	106° 09' 18"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Khâu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 52"	106° 10' 11"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Síu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 02' 17"	106° 07' 12"					F-48-45-C-c
khuổi Kiếc	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 00' 50"	106° 10' 12"	21° 59' 42"	106° 10' 55"	F-48-45-C-d
nậm Làm Xa	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 59' 10"	106° 06' 60"	21° 58' 58"	106° 09' 17"	F-48-57-A-b
bản Lộ Sao	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 21"	106° 08' 06"					F-48-45-C-d
khau Lùng Qua	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 03' 10"	106° 07' 05"					F-48-45-C-c
thôn Nà Lù	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 30"	106° 06' 39"					F-48-45-C-c
bản Nà Ngà	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 58"	106° 07' 04"					F-48-45-C-c
bản Nha Cảng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 59' 12"	106° 10' 02"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nhả Cảng	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 59' 18"	106° 09' 52"	21° 59' 00"	106° 10' 35"	F-48-57-A-b
núi Pò Vòm	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 10' 13"					F-48-45-C-d
khuổi Síu	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 02' 60"	106° 07' 14"	22° 01' 59"	106° 06' 57"	F-48-45-C-c
bản Tẩu Reng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 37"	106° 09' 16"					F-48-45-C-d
thôn Tồng Nộc	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 24"	106° 07' 25"					F-48-45-C-c
quốc lộ 279	KX	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 42"	106° 13' 36"	21° 59' 34"	106° 19' 14"	F-48-45-D-c
thôn Bản Chúc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 28"	106° 18' 28"					F-48-45-D-c
suối Bản Chúc	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 06"	106° 18' 43"	22° 00' 32"	106° 16' 50"	F-48-45-D-c
khuổi Hắp	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 04' 31"	106° 15' 57"	22° 03' 57"	106° 16' 20"	F-48-45-D-c
bản Khuổi Càn	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 05"	106° 15' 56"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Cưởm	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 40"	106° 15' 54"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Đắc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 34"	106° 19' 24"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Hắp	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 01"	106° 16' 07"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Khuy	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 16"	106° 16' 37"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Lù	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 05"	106° 17' 16"					F-48-45-D-c
núi Khuổi Lý	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 03"	106° 13' 22"					F-48-45-C-d
núi Khuổi Moòng	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 00"	106° 16' 07"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Y	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 16"	106° 17' 50"					F-48-45-D-c
khuổi Khuy	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 02' 08"	106° 16' 33"	22° 02' 51"	106° 15' 39"	F-48-45-D-c
khuổi Lù	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 21"	106° 17' 02"	22° 00' 25"	106° 16' 54"	F-48-45-D-c
thôn Nà Lốc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 28"	106° 16' 44"					F-48-45-D-c
thôn Pác Khuông	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 15' 53"					F-48-45-D-c
sông Pác Khuông	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 00' 04"	106° 14' 47"	22° 04' 24"	106° 17' 06"	F-48-45-D-c
cầu Pác Khuông	KX	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 42"	106° 15' 49"					F-48-45-D-c
thôn Pác Là	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 26"	106° 15' 04"					F-48-45-D-c
thôn Pác Luống	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 36"	106° 17' 13"					F-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pác Luống	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 03' 11"	106° 17' 19"	22° 04' 09"	106° 17' 18"	F-48-45-D-c
núi Pàn Cheng	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 34"	106° 18' 16"					F-48-45-D-c
núi Phia Lèn	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 20"	106° 14' 24"					F-48-45-C-d
núi Phia Món	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 57"	106° 16' 28"					F-48-45-D-c
thôn Pò Sè	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 50"	106° 15' 00"					F-48-45-C-d
khau Slác	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 01"	106° 13' 48"					F-48-45-C-d
núi Thám	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 35"	106° 19' 15"					F-48-45-D-c
khau Thán	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 24"	106° 17' 52"					F-48-45-D-c
suối Thiện Hòa	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 41"	106° 13' 33"	22° 00' 43"	106° 15' 08"	F-48-45-C-d
núi Thoáng Bóc	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 14' 23"					F-48-45-C-d
thôn Vằng Sâu	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 49"	106° 14' 09"					F-48-45-C-d
khuổi Y	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 33"	106° 17' 55"	22° 00' 25"	106° 17' 07"	F-48-45-D-c
đường tỉnh 226	KX	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 57' 10"	106° 22' 31"	21° 59' 30"	106° 24' 28"	F-48-57-B-b
quốc lộ 1B	KX	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 57' 10"	106° 22' 31"	21° 56' 32"	106° 24' 28"	F-48-57-B-b
núi Dộc Cướm	SV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 55' 35"	106° 23' 56"					F-48-57-B-b
thôn Ngọc Quyến	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 56' 49"	106° 22' 57"					F-48-57-B-b
thôn Ngọc Trí	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 57' 24"	106° 22' 49"					F-48-57-B-b
thôn Pắc Nàng	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 58' 21"	106° 23' 25"					F-48-57-B-b
núi Pác Sào	SV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 57' 05"	106° 23' 16"					F-48-57-B-b
thôn Tân Thành	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 56' 30"	106° 23' 41"					F-48-57-B-b
thôn Yên Bình	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 58' 48"	106° 23' 28"					F-48-57-B-b
suối Yên Bình	TV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 58' 28"	106° 23' 16"	21° 57' 57"	106° 23' 13"	F-48-57-B-b
sông Bắc Giang	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 17"	106° 13' 57"	22° 10' 30"	106° 16' 34"	F-48-45-D-a
khuổi Chì	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 09' 53"	106° 15' 15"	22° 10' 20"	106° 15' 56"	F-48-45-D-a
khuổi Đàng	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 52"	106° 15' 44"	22° 12' 25"	106° 15' 36"	F-48-45-D-a
khau Dụi	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 11' 25"	106° 15' 27"					F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khuổi Đàng	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 57"	106° 15' 40"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Dụi	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 10' 55"	106° 15' 22"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Luông	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 00"	106° 14' 37"					F-48-45-C-b
thôn Khuổi Màn	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 30"	106° 13' 46"					F-48-45-C-b
khuổi Màn	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 11' 45"	106° 13' 16"	22° 12' 10"	106° 13' 55"	F-48-45-C-b
núi Phia Báng	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 10' 31"	106° 13' 48"					F-48-45-C-b
núi Phia Mạ	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 22"	106° 14' 34"					F-48-45-C-b
khuổi Quang	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 11' 42"	106° 17' 50"	22° 11' 50"	106° 17' 03"	F-48-45-D-a
khuổi Sâu	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 12' 30"	106° 16' 45"	22° 11' 52"	106° 16' 55"	F-48-45-D-a
bản Soong Phụ	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 50"	106° 14' 28"					F-48-45-C-b
khuổi Tèn	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 00"	106° 15' 18"	22° 12' 27"	106° 14' 58"	F-48-45-D-a
thôn Vằng Mần	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 00"	106° 16' 33"					F-48-45-D-a
thôn Vằng Ún	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 11' 11"	106° 16' 58"					F-48-45-D-a
thôn Bản Mè	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 04' 53"	106° 17' 20"					F-48-45-D-c
thôn Bản Pe	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 48"	106° 13' 37"					F-48-45-C-d
núi Cạm Mảng	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 50"	106° 20' 10"					F-48-45-D-c
núi Đông Lào	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 34"	106° 15' 11"					F-48-45-D-c
khuổi Kép	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 29"	106° 14' 34"	22° 05' 43"	106° 13' 56"	F-48-45-C-d
khuổi Khoan	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 07' 09"	106° 12' 00"	22° 06' 32"	106° 12' 32"	F-48-45-C-d
thôn Khuổi Chặng	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 10"	106° 19' 00"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Cọ	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 59"	106° 19' 17"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Kép	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 06"	106° 14' 00"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Ma	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 57"	106° 17' 28"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Quang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 31"	106° 18' 15"					F-48-45-D-c
núi Khuổi Quang	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 55"	106° 17' 15"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Sắp	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 15"	106° 12' 19"					F-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Liềng	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 17"	106° 18' 41"					F-48-45-D-c
khuổi Ma	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 51"	106° 18' 15"	22° 06' 24"	106° 18' 48"	F-48-45-D-c
khuổi Nà	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 34"	106° 12' 56"	22° 04' 51"	106° 17' 21"	F-48-45-D-c
bản Nà Lào	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 44"	106° 15' 47"					F-48-45-D-c
bản Nà Pang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 31"	106° 16' 04"					F-48-45-D-c
bản Nà Quang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 20"	106° 16' 04"					F-48-45-D-c
thôn Nà Quăng	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 13"	106° 14' 40"					F-48-45-C-d
bản Nà Sâm	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 15"	106° 12' 23"					F-48-45-C-d
bản Nà Tâm	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 16"	106° 15' 13"					F-48-45-D-c
bản Pác Xoong	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 46"	106° 18' 43"					F-48-45-D-c
thôn Pò Mầm	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 34"	106° 16' 32"					F-48-45-D-c
núi Sa Quang	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 19"	106° 17' 56"					F-48-45-D-c
bản Sam Choi	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 39"	106° 19' 17"					F-48-45-D-c
bản Thu Kiều	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 33"	106° 13' 15"					F-48-45-C-d
núi Xa Ngàm	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 11"	106° 11' 02"					F-48-45-C-d
sông Yên Lỗ	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 04' 24"	106° 17' 06"	22° 07' 36"	106° 19' 30"	F-48-45-D-c
khối 1	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 22"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
khối 2	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 14"	106° 45' 48"					F-48-58-B+46-D
khối 4	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 05"	106° 46' 01"					F-48-58-B+46-D
khối 8	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 04"	106° 46' 26"					F-48-58-B+46-D
khối 9	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 12"	106° 46' 17"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc			21° 51' 30"	106° 46' 04"	21° 52' 33"	106° 45' 20"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc			21° 58' 32"	106° 42' 34"	21° 56' 36"	106° 42' 01"	F-48-58-A
khu Dây Thép	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 15"	106° 41' 44"					F-48-58-A
đồi Đồn	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 56"	106° 42' 05"					F-48-58-A
suối Đồng Đăng	TV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc			21° 57' 34"	106° 42' 25"	21° 56' 40"	106° 41' 24"	F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ga Đồng Đăng	KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 38"	106° 41' 43"					F-48-58-A
khu Ga	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 33"	106° 41' 42"					F-48-58-A
cửa khẩu Hữu Nghị	KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 30"	106° 42' 32"					F-48-58-A
thôn Kéo Kham	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 26"	106° 42' 08"					F-48-58-A
núi Khỉ Héo	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 35"	106° 41' 51"					F-48-58-A
núi Lán Vài	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 04"	106° 42' 16"					F-48-58-A
khu Nam Quan	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 09"	106° 41' 47"					F-48-58-A
bó Slảng	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 14"	106° 42' 16"					F-48-58-A
khu Vườn Sái	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 42' 07"					F-48-58-A
đường tỉnh 235D	KX	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 12"	106° 42' 47"	21° 59' 27"	106° 45' 00"	F-48-58-A
thôn Cò Luồng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 16"	106° 43' 22"					F-48-58-A
núi Co Mìn	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 37"	106° 43' 15"					F-48-58-A
suối Co Mòi	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 57' 29"	106° 43' 01"	21° 57' 34"	106° 42' 28"	F-48-58-A
núi Cốc Chác	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 29"	106° 46' 11"					F-48-58-B+46-D
thôn Cốc Tào	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 01"	106° 44' 51"					F-48-58-A
thôn Cốc Toòng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 32"	106° 44' 27"					F-48-58-A
khuổi Đẩy	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			22° 00' 00"	106° 44' 59"	22° 00' 29"	106° 46' 30"	F-48-58-B+46-D
suối Đông Ké	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			22° 00' 00"	106° 44' 12"	21° 58' 53"	106° 44' 34"	F-48-58-A
bản Già Mộc	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 57"	106° 45' 58"					F-48-58-B+46-D
núi Già Mộc	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 00"	106° 46' 41"					F-48-58-B+46-D
khuổi He	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 49"	106° 43' 31"	21° 58' 34"	106° 43' 47"	F-48-58-A
khau Keo	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 38"	106° 44' 35"					F-48-58-A
thôn Kéo Có	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 12"	106° 43' 54"					F-48-58-A
đồi Khau Sliểm	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 56' 56"	106° 42' 57"					F-48-58-A
khau Khẻ	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 44"	106° 45' 40"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Háng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 49"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khòn Kéo	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 06"	106° 44' 53"					F-48-58-A
bản Khuổi Tao	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 31"	106° 43' 50"					F-48-58-A
bản Lì Tắng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 47"	106° 45' 05"					F-48-58-B+46-D
núi Ma Khoét	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 03"	106° 46' 44"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Ân	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 52"	106° 45' 51"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Hé	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 45"	106° 43' 14"	21° 58' 11"	106° 43' 20"	F-48-58-A
bản Nà Ke	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 58"	106° 44' 20"					F-48-58-A
núi Nà Kéo	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 12"	106° 42' 37"					F-48-58-A
bản Nà Làng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 02"	106° 46' 19"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pàn	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 02"	106° 43' 05"					F-48-58-A
bản Nà Phẩy	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 15"	106° 44' 41"					F-48-58-A
suối Nà Tát	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 41"	106° 45' 00"	21° 58' 12"	106° 42' 45"	F-48-58-A
bản Pá Deng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 42"	106° 43' 54"					F-48-58-A
núi Pá Táu	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 56' 57"	106° 44' 20"					F-48-58-A
suối Pác Luộc	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 57' 55"	106° 43' 50"	21° 58' 13"	106° 43' 28"	F-48-58-A
thôn Phạc Táng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 40"	106° 44' 08"					F-48-58-A
bản Pò Coọc	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 09"	106° 44' 19"					F-48-58-A
thôn Pò Nhùng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 06"	106° 46' 02"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Pha	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 04"	106° 45' 11"					F-48-58-B+46-D
thôn An Tri	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	106° 39' 30"					F-48-58-A
thôn Bản Slắng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 18"	106° 39' 02"					F-48-58-A
thôn Chục Pình	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 29"	106° 39' 17"					F-48-58-A
núi Cốc Khảo	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 27"	106° 40' 00"					F-48-58-A
thôn Còn Coóc	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 26"	106° 39' 43"					F-48-58-A
núi Đông Ké	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 31"	106° 38' 51"					F-48-58-A
núi Giảng Xá	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 46"	106° 38' 26"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Giảng Xá	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 56"	106° 40' 06"					F-48-58-A
đèo Kéo Slỉnh	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 18"	106° 39' 19"					F-48-58-A
đập Khánh Khê	KX	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 44"	106° 39' 21"					F-48-58-A
dãy Khảo Lương	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 34"	106° 39' 35"					F-48-58-A
thôn Khau Khe	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 44"	106° 37' 51"					F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc			21° 52' 21"	106° 39' 54"	21° 53' 03"	106° 37' 27"	F-48-58-A
thôn Lùng Pảng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 53"	106° 39' 10"					F-48-58-A
thôn Pá Pách	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 54"	106° 39' 16"					F-48-58-A
thôn Pò Đồn	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 05"	106° 39' 23"					F-48-58-A
thôn Xuân Lũng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 09"	106° 38' 13"					F-48-58-A
đường tỉnh 235	KX	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 54' 09"	106° 56' 07"	21° 56' 05"	106° 56' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Đon	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 07"	106° 55' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Rằn	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 54' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Vàng	KX	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 53' 52"	106° 56' 32"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Xâm	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 16"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
suối Bò Nhúng	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 58' 14"	106° 53' 18"	21° 58' 15"	106° 54' 16"	F-48-58-B+46-D
bản Co Riền	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 57' 36"	106° 54' 45"					F-48-58-B+46-D
suối Cò Riền	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 57' 09"	106° 54' 17"	21° 58' 15"	106° 54' 16"	F-48-58-B+46-D
suối Co Riềng	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 54' 04"	106° 52' 59"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
bản Co Sâu	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 34"	106° 56' 38"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Nàn	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 53' 39"	106° 57' 08"					F-48-58-B+46-D
núi Dà Nàng	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 06"	106° 55' 04"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Lượt	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 59"	106° 54' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Lị	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 01"	106° 55' 47"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Bó	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 32"	106° 52' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Dảo	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 57' 05"	106° 54' 22"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Hộc	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 53' 01"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Luộc	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 32"	106° 53' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Mặn	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 54"	106° 52' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Nâm	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 38"	106° 53' 59"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Rảo	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 56' 39"	106° 55' 29"	21° 56' 38"	106° 54' 20"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Thâm	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 03"	106° 52' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Va	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 57' 15"	106° 54' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Ngàm Đắc	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 49"	106° 55' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Pá Cuồng	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 22"	106° 55' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Cam	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 03"	106° 55' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Cáu	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 56' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Nhùng	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 58' 11"	106° 54' 19"					F-48-58-B+46-D
thôn Sông Danh	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 52"	106° 53' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Luông	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 56' 28"					F-48-58-B+46-D
núi Toong Trinh	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 41"	106° 52' 39"					F-48-58-B+46-D
núi Đông Chắn	SV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 51' 11"	106° 52' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Tao	DC	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 52' 46"	106° 54' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Luông	DC	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 52' 06"	106° 51' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Sam Hào	SV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 51' 57"	106° 51' 38"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tao	TV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc			21° 51' 40"	106° 54' 16"	21° 51' 45"	106° 52' 54"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 48' 49"	106° 50' 36"	21° 51' 17"	106° 47' 21"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lìm	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 26"	106° 49' 23"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Ngà	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 56"	106° 50' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Càng Nộc	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 16"	106° 49' 19"					F-48-58-B+46-D
bản Co Sla	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 59"	106° 48' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Chùa	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 56"	106° 50' 24"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khao Táng	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 56"	106° 49' 49"					F-48-58-B+46-D
bản Khau Mu	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 54"	106° 50' 11"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Hanh	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 35"	106° 49' 56"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Lượt	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 51"	106° 48' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Sang	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 14"	106° 50' 05"					F-48-58-B+46-D
bản Khuân Rù	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 48"	106° 48' 27"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 48' 44"	106° 50' 27"	21° 50' 20"	106° 47' 55"	F-48-58-B+46-D
khuổi Lầy Nọi	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 45"	106° 51' 17"					F-48-58-B+46-D
bản Lầy Thúa	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 06"	106° 49' 56"					F-48-58-B+46-D
núi Luồng Chanh	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 00"	106° 48' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Bó	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 48"	106° 49' 43"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Lình	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 12"	106° 48' 38"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Lùng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 40"	106° 49' 38"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Pán	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 23"	106° 49' 15"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Pán	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 51' 40"	106° 49' 47"	21° 49' 39"	106° 49' 11"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Rào	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 28"	106° 50' 45"					F-48-58-B+46-D
khuổi Ngà	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 50' 41"	106° 51' 26"	21° 48' 59"	106° 49' 56"	F-48-58-B+46-D
suối Phai Kiệu	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 52' 36"	106° 49' 15"	21° 50' 25"	106° 47' 53"	F-48-58-B+46-D
bản Pò Lìn	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 12"	106° 50' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Riềng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 16"	106° 49' 35"					F-48-58-B+46-D
thôn Quán Hàng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 31"	106° 48' 20"					F-48-58-B+46-D
thôn Tềnh Slung	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 56"	106° 49' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Tềnh Slung	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 51' 26"	106° 50' 55"	21° 50' 25"	106° 47' 53"	F-48-58-B+46-D
bản Thâm Chẳng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 31"	106° 50' 18"					F-48-58-B+46-D
thôn Bó Khuông	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 52"	106° 51' 30"					F-48-58-B+46-D
núi Chi Mong	SV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 52' 35"	106° 50' 06"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Co Liềng	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 00"	106° 52' 47"					F-48-58-B+46-D
bản Co Phường	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 48"	106° 52' 50"					F-48-58-B+46-D
suối Co Riềng	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 53' 35"	106° 52' 52"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
khuổi Hái	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 24"	106° 52' 33"	21° 53' 37"	106° 52' 51"	F-48-58-B+46-D
núi Hóc Mu	SV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 50' 54"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Đứa	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 35"	106° 53' 02"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Phầy	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 38"	106° 52' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Tèn	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
thôn Pác Bó	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 17"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
suối Pác Bó	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 41"	106° 50' 46"	21° 53' 29"	106° 50' 22"	F-48-58-B+46-D
khuổi Phầy	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 54' 34"	106° 51' 40"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
khuổi Sần	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 47"	106° 51' 38"	21° 53' 51"	106° 51' 08"	F-48-58-B+46-D
bản Sí Huần	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 08"	106° 50' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Thin Lài	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 10"	106° 49' 49"					F-48-58-B+46-D
suối Tòng Riền	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 53' 44"	106° 50' 44"	21° 53' 59"	106° 51' 27"	F-48-58-B+46-D
đường tỉnh 235	KX	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 53' 16"	106° 49' 31"	21° 52' 26"	106° 47' 03"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Cằm	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 40"	106° 47' 17"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Lành	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 53' 51"	106° 48' 43"	21° 54' 22"	106° 48' 19"	F-48-58-B+46-D
thôn Chè Lân	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 49' 26"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Cam	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Co Chí	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 31"	106° 47' 53"					F-48-58-B+46-D
bản Đông Nọi	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 15"	106° 49' 03"					F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Cặp	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 55"	106° 47' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Khâu Song	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 58"	106° 48' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Khuân Van	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 01"	106° 48' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Khuôn Lình	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 32"	106° 47' 55"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lục Luông	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 54' 22"	106° 48' 19"	21° 54' 37"	106° 48' 19"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Bó	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 44"	106° 47' 00"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Bó	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 54' 49"	106° 47' 31"	21° 52' 38"	106° 46' 59"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Khác	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	106° 46' 41"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Ngột	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 10"	106° 47' 08"					F-48-58-B+46-D
bản Nặm Dân	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 29"	106° 47' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Pàn Danh	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 03"	106° 49' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Pàn Khoang	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 07"	106° 47' 27"					F-48-58-B+46-D
suối Phai Kiệu	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 52' 36"	106° 49' 15"	21° 51' 59"	106° 48' 37"	F-48-58-B+46-D
bản Phai Tấm	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 11"	106° 48' 46"					F-48-58-B+46-D
núi Sam Pò	SV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 06"	106° 47' 40"					F-48-58-B+46-D
thôn Tằm Liền	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 34"	106° 48' 49"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Chang	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 51"	106° 48' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Thốc	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 38"	106° 48' 10"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Khoang	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 01"	106° 40' 58"					F-48-58-A
thôn Còn Quyền	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 45"	106° 40' 59"					F-48-58-A
núi Hang Soòng	SV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 47"	106° 40' 19"					F-48-58-A
thôn Nà Chà	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 53"	106° 40' 37"					F-48-58-A
thôn Nà Lầm	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 32"	106° 40' 54"					F-48-58-A
thôn Nà Luộc	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 16"	106° 39' 52"					F-48-58-A
núi Nà Luồng	SV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 39' 29"					F-48-58-A
thôn Pá Phiêng	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 45"	106° 40' 52"					F-48-58-A
thôn Pá Poài (Pá Pjài)	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 58"	106° 41' 17"					F-48-58-A
núi Sinh Minh	TV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc			21° 55' 16"	106° 40' 14"	21° 56' 14"	106° 41' 33"	F-48-58-A
thôn Tềnh Chè	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 08"	106° 40' 06"					F-48-58-A
đường tỉnh 234	KX	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc			21° 53' 49"	106° 46' 27"	21° 52' 37"	106° 45' 39"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bó Ma	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 47"	106° 45' 20"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Phầy	SV	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 46' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Tào	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 51' 24"	106° 47' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Ca	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 54"	106° 46' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Nùng	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 51' 55"	106° 46' 55"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Phan	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 53' 15"	106° 46' 37"					F-48-58-B+46-D
thôn Phai Luông	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 59"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Dọn	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 44"	106° 49' 18"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Dọn	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 54' 15"	106° 49' 18"	21° 55' 15"	106° 48' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Giếng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 12"	106° 51' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Héc	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 18"	106° 49' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Riền	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 48"	106° 49' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Bó Mạ	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 39"	106° 50' 46"					F-48-58-B+46-D
bản Cổ Lương	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 18"	106° 49' 04"					F-48-58-B+46-D
bản Còn Teng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 13"	106° 48' 42"					F-48-58-B+46-D
nặm Keng	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 55' 48"	106° 50' 55"	21° 57' 13"	106° 50' 56"	F-48-58-B+46-D
núi Khau Bó	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 32"	106° 48' 01"					F-48-58-B+46-D
núi Khau Vài	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 54"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Hốc	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 01"	106° 51' 03"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Luông	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 56"	106° 48' 00"					F-48-58-B+46-D
suối Lục Luông	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 54' 37"	106° 48' 21"	21° 55' 15"	106° 48' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Lục Ngoãng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 33"	106° 48' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Tát	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 19"	106° 50' 06"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mò	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 16"	106° 51' 07"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Tém	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 30"	106° 49' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Pàn Lại	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 57"	106° 49' 58"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thâm Pằng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 20"	106° 51' 41"					F-48-58-B+46-D
núi Toong Trinh	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 41"	106° 52' 39"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 56' 36"	106° 42' 01"	21° 55' 55"	106° 42' 39"	F-48-58-A
thôn Còn Bó	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 55' 39"	106° 41' 44"					F-48-58-A
bản Còn Chang	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 40"	106° 41' 11"					F-48-58-A
bản Còn Chủ	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 53"	106° 41' 13"					F-48-58-A
thôn Còn Kẹn	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 40' 29"					F-48-58-A
bản Còn Tòng	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 55' 52"	106° 42' 00"					F-48-58-A
núi Hang Lạn	SV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 41' 15"					F-48-58-A
thôn Lộc Hồ	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 30"	106° 40' 55"					F-48-58-A
thôn Nà Slìn	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 14"	106° 41' 10"					F-48-58-A
dãy Núi Tém	SV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 47"	106° 40' 34"					F-48-58-A
thôn Pác Lùng	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	106° 40' 47"					F-48-58-A
suối Pò Bơ	TV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 56' 41"	106° 42' 50"	21° 56' 44"	106° 41' 47"	F-48-58-A
thôn Thâm Mò Bliếp	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 56' 12"	106° 41' 47"					F-48-58-A
thôn Hang Riềng	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 21"	106° 40' 31"					F-48-58-A-d
thôn Khuổi Mạ	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 29"	106° 42' 18"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc			21° 52' 19"	106° 42' 19"	21° 52' 21"	106° 39' 54"	F-48-58-A-d
khau Mạ	SV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 22"	106° 42' 47"					F-48-58-A
núi Mạy Xiếc	SV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 07"	106° 41' 36"					F-48-58-A
thôn Nà Ngườm	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 04"	106° 41' 17"					F-48-58-A
thôn Nà Tậu	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 14"	106° 41' 24"					F-48-58-A-d
thôn Slam Kha	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 04"	106° 40' 45"					F-48-58-A
thôn An Rinh 1	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc							
thôn An Rinh 2	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc							
suối Bản Mới	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 47' 52"	106° 48' 49"	21° 49' 19"	106° 48' 50"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Cà	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 05"	106° 47' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Choong Là	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 33"	106° 49' 35"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Ái	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 55"	106° 48' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Khau Trang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 52"	106° 49' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Trang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 10"	106° 48' 41"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 48' 44"	106° 50' 27"	21° 50' 20"	106° 47' 55"	F-48-58-B+46-D
hồ Lệ Minh	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 27"	106° 48' 42"					F-48-58-B+46-D
núi Mè Mải	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 23"	106° 48' 20"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pinh	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 50' 07"	106° 47' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Phố Ngầu	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 59"	106° 49' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Lẹng	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 11"	106° 49' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Trần	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 26"	106° 48' 32"					F-48-58-B+46-D
thôn Tam Độ	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 25"	106° 49' 21"					F-48-58-B+46-D
thôn Tằm Nguyên	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 15"	106° 50' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Tằm Thoang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 52"	106° 50' 16"					F-48-58-B+46-D
ga Tân Liên	KX	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 48"	106° 49' 24"					F-48-58-B+46-D
bản Thồng Vèn	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 57"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Cắm	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 38"	106° 39' 04"	21° 46' 44"	106° 39' 55"	F-48-58-A-d
thôn Bản Cằm	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 36"	106° 39' 32"					F-48-58-A-d
khau Chịn	SV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 51"	106° 38' 31"					F-48-58-A-d
bản Cốc Bây	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 59"	106° 40' 23"					F-48-58-A-d
thôn Còn Pheo	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 43"	106° 42' 12"					F-48-58-A-d
bản Kéo Cà	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 28"	106° 40' 32"					F-48-58-A-d
thôn Lục Môn	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 11"	106° 38' 26"					F-48-58-A-d
suối Nà Don	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 44"	106° 39' 55"	21° 46' 25"	106° 40' 37"	F-48-58-A-d
bản Nà Đon	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 43"	106° 40' 06"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Múc	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 25"	106° 40' 37"	21° 46' 48"	106° 40' 56"	F-48-58-A-d
bản Nà Múc A	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 47"	106° 40' 40"					F-48-58-A-d
bản Nà Múc B	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 49"	106° 41' 37"					F-48-58-A-d
bản Nà Nam	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 29"	106° 41' 35"					F-48-58-A-d
bản Nà Quần	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 09"	106° 42' 13"					F-48-58-A-d
suối Pác Ve	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 47' 37"	106° 39' 56"	21° 47' 10"	106° 40' 52"	F-48-58-A-d
cầu Pác Vé	KX	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	106° 40' 20"	21° 45' 49"					F-48-58-A-d
bản Pồ Hốc	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 37"	106° 39' 45"					F-48-58-A-d
bản Quanh Quýt	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 33"	106° 41' 14"					F-48-58-A-d
thôn Sài Hồ	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 41"	106° 39' 40"					F-48-58-C-b
đèo Sài Hồ	SV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 53"	106° 39' 04"					F-48-58-C-b
bản Suối Cáp	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 53"	106° 38' 41"					F-48-58-C-b
cầu Tầm Danh	KX	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	106° 40' 33"	21° 46' 24"					F-48-58-A-d
thôn Tình Hồ	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 45' 14"	106° 39' 16"					F-48-58-A-d
thôn Tồng Han	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 45' 38"	106° 40' 56"					F-48-58-A-d
thôn Tồng Méo	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 21"	106° 41' 13"					F-48-58-A-d
đường tỉnh 238	KX	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 55' 48"	106° 47' 28"	21° 56' 51"	106° 48' 38"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Đẩy	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 12"	106° 46' 42"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Mạc	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 50"	106° 47' 26"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Phường	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 56' 55"	106° 45' 20"	21° 55' 29"	106° 47' 15"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Roọc	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 22"	106° 46' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Roọc	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 57' 19"	106° 46' 51"	21° 56' 58"	106° 48' 23"	F-48-58-B+46-D
bản Chang Khuổi	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 46' 07"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Quyền	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 12"	106° 46' 14"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuôn Cuổng	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 03"	106° 47' 38"					F-48-58-B+46-D
khau Lầu	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 47"	106° 46' 01"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lính Đeng	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 47' 00"					F-48-58-B+46-D
bản Mu Ngạp	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 54' 53"	106° 46' 26"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Bó	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc							
thôn Nà Lệnh	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 41"	106° 47' 21"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Lệnh	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 55' 29"	106° 47' 15"	21° 55' 45"	106° 47' 37"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mon	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 45"	106° 46' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Nhàn	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 18"	106° 47' 39"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Piao	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 04"	106° 47' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Sla	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 23"	106° 48' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Vá	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 04"	106° 46' 11"					F-48-58-B+46-D
bản Phường	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 56"	106° 46' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Chả	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 12"	106° 46' 40"					F-48-58-B+46-D
núi Tâm Tường	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 58' 03"	106° 45' 59"					F-48-58-B+46-D
khau Vài	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 37"	106° 45' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Lòa	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 53"	106° 51' 51"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Nhạc	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 23"	106° 50' 11"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Rọi	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 44"	106° 48' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Boóc	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 06"	106° 48' 59"					F-48-58-B+46-D
núi Cô Chi	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 20"	106° 51' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Khuất	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 09"	106° 52' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Phạc	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 09"	106° 47' 30"					F-48-58-B+46-D
suối Còn Phạc	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 57' 32"	106° 48' 20"	21° 59' 10"	106° 47' 58"	F-48-58-B+46-D
núi Đông Ké	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 49' 14"					F-48-58-B+46-D
khuổi Hiển	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 56' 55"	106° 50' 16"	21° 57' 19"	106° 50' 35"	F-48-58-B+46-D
núi Kéo Ham, Khuổi Sưởng	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 17"	106° 51' 20"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Mạy Ổi	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 57"	106° 50' 10"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khau Tặc	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 13"	106° 52' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Khâu Tác	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 47"	106° 47' 38"					F-48-58-B+46-D
núi Khối Uổn	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 46"	106° 52' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Khuôn Phụng	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 59"	106° 46' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Làng	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 06"	106° 49' 13"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Làng	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 57' 17"	106° 49' 10"	21° 57' 19"	106° 50' 35"	F-48-58-B+46-D
núi Nà My	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 48"	106° 51' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Phạ	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 48"	106° 51' 10"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pheo	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 28"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Quyền	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 27"	106° 48' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Thiên Lập	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 33"	106° 53' 03"					F-48-58-B+46-D
núi Thin Đăm	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 39"	106° 50' 42"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 55"	106° 42' 39"	21° 54' 25"	106° 43' 51"	F-48-58-A
bản Cốc Cháu	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 08"	106° 41' 38"					F-48-58-A
bản Còn Coọng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 47"	106° 42' 27"					F-48-58-A
thôn Còn Pheo	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 57"	106° 41' 49"					F-48-58-A
thôn Còn Tòng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 46"	106° 43' 18"					F-48-58-A
núi Hin Khao	SV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 56' 31"	106° 42' 48"					F-48-58-A
núi Khau Ngòm	SV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 51"	106° 43' 36"					F-48-58-A
thôn Khuổi Khê	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 43' 21"					F-48-58-A
suối Khuổi Mươi	TV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 41"	106° 42' 14"	21° 55' 21"	106° 42' 21"	F-48-58-A
thôn Khuổi Mười	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 21"	106° 43' 06"					F-48-58-A
thôn Nà Hỏ	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 40"	106° 43' 46"					F-48-58-A
thôn Nà Lại	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 29"	106° 41' 48"					F-48-58-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 43' 05"					F-48-58-A
thôn Nà Piài (Nà Pjai)	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 31"	106° 42' 47"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phai Cải	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 27"	106° 43' 45"					F-48-58-A
bản Phai Lẹng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 48"	106° 43' 07"					F-48-58-A
thôn Pò Nghiều	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 00"	106° 43' 04"					F-48-58-A
thôn Tam Lung	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 01"	106° 43' 25"					F-48-58-A
bản Thâm Lỏng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 11"	106° 43' 07"					F-48-58-A
suối Tồng Hênh	TV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 16"	106° 42' 59"	21° 55' 41"	106° 42' 14"	F-48-58-A
thôn Báo Slao	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 52' 52"	106° 42' 30"					F-48-58-A-d
thôn Bản Tàn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 55"	106° 40' 08"					F-48-58-A-d
suối Bản Tàn	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 48' 08"	106° 40' 18"	21° 49' 08"	106° 40' 19"	F-48-58-A-d
bản Kéo Bang	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 31"	106° 38' 40"					F-48-58-A-d
thôn Khòn Bó	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 38"	106° 41' 38"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Chủ	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 59"	106° 41' 11"					F-48-58-A-d
suối Khòn Riền	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 48' 38"	106° 41' 37"	21° 50' 03"	106° 41' 06"	F-48-58-A-d
bản Khuôn Danh	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 50"	106° 41' 41"					F-48-58-A-d
thôn Lục Niềng	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 14"	106° 39' 53"					F-48-58-A-d
thôn Nà Ca	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 39"	106° 40' 32"					F-48-58-A-d
thôn Nà Lìn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 50' 06"	106° 41' 16"					F-48-58-A-d
suối Nà Lìn	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 49' 45"	106° 40' 17"	21° 49' 49"	106° 40' 37"	F-48-58-A-d
bản Nà Mạ	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 40"	106° 40' 01"					F-48-58-A-d
bản Nà Sâu	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 11"	106° 40' 16"					F-48-58-A-d
núi Nhọt Pha	SV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 47' 58"	106° 41' 46"					F-48-58-A-d
bản Nưa Muồn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 47' 59"	106° 39' 02"					F-48-58-A-d
khau Ràng	SV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 50' 28"	106° 40' 30"					F-48-58-A-d
bản Văn Mình	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 59"	106° 40' 44"					F-48-58-A-d
thôn Ba Sơn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	107° 00' 59"					F-48-59-A
suối Bản Lè	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 26"	106° 58' 52"	21° 54' 10"	106° 58' 49"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Lề	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 23"	106° 59' 01"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Ngõa	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 54"	107° 00' 31"	21° 54' 19"	106° 59' 21"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Ngõa	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 59' 36"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Ranh	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 28"	106° 56' 30"	21° 53' 56"	106° 57' 50"	F-48-58-B+46-D
thôn Co Chí	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	107° 00' 13"					F-48-59-A
thôn Co Khuông	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 18"	106° 58' 28"					F-48-58-B+46-D
suối Co Khuông	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 25"	106° 57' 45"	21° 53' 26"	106° 58' 52"	F-48-58-B+46-D
bản Còn Chủ	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 12"	107° 02' 42"					F-48-59-A
bản Đông Pầu	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 21"	106° 59' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Tát	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 41"	107° 02' 35"					F-48-59-A
bản Lũng Vài	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 52' 50"	106° 56' 36"					F-48-58-B+46-D
bản Mò Lèo	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 42"	106° 58' 47"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Rầm	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 58' 48"					F-48-58-B,46-D
bản Nà Sia	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 12"	106° 58' 22"					F-48-58-B+46-D
bản Phiêng Hà	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 43"	107° 00' 04"					F-48-59-A
bản Phiêng Háng	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 55' 26"	106° 59' 03"					F-48-58-B+46-D
núi Pi Ang	SV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 56' 00"	106° 58' 54"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mã	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 16"	107° 02' 17"					F-48-59-A
suối Pò Mã	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 52"	107° 03' 23"	21° 54' 19"	107° 02' 03"	F-48-59-A
bản Pò Qua	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	107° 00' 30"					F-48-59-A
thôn Pò Riềng	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 22"	107° 01' 59"					F-48-59-A
suối Pò Riềng	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 14"	107° 01' 34"	21° 54' 16"	107° 02' 01"	F-48-59-A
bản Sả Thướn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 48"	106° 59' 44"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tát	SV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	107° 03' 04"					F-48-59-A
khuổi Tát	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 54' 40"	107° 02' 33"	21° 54' 44"	107° 01' 49"	F-48-59-A
thôn Tẩu Lìn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 34"	106° 57' 23"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thạch Khuyên	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 46"	107° 00' 46"					F-48-59-A
suối Thạch Khuyên	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 07"	107° 00' 50"	21° 54' 59"	106° 59' 39"	F-48-59-A
bản Thâm Còn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 00"	107° 01' 12"					F-48-59-A
khau Phạ	SV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 45' 43"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
suối Bản Bảm	TV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc			21° 48' 04"	106° 46' 50"	21° 49' 08"	106° 46' 39"	F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Khoác	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 44"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Cải	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 37"	106° 45' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Lục Then	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 56"	106° 45' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Háo	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 50"	106° 45' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Sáy	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 08"	106° 45' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Soong	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 55"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Thà	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 28"	106° 44' 34"					F-48-58-A-d
suối Tát Uẩn	TV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc			21° 46' 44"	106° 45' 17"	21° 48' 04"	106° 46' 50"	F-48-58-B+46-D
thôn Tát Uổn	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 32"	106° 46' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Vằng Khoác	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 53"	106° 46' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Yên Hạ	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 30"	106° 47' 52"					F-48-58-B+46-D
thôn Yên Thành	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 49' 17"	106° 45' 47"					F-48-58-B+46-D
thôn Yên Thủy 1	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 11"	106° 46' 52"					F-48-58-B+46-D
thôn Yên Thủy 2	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 19"	106° 46' 48"					F-48-58-B+46-D
ga Yên Trạch	KX	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	106° 45' 33"	21° 48' 38"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 33' 33"	106° 28' 15"	21° 35' 02"	106° 30' 51"	F-48-57-D-d
thôn Cây Hồng	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 16"	106° 29' 23"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Bành	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 29"	106° 30' 16"					F-48-58-C-c
thôn Lân Bông	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 49"	106° 28' 33"					F-48-57-D-d
thôn Làng Vặc	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 14"	106° 30' 24"					F-48-58-C-c
núi Ngù	SV	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 06"	106° 29' 09"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pha Lác	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 45"	106° 30' 12"					F-48-58-C-c
thôn Phố Sặt	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 41"	106° 30' 29"					F-48-58-C-c
núi Soi Sây	SV	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 22"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
cầu Sông Hóa	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 59"	106° 28' 53"					F-48-57-D-d
ga Sông Hóa	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 31"	106° 29' 17"					F-48-57-D-d
cầu Sông Hóa 2	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 55"	106° 28' 46"					F-48-57-D-d
thôn Trung Mai	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 28"	106° 28' 38"					F-48-57-D-d
thôn Xóm Ná	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 57"	106° 29' 44"					F-48-57-D-d
thôn Yên Thịnh	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 46"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
đường tỉnh 234A	KX	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng			21° 39' 06"	106° 34' 03"	21° 39' 49"	106° 35' 22"	F-48-58-C-a
đèo Bén	SV	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 40' 01"	106° 34' 36"					F-48-58-C-a
khu Chính	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 32"	106° 34' 30"					F-48-58-C-a
ga Đồng Mỏ	KX	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 34' 42"					F-48-58-C-a
khu Ga	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 34' 35"					F-48-58-C-a
khu Hòa Bình	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 34' 17"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Cút	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 40' 15"	106° 34' 51"					F-48-58-C-a
làng Lũng Than	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
làng Mỏ Chảo	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 46"	106° 34' 55"					F-48-58-C-a
làng Nà Đon	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 22"	106° 34' 22"					F-48-58-C-a
đèo Rộ	SV	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 33' 49"					F-48-58-C-a
khu Thống Nhất	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 35' 10"					F-48-58-C-a
thôn Bắc Khánh	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 41' 55"					F-48-58-C-b
thôn Bắc Phù	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 34"	106° 39' 28"					F-48-58-C-b
ga Bắc Thủy	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 39' 50"					F-48-58-C-b
thôn Háng Cút	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 39' 45"					F-48-58-C-b
núi Khâu Lần	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 22"	106° 39' 53"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khòn Phường	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 48"	106° 41' 05"					F-48-58-C-b
cầu Khun Cum	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 00"	106° 40' 14"					F-48-58-C-b
thôn Khuối Kháo	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 16"	106° 40' 59"					F-48-58-C-b
núi Lằng Cắc	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 51"	106° 41' 25"					F-48-58-C-b
bản Lặp Lụng	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 39"	106° 40' 40"					F-48-58-C-b
bản Mạy Tàn	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 44"	106° 41' 08"					F-48-58-C-b
bản Nà Cộng	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 24"	106° 40' 08"					F-48-58-C-b
bản Nà Dạ	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 09"	106° 40' 27"					F-48-58-C-b
núi Pô Khên	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 41' 01"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 5	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 07"	106° 41' 05"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 6	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 22"	106° 40' 40"					F-48-58-C-b
bản Thin Khao	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 38"	106° 41' 34"					F-48-58-C-b
bản Tình Kéo	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 26"	106° 40' 42"					F-48-58-C-b
thôn Tồng Cút	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 39"	106° 39' 20"					F-48-58-C-b
bản Bó Nam	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 00"	106° 29' 25"					F-48-57-D-b
đèo Cướm	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 45' 04"	106° 28' 29"					F-48-57-B-d
núi Đoỏng Cải	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 45' 16"	106° 29' 30"					F-48-57-B-d
núi Già Suồng	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 31"	106° 29' 24"					F-48-57-D-b
bản Kéo Nhì	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 06"	106° 29' 02"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Nọi	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 29' 11"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Phầy	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 03"	106° 29' 54"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Phị	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 31"	106° 29' 40"					F-48-57-D-b
cầu Kéo Phị	KX	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 23"	106° 29' 34"					F-48-57-D-b
thôn Khúng Khính	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 26"	106° 29' 16"					F-48-57-D-b
thôn Làng Chiêng	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 07"	106° 30' 19"					F-48-58-C-a
thôn Làng Giao	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 42' 46"	106° 29' 50"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Tuống	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 42' 57"	106° 30' 20"					F-48-58-C-a
núi Lũng Bầu	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 30"	106° 29' 12"					F-48-57-D-b
đèo Lũng Đẩy	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 49"	106° 28' 07"					F-48-57-D-b
thôn Pá Tào	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 42"	106° 28' 32"					F-48-57-D-b
bản Tham Trang	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 02"	106° 27' 39"					F-48-57-D-b
núi Thang Lùng	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 16"	106° 28' 44"					F-48-57-D-b
thôn Thồng Noọc	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 50"	106° 30' 06"					F-48-58-C-a
suối Bo Loóng	TV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng			21° 41' 56"	106° 30' 21"	21° 42' 10"	106° 30' 20"	F-48-58-C-a
thôn Đồng Chùa	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 16"	106° 30' 16"					F-48-58-C-a
thôn Đông Quan	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 29' 53"					F-48-57-D-b
làng Khau Đeng	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 50"	106° 31' 07"					F-48-58-C-a
thôn Khau Tao	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 10"	106° 30' 58"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Nưa	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 17"	106° 30' 50"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Vạc	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 30' 37"					F-48-58-C-a
thôn Làng Khoác	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 04"	106° 29' 46"					F-48-57-D-b
núi Làng Khoác	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 11"	106° 29' 14"					F-48-57-D-b
núi Lăng Lườn	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 55"	106° 29' 10"					F-48-57-D-b
làng Lũng Chè	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 17"	106° 28' 14"					F-48-57-D-b
làng Lũng Kheo	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 18"	106° 27' 51"					F-48-57-D-b
làng Lũng Khút	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 30"	106° 29' 15"					F-48-57-D-b
làng Lũng Vai	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
núi Lũng Xóm	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 29' 33"					F-48-57-D-b
thôn Nà Canh	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 03"	106° 30' 24"					F-48-58-C-a
làng Nà Pe	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 30' 49"					F-48-58-C-a
làng Nùng Găm	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 38"	106° 27' 52"					F-48-57-D-b
thôn Phai Xá	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 26"	106° 31' 38"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Ải Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 59"	106° 32' 37"					F-48-58-C-c
thôn Ba Đàn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 21"	106° 31' 27"					F-48-58-C-c
thôn Bãi Hào	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 47"	106° 32' 30"					F-48-58-C-c
đập Bãi Hào	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 55"	106° 32' 47"					F-48-58-C-c
dãy Cai Kinh	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 45"	106° 30' 33"					F-48-58-C-c
cầu Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 31' 14"					F-48-58-C-c
ga Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 09"	106° 31' 54"					F-48-58-C-c
làng Cốc Mìn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 37' 02"	106° 32' 47"					F-48-58-C-c
đèo Cơm Nắm	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 42"	106° 32' 33"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Đĩnh	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 26"	106° 31' 48"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Hóa	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 07"	106° 31' 19"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Ngầu	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 38"	106° 31' 37"					F-48-58-C-c
đèo Lân Li	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 07"	106° 31' 19"					F-48-58-C-c
thôn Làng Cằng	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 38"	106° 31' 32"					F-48-58-C-c
làng Làng Đã	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 41"	106° 31' 45"					F-48-58-C-c
thôn làng Đồn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 34"	106° 31' 54"					F-48-58-C-c
thôn Làng Nghĩa	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 55"	106° 31' 25"					F-48-58-C-c
làng Linh Ba	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 51"	106° 30' 55"					F-48-58-C-c
làng Nà Nông	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 40"	106° 32' 24"					F-48-58-C-c
thôn Quán Bầu	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 10"	106° 31' 35"					F-48-58-C-c
thôn Quán Thanh	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 56"	106° 32' 16"					F-48-58-C-c
núi Quỷ Môn Quan	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 37' 05"	106° 32' 30"					F-48-58-C-c
làng Thành Kho	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 30"	106° 31' 06"					F-48-58-C-c
sông Thương	TV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 34' 56"	106° 30' 39"	21° 37' 18"	106° 32' 25"	F-48-58-C-c
thôn Xóm Mới A	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 17"	106° 32' 18"					F-48-58-C-c
thôn Xóm Mới B	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 55"	106° 32' 42"					F-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Cấm	SV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 56"	106° 42' 43"					F-48-58-C-b
làng Cốc Có	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 31"	106° 45' 30"					F-48-58-D-a
đèo Đông Lèn	SV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 23"	106° 42' 36"					F-48-58-C-b
bản Khau Phụng	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 44' 17"					F-48-58-C-b
bản Khau Pình	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 04"	106° 44' 19"					F-48-58-C-b
thôn Làng Thành	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 15"	106° 45' 12"					F-48-58-D-a
thôn Nà Cải	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 44' 03"					F-48-58-C-b
thôn Nà Dạ	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 12"	106° 44' 46"					F-48-58-C-b
suối Nà Dạ	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 43' 43"	106° 45' 08"	21° 43' 54"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
thôn Nà Hà	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 59"	106° 46' 03"					F-48-58-B
suối Nà Hà	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 44' 04"	106° 45' 32"	21° 44' 11"	106° 45' 43"	F-48-58-D-a
thôn Nà Lầm	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 53"	106° 45' 41"					F-48-58-D-a
suối Nà Lầm	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 42' 55"	106° 47' 05"	21° 44' 11"	106° 45' 43"	F-48-58-D-a
làng Nà Mằn	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 34"	106° 45' 58"					F-48-58-D-a
làng Nà Nhạn	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 45"	106° 45' 53"					F-48-58-D-a
làng Nà Nhì	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 45' 43"					F-48-58-D-a
thôn Nà Pất	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 43"	106° 45' 36"					F-48-58-D-a
suối Nà Pất	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 41' 29"	106° 45' 41"	21° 44' 04"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
thôn Nà Tình	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 53"	106° 44' 21"					F-48-58-C-b
làng Pắc Có	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 41"	106° 45' 35"					F-48-58-D-a
làng Pắc Đét	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 22"	106° 46' 44"					F-48-58-D-a
thôn Pác Ma	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 39"	106° 46' 16"					F-48-58-D-a
làng Pò Đen	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 46' 04"					F-48-58-D-a
bản Pò Lèn	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 42"	106° 44' 06"					F-48-58-C-b
làng Pò Luyến	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 50"	106° 45' 36"					F-48-58-D-a
bản Thai Đảng	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 43' 29"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 279	KX	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng			21° 45' 06"	106° 32' 33"	21° 42' 14"	106° 32' 51"	F-48-58-C-a
làng Bó Chinh	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 16"	106° 34' 31"					F-48-58-C-a
làng Bó Lầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 32' 43"					F-48-58-A-c
đèo Ca	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 27"	106° 33' 27"					F-48-58-C-a
suối Cầu Bóng	TV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng			21° 43' 06"	106° 33' 12"	21° 45' 00"	106° 33' 15"	F-48-58-C-a
thôn Cầu Boóng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 29"	106° 32' 28"					F-48-58-C-a
làng Đầu Cầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 07"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Đông Deng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 25"	106° 31' 08"					F-48-58-C-a
thôn Đông Pầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 24"	106° 32' 56"					F-48-58-C-a
đèo Khau Choong	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 45"	106° 31' 01"					F-48-58-C-a
bản Khòn Nưa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 33' 06"					F-48-58-A-c
làng Khòn Tẩu Ư (Khòn Tẩư)	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 05"	106° 32' 54"					F-48-58-A-c
thôn Làng Dộc	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 48"	106° 32' 57"					F-48-58-C-a
thôn Làng Giang	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 32' 59"					F-48-58-C-a
thôn Làng Mỏ	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 09"	106° 32' 09"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Mần	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 52"	106° 31' 45"					F-48-58-C-a
làng Lũng Mắt	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 37"	106° 31' 27"					F-48-58-C-a
làng Lũng Nghiều	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 34' 05"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Nưa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 41"	106° 33' 41"					F-48-58-C-a
làng Lũng Pì	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 39"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
đèo Lũng Quan	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 09"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
làng Mỏ Tạo	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 48"	106° 32' 25"					F-48-58-C-a
làng Nả Chùa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 12"	106° 32' 15"					F-48-58-C-a
thôn Nà Mần	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 03"	106° 31' 37"					F-48-58-C-a
thôn Nam Nội Ngoài	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 36"	106° 33' 15"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nam Nội Trong	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 33' 22"					F-48-58-C-a
hang Nậm Tốc	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 05"	106° 33' 27"					F-48-58-A-c
thôn Phai Đeng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 57"	106° 32' 46"					F-48-58-C-a
làng Phai Lầy	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 13"	106° 31' 42"					F-48-58-C-a
làng Pháng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 40"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Phúc Lũng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 32' 55"					F-48-58-C-a
làng Tân Hấu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 33' 31"					F-48-58-C-a
đập Vài Cà	KX	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 48"	106° 32' 20"					F-48-58-C-a
làng Bó Đin	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 31' 40"					F-48-58-C-a
đèo Bó Đin	SV	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng			21° 41' 04"	106° 31' 21"	21° 39' 47"	106° 31' 36"	F-48-58-C-a
đền Chầu Mười	KX	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 22"					F-48-58-C-a
thôn Đơn Xa	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 51"	106° 31' 33"					F-48-58-C-a
làng Kẹm Càng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 32' 10"					F-48-58-C-a
làng Khòn Đông	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 40"	106° 31' 31"					F-48-58-C-a
làng Khòn Ngai	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 43"	106° 33' 16"					F-48-58-C-a
thôn Làng Càng 1	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 41' 13"	106° 32' 26"					F-48-58-C-a
thôn Làng Càng 2	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 58"	106° 32' 41"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Do	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 10"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Lũng Hà	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 32' 50"					F-48-58-C-a
làng Lũng Mòng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 30"	106° 32' 48"					F-48-58-C-a
làng Lũng Nghiều	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 32' 35"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Túng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 31' 30"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Ba	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 32"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Cống	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 28"	106° 32' 36"					F-48-58-C-a
suối Nà Lá	TV	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng			21° 41' 15"	106° 32' 55"	21° 40' 48"	106° 33' 03"	F-48-58-C-a
thôn Pa Ràng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 25"	106° 31' 05"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Phố Cụm	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 12"	106° 31' 14"					F-48-58-C-a
thôn Tùng Càn	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 53"	106° 33' 10"					F-48-58-C-a
làng Bó Luồng	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 05"	106° 43' 57"					F-48-58-C-d
suối Co Bơ	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 01"	106° 46' 01"	21° 35' 41"	106° 45' 46"	F-48-58-D-c
làng Co Gạo	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 23"	106° 43' 40"					F-48-58-C-d
làng Co Hương	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 37"	106° 42' 30"					F-48-58-C-b
suối Cuông Nộc	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 38' 31"	106° 46' 03"	21° 37' 41"	106° 43' 54"	F-48-58-D-a
khau Giáo	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 33' 43"	106° 42' 36"					F-48-58-C-d
khau Gioa	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 38"	106° 45' 38"					F-48-58-D-a
khau Hương	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 17"	106° 44' 36"					F-48-58-C-d
làng Kéo Nà	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 16"	106° 42' 17"					F-48-58-C-d
suối Lịt	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 38' 22"	106° 41' 55"	21° 37' 46"	106° 41' 04"	F-48-58-C-b
làng Lũng Ngàn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 21"	106° 43' 31"					F-48-58-C-d
khau Ly	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 11"	106° 43' 44"					F-48-58-C-b
thôn Mè Thình	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 29"	106° 44' 43"					F-48-58-C-d
thôn Nà Lìa	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 30"	106° 44' 10"					F-48-58-C-d
làng Nà Thàn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 57"	106° 45' 10"					F-48-58-D-c
làng Nà Thặng	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 16"	106° 45' 54"					F-48-58-D-c
suối Ó	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 17"	106° 43' 08"	21° 36' 20"	106° 43' 18"	F-48-58-C-d
làng Pá La	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 04"	106° 42' 59"					F-48-58-C-b
làng Pá Phèo	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 46"	106° 44' 01"					F-48-58-C-b
làng Phai Rinh	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 05"	106° 43' 05"					F-48-58-C-d
suối Phục	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 39' 00"	106° 44' 46"	21° 39' 51"	106° 43' 14"	F-48-58-C-b
làng Quán Chiếu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 43' 46"					F-48-58-C-d
khau Rạn	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 02"	106° 42' 43"					F-48-58-C-d
làng Suối Cáu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 08"	106° 43' 14"					F-48-58-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Suối Dầm	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 08"	106° 43' 15"					F-48-58-C-d
thôn Suối Mạ A	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 56"	106° 44' 31"					F-48-58-C-b
thôn Suối Mạ B	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 42' 51"					F-48-58-C-d
thôn Suối Mỏ	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 33"	106° 44' 44"					F-48-58-C-d
làng Suối Sạn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 00"	106° 46' 07"					F-48-58-D-a
làng Suối Thấu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 12"	106° 45' 43"					F-48-58-D-c
làng Suối Vằm	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 43' 19"					F-48-58-C-d
suối Thấu	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 48"	106° 45' 00"	21° 37' 23"	106° 46' 02"	F-48-58-D-c
suối Xà	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 34' 00"	106° 43' 48"	21° 36' 17"	106° 43' 08"	F-48-58-C-d
thôn Bắc Phiềng	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 18"	106° 42' 15"					F-48-58-C-b
suối Bắc Phiềng	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 14"	106° 42' 37"	21° 40' 32"	106° 42' 12"	F-48-58-C-b
làng Bắc Roọc	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 08"	106° 41' 22"					F-48-58-C-b
đèo Cấm	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 42' 43"					F-48-58-C-b
suối Cấm Thù	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 27"	106° 41' 30"	21° 38' 54"	106° 39' 15"	F-48-58-C-b
thôn Co Lái	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 42' 08"					F-48-58-C-b
suối Cô Lái	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			20° 40' 53"	106° 42' 10"	21° 40' 32"	106° 41' 59"	F-48-58-C-b
làng Cô Lị	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 36"	106° 41' 36"					F-48-58-C-b
làng Co Mười	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 08"	106° 40' 21"					F-48-58-C-b
làng Dọc Lát	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 39' 48"					F-48-58-C-b
thôn Hà Nam	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 40' 11"					F-48-58-C-b
làng Kéo Gà	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 39' 46"					F-48-58-C-b
đèo Kèo Lèo	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 45"	106° 42' 59"					F-48-58-C-b
làng Khau Xoong	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 05"	106° 39' 23"					F-48-58-C-b
núi Khuôn Kén	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 28"	106° 39' 05"					F-48-58-C-b
làng Nà Chuối	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 06"	106° 41' 33"					F-48-58-C-b
suối Nà Chuối	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 21"	106° 41' 37"	21° 41' 30"	106° 41' 23"	F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Nà Kham	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 41' 10"					F-48-58-C-b
làng Nà Lá	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 27"	106° 41' 25"					F-48-58-C-b
làng Nà Lầm	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 20"	106° 42' 16"					F-48-58-C-b
làng Nà Mồ	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 40' 14"					F-48-58-C-b
làng Rọ Bo	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 20"	106° 41' 11"					F-48-58-C-b
làng Rọ Cút	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 50"	106° 41' 00"					F-48-58-C-b
làng Rọc Sèn	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 51"	106° 40' 31"					F-48-58-C-b
núi Tam Tấu	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 35"	106° 39' 44"					F-48-58-C-b
làng Thằm Nạc	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 06"	106° 39' 23"					F-48-58-C-b
làng Trung Khìn	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 53"	106° 42' 39"					F-48-58-C-b
suối Trung Khìn	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 41' 21"	106° 43' 21"	21° 40' 31"	106° 42' 12"	F-48-58-C-b
làng Tung Hon	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 48"	106° 40' 30"					F-48-58-C-b
làng Vình Tình	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 31"	106° 42' 07"					F-48-58-C-b
thôn Bản Lăm	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 04"	106° 44' 36"					F-48-58-C-b
khau Dằm	SV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 31"	106° 45' 01"					F-48-58-D-a
thôn Hợp Đường	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 36"	106° 44' 00"					F-48-58-C-b
núi Mạy Thang	SV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 44' 11"					F-48-58-C-b
bản Nư	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 44' 10"					F-48-58-C-b
thôn Thiên Cần	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 45' 13"					F-48-58-D-a
suối Vạn Tủng	TV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 05"	106° 44' 30"	21° 40' 37"	106° 44' 01"	F-48-58-C-b
suối Vằng Hỳ	TV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng			21° 41' 00"	106° 44' 43"	21° 41' 27"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng			21° 40' 33"	106° 35' 59"	21° 41' 27"	106° 37' 35"	F-48-58-C-a
làng Đồn Điền	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 21"	106° 36' 59"					F-48-58-C-a
làng Đồng Chùa	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 10"	106° 37' 18"					F-48-58-C-a
Khu du lịch Hang Gió	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 36' 29"					F-48-58-C-a
làng Hòa Mục	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 42"	106° 36' 58"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Khòn Choong	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 37' 32"					F-48-58-C-b
thôn Khòn Rẹ	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 02"	106° 37' 24"					F-48-58-C-a
làng Khòn Văn	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 42' 24"	106° 37' 34"					F-48-58-C-b
thôn Lạng Nắc	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 22"	106° 36' 45"					F-48-58-C-a
cầu Lạng Nắc	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 18"	106° 36' 40"					F-48-58-C-a
làng Lũng Khòm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 36' 37"					F-48-58-C-a
làng Nà Bẻng	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 36' 41"					F-48-58-C-a
làng Nà Lầm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 24"	106° 37' 20"					F-48-58-C-a
thôn Nà Lốc	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 33"	106° 36' 46"					F-48-58-C-a
thôn Nà Mùm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 44' 02"	106° 36' 53"					F-48-58-C-a
thôn Nà Sèn	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 21"	106° 36' 23"					F-48-58-C-a
thôn Sao Hạ	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 42' 55"	106° 36' 36"					F-48-58-C-a
thôn Sao Thượng A	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 36' 57"					F-48-58-C-a
thôn Sao Thượng B	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 44"	106° 36' 49"					F-48-58-C-a
làng Thồng Ngòa	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 44"	106° 36' 12"					F-48-58-C-a
sông Thương	TV	xã Mai Sao	H. Chi Lăng			21° 40' 31"	106° 36' 01"	21° 41' 22"	106° 37' 36"	F-48-58-C-a
thôn Tin Đèo	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 44' 06"	106° 37' 38"					F-48-58-C-b
làng Toòng Cóm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 36' 40"					F-48-58-C-a
cầu Vằng Kheo	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 36' 11"	106° 37' 18"					F-48-58-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng			21° 41' 18"	106° 37' 37"	21° 42' 00"	106° 40' 20"	F-48-58-C-b
đèo Kéo Gà	SV	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 40"	106° 39' 58"					F-48-58-C-b
làng Khau Lếch	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 01"	106° 38' 31"					F-48-58-C-b
làng Khòn Khài	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 04"	106° 39' 56"					F-48-58-C-b
làng Khòn Lẩu	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 56"	106° 39' 44"					F-48-58-C-b
làng Khòn Sào	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 48"	106° 39' 50"					F-48-58-C-b
thôn Khun Khoan	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 38' 51"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khun Khuông	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 13"	106° 38' 35"					F-48-58-C-b
thôn Khun Lông	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 34"	106° 39' 36"					F-48-58-C-b
thôn Khun Tiếm	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 20"	106° 38' 50"					F-48-58-C-b
thôn Làng Chiễng	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 39"	106° 37' 44"					F-48-58-C-b
thôn Lạng Giai	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 51"	106° 39' 29"					F-48-58-C-b
cầu Lạng Giai	KX	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 58"	106° 39' 48"					F-48-58-C-b
thôn Nà Khòn	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 28"	106° 37' 47"					F-48-58-C-b
làng Nà Phiệt	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 39' 02"					F-48-58-C-b
thôn Pa Lái	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 46"	106° 38' 34"					F-48-58-C-b
sông Thương	TV	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng			21° 41' 22"	106° 37' 36"	21° 42' 02"	106° 40' 14"	F-48-58-C-b
làng Bờ Ải	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 01"	106° 35' 20"					F-48-58-C-c
suối Cái	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 02"	106° 40' 43"	21° 36' 25"	106° 42' 09"	F-48-58-C-d
thôn Củ Na	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 39' 58"					F-48-58-C-d
làng Dọc Kít	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 49"	106° 38' 56"					F-48-58-C-b
núi Dọc Nghiến	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 22"	106° 36' 38"					F-48-58-C-c
làng Đin Đeng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 36"	106° 37' 44"					F-48-58-C-b
thôn Đồng Ghè	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 21"	106° 35' 25"					F-48-58-C-c
thôn Đông Mồ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 00"	106° 37' 55"					F-48-58-C-b
đèo Hoan	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 12"	106° 38' 11"					F-48-58-C-d
núi Khao Đâm	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 00"	106° 34' 47"					F-48-58-C-c
làng Khuôn Dầu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 36' 24"					F-48-58-C-c
núi Khuôn Mạt	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 33"	106° 37' 50"					F-48-58-C-d
thôn Làng Hạ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 34"	106° 35' 42"					F-48-58-C-c
thôn Làng Hăng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 27"	106° 37' 06"					F-48-58-C-a
thôn Làng Mủn	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 38' 03"					F-48-58-C-b
thôn Làng Thượng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 54"	106° 36' 07"					F-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Lầu	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 40' 31"					F-48-58-C-d
suối Lịt	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 51"	106° 41' 08"	21° 36' 19"	106° 39' 22"	F-48-58-C-d
thôn Lũng Châu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 21"	106° 36' 35"					F-48-58-C-a
làng Nà Cai	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 35"	106° 38' 15"					F-48-58-C-b
làng Nà Ké	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 02"	106° 37' 34"					F-48-58-C-b
làng Nà Mồ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 48"	106° 38' 36"					F-48-58-C-b
núi Nà Mồ	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 37' 28"					F-48-58-C-d
làng Nà Xoong	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 36' 38"					F-48-58-C-c
suối Pắc Piếng	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 38' 31"	106° 36' 15"	21° 37' 31"	106° 36' 57"	F-48-58-C-a
làng Suối Bốc	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 41' 16"					F-48-58-C-d
làng Suối Cái	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 05"	106° 41' 35"					F-48-58-C-d
làng Suối Mu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 22"	106° 38' 14"					F-48-58-C-b
núi Thái Họa	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 18"	106° 34' 05"					F-48-58-C-c
đèo Trang	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 34' 42"					F-48-58-C-c
núi Tu Lùng	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 16"	106° 34' 58"					F-48-58-C-c
cầu Tu Lùng	KX	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 52"	106° 35' 16"					F-48-58-C-c
làng Tung Pha	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 39"	106° 38' 43"					F-48-58-C-b
suối Vực Ngườm	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 45"	106° 37' 47"	21° 36' 00"	106° 35' 13"	F-48-58-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 37' 04"	106° 32' 51"	21° 40' 22"	106° 36' 17"	F-48-58-C-c
thôn Chằm Pháng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 42"	106° 33' 41"					F-48-58-C-a
làng Còn Phiêng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 13"	106° 32' 51"					F-48-58-C-c
suối Dọc Trang	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 37' 11"	106° 34' 50"	21° 38' 15"	106° 33' 54"	F-48-58-C-a
làng Đan Chuông	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 34"	106° 34' 30"					F-48-58-C-a
thôn Đông Mồ	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 44"	106° 34' 35"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Áng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 02"	106° 35' 38"					F-48-58-C-a
suối Khuôn Áng	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 39' 05"	106° 35' 38"	21° 39' 34"	106° 35' 10"	F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Khuôn Bạc	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 42"	106° 35' 48"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Phang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 07"	106° 34' 59"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Thúng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 13"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
thôn Làng Coóc	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 58"	106° 35' 45"					F-48-58-C-a
thôn Làng Đăng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 28"	106° 35' 43"					F-48-58-C-a
cầu Làng Đăng	KX	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 37"	106° 35' 35"					F-48-58-C-a
thôn Làng Thành	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 21"	106° 33' 13"					F-48-58-C-c
đèo Lũng Tăng	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 56"	106° 33' 39"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Đá	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 35' 49"					F-48-58-C-a
làng Nà Pa	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 26"	106° 33' 55"					F-48-58-C-a
thôn Núi Đá	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 54"	106° 33' 55"					F-48-58-C-a
đèo Quao	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 03"	106° 34' 20"					F-48-58-C-c
thôn Than Muội	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 58"	106° 33' 00"					F-48-58-C-a
sông Thương	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 40' 31"	106° 36' 01"	21° 37' 04"	106° 32' 34"	F-48-58-C-a
làng Trung	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 23"	106° 34' 28"					F-48-58-C-a
làng Yên Quang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 03"	106° 33' 59"					F-48-58-C-a
thôn Chợ Hoàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 00"	106° 32' 41"					F-48-58-C-a
làng Còn Khẻ	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 01"	106° 34' 02"					F-48-58-C-a
làng Còn Pằng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 59"	106° 33' 07"					F-48-58-C-a
làng Khòn Lân	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 54"	106° 34' 03"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Nghiềng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 19"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Sâu	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 15"	106° 34' 10"					F-48-58-C-a
thôn Làng Nong	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 34' 24"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Ca	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 31"	106° 34' 57"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Luông	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 32"	106° 35' 07"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Tắng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 34' 15"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Nà Áng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 34' 22"					F-48-58-C-a
thôn Nà Hoàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 07"	106° 32' 53"					F-48-58-C-a
làng Nà Lùng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 12"	106° 35' 12"					F-48-58-C-a
thôn Nà Nưa	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 33' 34"					F-48-58-C-a
thôn Nà Sầu	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 24"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
thôn Quán Hàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 02"	106° 34' 13"					F-48-58-C-a
suối Tòng Nọt	TV	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng			21° 42' 25"	106° 33' 41"	21° 41' 20"	106° 32' 53"	F-48-58-C-a
thôn Tồng Nọt	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 32"	106° 33' 02"					F-48-58-C-a
thôn Cô Hồng	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 44' 47"	106° 47' 46"					F-48-58-D-a
thôn Hang Vài	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 47' 34"	106° 48' 54"					F-48-58-B
núi Kéo Phạ	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 04"	106° 49' 10"					F-48-58-B
núi Kéo Sao	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 55"	106° 49' 28"					F-48-58-B
thôn Khau Thung	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 41"	106° 48' 47"					F-48-58-B
thôn Khòn Nạo	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 58"	106° 48' 46"					F-48-58-B
thôn Làng Giông	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 54"	106° 48' 06"					F-48-58-B
làng Mạy Tặp	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 43' 43"	106° 47' 54"					F-48-58-D-a
suối Nà Hà	TV	xã Vân An	H. Chi Lăng			21° 45' 43"	106° 46' 49"	21° 45' 10"	106° 46' 09"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pàng	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 44' 21"	106° 47' 50"					F-48-58-D-a
thôn Nà Thưa	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 47' 21"	106° 48' 44"					F-48-58-B
suối Nà Thưa	TV	xã Vân An	H. Chi Lăng			21° 43' 04"	106° 48' 01"	21° 47' 52"	106° 48' 49"	F-48-58-B
thôn Phai Mò	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 48"	106° 48' 05"					F-48-58-B
núi Phiêng Sang	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 16"	106° 49' 36"					F-48-58-B
thôn Tá Riềng	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 10"	106° 47' 44"					F-48-58-B
thôn Tà Sản	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 29"	106° 46' 20"					F-48-58-B
thôn Tân Long	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 41"	106° 48' 36"					F-48-58-D-a
thôn Tân Minh	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 24"	106° 48' 21"					F-48-58-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Tậu	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 57"	106° 49' 20"					F-48-58-B
núi Téng Chẻn	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 47' 17"	106° 48' 11"					F-48-58-B
thôn Túng Mẩn	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 58"	106° 46' 50"					F-48-58-B
núi Bó	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 46"	106° 28' 41"					F-48-57-D-b
núi Bó Nọi	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 29' 29"					F-48-57-D-b
núi Cải	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 23"	106° 28' 39"					F-48-57-D-b
làng Chang	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 05"	106° 26' 34"					F-48-57-D-b
làng Chọc Chạy	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 17"	106° 30' 47"					F-48-58-C-a
núi Chùa	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 27' 58"					F-48-57-D-b
núi Cốc Bay	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 17"	106° 29' 17"					F-48-57-D-b
đèo Cóc Chủ	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 25"	106° 27' 58"					F-48-57-D-b
núi Cốc Khé	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 26' 54"					F-48-57-D-b
núi Cốc Phầy	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 10"	106° 28' 01"					F-48-57-D-b
núi Cốc Thuốt	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 28' 15"					F-48-57-D-b
làng Đông	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 51"	106° 28' 00"					F-48-57-D-b
thôn Đông Khao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 03"	106° 29' 52"					F-48-58-C-a
núi Đưng Hin	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 27' 45"					F-48-57-D-b
làng Gia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 05"	106° 27' 36"					F-48-57-D-b
núi Hàm Rồng	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 19"	106° 27' 22"					F-48-57-D-b
làng Hoàng Sơn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 37"	106° 30' 14"					F-48-58-C-a
thôn Khun Đút	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 36"	106° 26' 45"					F-48-57-D-b
làng Lá Gia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 37' 31"	106° 26' 38"					F-48-57-D-b
làng Lân Man	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 25' 36"					F-48-57-D-b
thôn Làng Đăm	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 59"	106° 26' 49"					F-48-57-D-b
thôn Làng Hao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 29"	106° 26' 14"					F-48-57-D-b
thôn Làng Thượng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 05"	106° 29' 34"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lũng Chao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 30' 09"					F-48-58-C-a
núi Lùng Đắc	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 19"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
thôn Lũng Luông	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 41' 07"	106° 28' 52"					F-48-57-D-b
đèo Lũng Luông	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 37"	106° 28' 45"					F-48-57-D-b
núi Lũng Luông	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 55"	106° 29' 10"					F-48-57-D-b
thôn Lũng Na	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 27' 55"					F-48-57-D-b
núi Lũng Om	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 28' 36"					F-48-57-D-b
thôn Lũng Tàn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 20"	106° 28' 19"					F-48-57-D-b
lân Lũng Thứ	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 28' 09"					F-48-57-D-b
thôn Mỏ Cấy	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 51"	106° 26' 35"					F-48-57-D-b
đèo Mỏ Cấy	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 23"	106° 27' 09"					F-48-57-D-b
làng Mỏ Kèng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 32"	106° 28' 11"					F-48-57-D-b
thôn Mỏ Rọ	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 47"	106° 31' 01"					F-48-58-C-a
làng Nà Hỉn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 14"	106° 27' 34"					F-48-57-D-b
thôn Nà Lai	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 10"	106° 27' 41"					F-48-57-D-b
thôn Nà Lặp	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 11"	106° 28' 34"					F-48-57-D-b
làng Nà Tẻng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 37' 47"	106° 27' 06"					F-48-57-D-b
làng Nà Xia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 33"	106° 29' 04"					F-48-57-D-b
núi Pá Lượt	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 59"	106° 28' 20"					F-48-57-D-b
núi Pha Sài	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 51"	106° 28' 26"					F-48-57-D-b
núi Phặt Sì	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 46"	106° 28' 58"					F-48-57-D-b
thôn Phố Cũ	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 45"	106° 30' 01"					F-48-58-C-a
thôn Phố Mới	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 29' 22"					F-48-57-D-b
làng Sà	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 27' 52"					F-48-57-D-b
làng San Mào	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 50"	106° 30' 35"					F-48-58-C-a
núi Sè	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 13"	106° 29' 08"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ta Thị	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 31"	106° 26' 10"					F-48-57-D-b
núi Tác Ni	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 27' 21"					F-48-57-D-b
suối Tai Sên	TV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng			21° 38' 55"	106° 26' 37"	21° 37' 54"	106° 26' 29"	F-48-57-D
núi Xả Cáy	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 27' 00"					F-48-57-D-b
thôn Xa Đán	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 29' 00"					F-48-57-D-b
núi Xa Khao	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 19"	106° 27' 11"					F-48-57-D-b
núi Xa Khao Đưng Hin	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
núi Xa Ngang	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 26' 31"					F-48-57-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng			21° 43' 12"	106° 41' 19"	21° 46' 40"	106° 44' 20"	F-48-58-C-b
thôn Bản Dù	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 29"	106° 42' 46"					F-48-58-C-b
thôn Bản Thí	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 14"	106° 43' 47"					F-48-58-A-d
ga Bản Thí	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 02"	106° 43' 48"					F-48-58-A-d
làng Bó Rượi	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 03"	106° 44' 27"					F-48-58-A-d
làng Cô Hiền	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 56"	106° 43' 35"					F-48-58-A-d
làng Cọn Kheng	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 10"	106° 42' 42"					F-48-58-A-d
làng Khau Chỉ	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 19"	106° 42' 52"					F-48-58-A-d
đèo Khau Phạ	SV	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 01"	106° 42' 46"					F-48-58-C-b
làng Nà Cam	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 25"	106° 43' 19"					F-48-58-A-d
làng Nà Khum	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 51"	106° 43' 51"					F-48-58-C-b
thôn Nà Lừu	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 15"	106° 43' 13"					F-48-58-C-b
làng Nà Moòng	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 44"	106° 42' 51"					F-48-58-A-d
làng Nà Pá	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 08"	106° 43' 11"					F-48-58-A-d
thôn Nà Pất	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 45"	106° 43' 29"					F-48-58-A-d
thôn Nà Phước	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 14"	106° 44' 01"					F-48-58-A-d
làng Nà Tải	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 03"	106° 44' 42"					F-48-58-A-d
làng Nà Táng	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 16"	106° 44' 18"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Pình	SV	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 34"	106° 44' 01"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 1	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 08"	106° 42' 13"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 4	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 41' 32"					F-48-58-C-b
thôn Tình Lùng	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 38"	106° 42' 55"					F-48-58-C-b
làng Viền Sái	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 27"	106° 41' 37"					F-48-58-C-b
làng Bó Bẩn	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 28' 11"					F-48-57-D-d
làng Bo Loạc	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 41"	106° 28' 57"					F-48-57-D-d
núi Bó Mò	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 28' 43"					F-48-57-D-b
núi Bó Mù	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 40"	106° 27' 14"					F-48-57-D-d
làng Canh Tổng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 32"	106° 28' 19"					F-48-57-D-d
làng Đèo Tuống	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 21"	106° 29' 08"					F-48-57-D-b
làng Đin Đẻng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 27"	106° 28' 14"					F-48-57-D-d
làng Đồng Tiến	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 29' 20"					F-48-57-D-b
thôn Giáp Thượng 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 20"	106° 29' 38"					F-48-57-D-b
thôn Giáp Thượng 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 40"	106° 29' 03"					F-48-57-D-b
làng Gốc Hương	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 18"	106° 28' 57"					F-48-57-D-d
núi Keng Vài	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 04"	106° 27' 10"					F-48-57-D-d
làng Lân Khựt	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 26' 11"					F-48-57-D-b
làng Lân Tấm	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 46"	106° 27' 07"					F-48-57-D-d
làng Lũng Áng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 12"	106° 29' 21"					F-48-57-D-d
làng Lũng Nọi	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 13"	106° 31' 25"					F-48-58-C-a
làng Lũng Tát	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 54"	106° 28' 35"					F-48-57-D-d
núi Lũng Vài	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 43"	106° 29' 28"					F-48-57-D-b
thôn Nà Cà 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 58"	106° 30' 39"					F-48-58-C-a
thôn Nà Cà 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 44"	106° 31' 10"					F-48-58-C-a
làng Nà Mèo	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 24"	106° 28' 26"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Tang	TV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng			21° 37' 12"	106° 29' 55"	21° 35' 53"	106° 28' 32"	F-48-57-D-d
thôn Nam Lân 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 35"	106° 29' 07"					F-48-57-D-d
thôn Nam Lân 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 36"	106° 28' 23"					F-48-57-D-d
làng Nặm Tà	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 16"	106° 29' 44"					F-48-57-D-b
núi Nặm Tà	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 04"	106° 29' 50"					F-48-57-D-b
suối Nặm Tà	TV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng			21° 37' 43"	106° 29' 25"	21° 38' 29"	106° 29' 42"	F-48-57-D-b
núi Pa Mịn	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 34' 25"	106° 26' 48"					F-48-57-D-d
núi Sa Sây	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 22"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
thôn Thạch Lương	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 13"	106° 30' 07"					F-48-58-C-c
thôn Thần Lãng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 36"	106° 27' 38"					F-48-57-D-d
thôn Trung Tâm	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 23"	106° 29' 26"					F-48-57-D-d
làng Tùng Nau	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 18"	106° 27' 42"					F-48-57-D-d
làng Xa Cút	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 27"	106° 28' 27"					F-48-57-D-d
làng Xiệc	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 44"	106° 29' 15"					F-48-57-D-b
khu 1	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 47"	107° 05' 52"					F-48-59-C-c
khu 2	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 59"	107° 05' 43"					F-48-59-C-c
khu 3	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 21"	107° 05' 15"					F-48-59-C-c
quốc lộ 31	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 18"	107° 06' 25"	21° 32' 33"	107° 05' 26"	F-48-59-C-c
quốc lộ 4B	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 31"	107° 06' 14"	21° 33' 27"	107° 05' 07"	F-48-59-C-c
suối Đình Lập	TV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 47"	107° 06' 08"	21° 32' 58"	107° 04' 43"	F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 1	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 06"	107° 05' 32"					F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 2	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 53"	107° 05' 42"					F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 3	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 52"	107° 05' 53"					F-48-59-C-c
núi Khuổi In	SV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 57"	107° 06' 00"					F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 35"	107° 06' 16"	21° 32' 37"	107° 05' 07"	F-48-59-C-c
cầu Nà Pheo	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 19"	107° 05' 22"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 48"	107° 02' 36"					F-48-71-A-a
khu 2	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 51"	107° 01' 54"					F-48-71-A-a
khu 3	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 53"	107° 01' 16"					F-48-71-A-a
khu 4	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 54"	107° 01' 13"					F-48-71-A-a
khu 5	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 35"	107° 01' 05"					F-48-71-A-a
khu 6	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 00"	107° 01' 22"					F-48-71-A-a
cầu 20	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 26"	107° 01' 00"					F-48-71-A-a
cầu 21	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 40"	107° 01' 09"					F-48-71-A-a
quốc lộ 31	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 29' 28"	107° 02' 34"	21° 27' 16"	107° 00' 44"	F-48-71-A-a
công ty CP chè Thái Bình - Lạng Sơn	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 58"	107° 01' 23"					F-48-71-A-a
sông Bản Mục	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 28' 15"	107° 00' 53"	21° 28' 34"	107° 00' 57"	F-48-71-A-a
suối Đông Sao	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 27' 25"	107° 00' 47"	21° 27' 34"	107° 00' 57"	F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 28' 52"	107° 02' 33"	21° 28' 59"	107° 01' 10"	F-48-71-A-a
cầu Pắc Làng	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 02"	107° 01' 28"					F-48-71-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Pốt	SV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 30"	107° 01' 07"					F-48-71-A-a
khau Trì	SV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 03"	107° 01' 46"					F-48-71-A-a
quốc lộ 4B	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 52"	107° 12' 37"					F-48-71-A-b
thôn Bản Hả	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 13"	107° 14' 56"					F-48-71-B-a
cầu Bản Hả	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 05"	107° 14' 59"					F-48-71-B-a
núi Khau Pha	SV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 54"	107° 11' 24"					F-48-71-A-b
thôn Khe Cảy	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 20"	107° 12' 50"					F-48-71-A-b
cầu Khe Cảy	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 26"	107° 13' 13"					F-48-71-A-b
bản Khe Hả	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 23' 23"	107° 10' 55"					F-48-71-A-b
suối Khe Hả	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 23' 08"	107° 14' 35"	21° 24' 23"	107° 15' 44"	F-48-71-A-b
thôn Khe Lim	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 17"	107° 14' 46"					F-48-71-A-b
thôn Khe Mò	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 46"	107° 14' 15"					F-48-71-A-b
cầu Khe Mò	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 55"	107° 14' 02"					F-48-71-A-b
thôn Khe Pạc	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 37"	107° 13' 41"					F-48-71-A-b
suối Khe Phạ	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 23' 24"	107° 11' 15"	21° 23' 24"	107° 10' 20"	F-48-71-A-b
thôn Khe Tròi	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 11"	107° 12' 23"					F-48-71-A-b
suối Khe Tròi	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 24' 12"	107° 12' 34"	21° 24' 55"	107° 14' 02"	F-48-71-A-b
thôn Khe Váp	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 03"	107° 10' 45"					F-48-71-A-b
suối Khe Váp	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 22' 38"	107° 10' 16"	21° 22' 06"	107° 10' 25"	F-48-71-A-b
làng Nà Pẻo	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 36"	107° 13' 01"					F-48-71-A-b
thôn Nà Phai	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 19"	107° 13' 29"					F-48-71-A-b
sông Phố Cũ	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 26' 00"	107° 12' 38"	21° 24' 39"	107° 15' 10"	F-48-71-A-b
thôn Bắc Xa	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 24"	107° 20' 29"					F-48-59-D
núi Bạch Thịnh	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 43' 33"	107° 16' 12"					F-48-59-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Văn	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 47"	107° 15' 14"					F-48-59-D
thôn Bản Háng	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 54"	107° 17' 24"					F-48-59-D
thôn Bản Mạ	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 41' 10"	107° 18' 30"					F-48-59-D
suối Bản Mạ	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 17"	107° 19' 43"	21° 40' 51"	107° 17' 31"	F-48-59-D
suối Bản Quầy	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 42' 32"	107° 15' 13"	21° 39' 52"	107° 16' 10"	F-48-59-D
thôn Bản Quầy	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 25"	107° 16' 00"					F-48-59-D
núi Cao Kiết Son	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 43' 09"	107° 15' 09"					F-48-59-D
bản Chè Mùng	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 09"	107° 19' 15"					F-48-59-D
suối Chè Mùng	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 38' 33"	107° 21' 31"	21° 40' 15"	107° 19' 43"	F-48-59-D
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 01"	107° 16' 42"					F-48-59-D
thôn Kéo Cấn	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 53"	107° 15' 53"					F-48-59-D
núi Kéo Máy	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 15"	107° 19' 41"					F-48-59-D
suối Kéo Mây	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 36' 27"	107° 19' 15"	21° 38' 38"	107° 18' 44"	F-48-59-D
núi Khiếu Pài	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 44' 19"	107° 17' 33"					F-48-59-D
núi Kho Bủng	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 05"	107° 21' 31"					F-48-59-D
núi Khuổi Bật	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 33"	107° 19' 21"					F-48-59-D
cầu Khuổi Chanh	KX	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 15"	106° 18' 02"					F-48-59-D
thôn Khuổi Sâu	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 13"	107° 17' 33"					F-48-59-D
suối Khuổi Tà	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 37' 47"	107° 19' 35"	21° 37' 10"	107° 15' 55"	F-48-59-D
bản Khuổi Tà	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 38' 53"	107° 19' 05"					F-48-59-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 51"	107° 17' 31"	21° 37' 46"	107° 14' 31"	F-48-59-D
núi Nà Khang	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 18"	107° 17' 41"					F-48-59-D
thôn Nà Thuộc	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 38' 57"	107° 16' 04"					F-48-59-D
thôn Nè Pè	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 26"	107° 15' 30"					F-48-59-D
núi Ngàn La	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 36' 42"	107° 19' 44"					F-48-59-D
núi Pác Cát	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 36' 30"	107° 18' 35"					F-48-59-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Song Phe	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 42' 03"	107° 18' 20"	21° 41' 06"	107° 18' 22"	F-48-59-D
thôn Tẩn Lầu	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 38' 32"	107° 16' 02"					F-48-59-D
thôn Tắp Tính	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 41' 32"	107° 17' 16"					F-48-59-D
suối Tắp Tính	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 43' 38"	107° 15' 58"	21° 40' 51"	107° 17' 31"	F-48-59-D
quốc lộ 31	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 44' 01"	107° 11' 50"	21° 34' 09"	107° 07' 56"	F-48-59-C
thôn Bản Chắt	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 42' 50"	107° 10' 22"					F-48-59-C
thôn Bản Mọi	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 58"	107° 07' 44"					F-48-59-C
suối Bản Mọi	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 37' 55"	107° 08' 05"	21° 38' 24"	107° 08' 40"	F-48-59-C
khau Bang	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	20° 49' 56"	107° 10' 11"					F-48-59-C
suối Còn Cà	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 37' 37"	107° 09' 46"	21° 38' 04"	107° 08' 59"	F-48-59-C
làng Còn Khưa	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 18"	107° 07' 55"					F-48-59-C-d
cầu Còn Khưa	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 15"	107° 07' 58"					F-48-59-C-d
thôn Còn Phiêng	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 38' 36"	107° 06' 44"					F-48-59-C
suối Còn Phiêng	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 38' 35"	107° 06' 35"	21° 39' 49"	107° 07' 56"	F-48-59-C
núi Hua Phụ	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 38' 31"	107° 05' 24"					F-48-59-C
núi Kéo Kham	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 25"	107° 06' 12"					F-48-59-C-c
núi Kéo Vèo	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 42' 04"	107° 09' 29"					F-48-59-C
núi Khau Háy	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 56"	107° 10' 10"					F-48-59-C
suối Khuổi Coong	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 34' 15"	107° 08' 57"	21° 35' 44"	107° 08' 47"	F-48-59-C
suối Khuổi Giảo	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 42' 13"	107° 14' 09"	21° 42' 31"	107° 12' 21"	F-48-59-C
núi Khuổi Ngòa	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 40' 11"	107° 06' 12"					F-48-59-C
núi Khuổi O	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 41' 28"	107° 07' 46"					F-48-59-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 38' 35"	107° 10' 25"	21° 40' 37"	107° 05' 53"	F-48-59-C
bản Lâm Trường 1	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 09' 07"					F-48-59-C
núi Mạy Sùng	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 60"	107° 05' 51"					F-48-59-C
núi Mu	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 40' 03"	107° 06' 07"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Bó	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 36' 33"	107° 06' 09"	21° 35' 54"	107° 08' 22"	F-48-59-C
cầu Nà Khuông	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 52"	107° 08' 26"					F-48-59-C-d
thôn Nà Lầm	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 42' 26"	107° 11' 05"					F-48-59-C
suối Nà Lầm	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 42' 31"	107° 12' 21"	21° 43' 04"	107° 09' 44"	F-48-59-C
thôn Nà Loòng	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 38' 15"	107° 08' 51"					F-48-59-C
suối Nà Loòng	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 38' 24"	107° 08' 40"	21° 39' 30"	107° 08' 57"	F-48-59-C
thôn Nà Lừa	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 21"	107° 09' 02"					F-48-59-C-d
suối Nà Lừa	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 36' 49"	107° 08' 33"	21° 38' 04"	107° 08' 59"	F-48-59-C-d
cầu Nà Lừa	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 01"	107° 08' 37"					F-48-59-C-d
bản Nà Nghiều	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 58"	107° 08' 19"					F-48-59-C-d
suối Nà Nghiều	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 35' 44"	107° 08' 47"	21° 35' 51"	107° 08' 26"	F-48-59-C
cầu Nà Phạ	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 36' 47"	107° 08' 30"					F-48-59-C-d
bản Nạ Phạ	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 36' 39"	107° 08' 28"					F-48-59-C-d
bản Nà Sang	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 40"	107° 08' 43"					F-48-59-C
núi Nìu Lục Duốc	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 07' 02"					F-48-59-C
thôn Pàn Mò	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 33"	107° 08' 13"					F-48-59-C-d
cầu Pàn Mò 2	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 42"	107° 08' 19"					F-48-59-C-d
thôn Pò Háng	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 09' 30"					F-48-59-C
thôn Pò Mất	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 34' 53"	107° 07' 46"					F-48-59-C-d
thôn Pò Phát	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 39' 57"	107° 07' 51"					F-48-59-C
núi Pò Phi Slương	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 44' 14"	107° 11' 21"					F-48-59-C
núi Pò Toong Pục	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 43' 21"	107° 12' 36"					F-48-59-C
khau Sam Chom	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 36' 51"	107° 06' 23"					F-48-59-C
núi Slam Slấu	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 41' 27"	107° 06' 48"					F-48-59-C
thôn Tiên Phi	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 48"	107° 08' 13"					F-48-59-C-d
thôn Trung tâm Lâm Nghiệp 2	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 36' 22"	107° 08' 40"					F-48-59-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Vuồng	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 34' 41"	107° 07' 03"					F-48-59-C-c
quốc lộ 4B	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			20° 58' 39"	107° 08' 09"	21° 25' 52"	107° 12' 37"	F-48-71-A-b
núi Kéo Tắm	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 30' 14"	107° 11' 46"					F-48-59-C-d
núi Khau Láng	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 58"	107° 12' 30"					F-48-71-A-b
suối Khe Cay	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 28' 26"	107° 10' 01"	21° 28' 26"	107° 10' 01"	F-48-71-A-b
thôn Khe Cù	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 28"	107° 10' 36"					F-48-71-A-b
suối Khe Cù	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 27' 38"	107° 10' 38"	21° 26' 44"	107° 09' 36"	F-48-71-A-b
cầu Khe Cù	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 38"	107° 10' 38"					F-48-71-A-b
thôn Khe Điêng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 48"	107° 09' 29"					F-48-71-A-b
thôn Khe Luồng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 42"	107° 11' 30"					F-48-71-A-b
suối Khe Luồng	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 29' 41"	107° 10' 56"	21° 27' 11"	107° 11' 33"	F-48-71-A-b
cầu Khe Mù	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 02"	107° 11' 13"					F-48-71-A-b
cầu Khe Mùn	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 19"	107° 10' 01"					F-48-71-A-b
suối Khe Pặn	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 29' 54"	107° 12' 41"	21° 26' 25"	107° 12' 24"	F-48-71-A-b
thôn Khe Pặn Giữa	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 50"	107° 12' 28"					F-48-71-A-b
núi Mào Bao	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 06"	107° 10' 29"					F-48-71-A-b
núi Mo Á	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 30"	107° 08' 10"					F-48-71-A-b
thôn Nà Háng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 07"	107° 11' 26"					F-48-71-A-b
thôn Nà Loỏng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 04"	107° 11' 08"					F-48-71-A-b
thôn Nà Nát	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 21"	107° 12' 17"					F-48-71-A-b
thôn Nà Van	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 15"	107° 09' 04"					F-48-71-A-b
cầu Nà Van	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 21"	107° 09' 07"					F-48-71-A-b
thôn Nà Ý	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 49"	107° 11' 38"					F-48-71-A-b
suối Nam Luông	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 30' 27"	107° 08' 36"	21° 26' 01"	107° 12' 38"	F-48-71-A-b
núi Tằm Moòng	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 40"	107° 08' 46"					F-48-71-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4B	KX	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 31' 34"	107° 07' 14"	20° 58' 39"	107° 08' 10"	F-48-59-C-d
thôn Bản Chuộn	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 10"	107° 05' 13"					F-48-59-C-c
suối Bản Chuộn	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 30' 51"	107° 05' 33"	21° 31' 30"	107° 05' 02"	F-48-59-C-c
suối Bản Pe	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 29' 26"	107° 05' 14"	21° 28' 33"	107° 06' 47"	F-48-71-A-a
thôn Bản Pia	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 05"	107° 06' 02"					F-48-71-A-a
bản Bản Xum	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 28' 34"	107° 04' 50"					F-48-71-A-a
núi Cặm Sác	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 17"	107° 06' 52"					F-48-59-C-c
núi Chom Luông	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 18"	107° 04' 57"					F-48-59-C-c
thôn Đồng Khoang	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 39"	107° 06' 22"					F-48-59-C-c
suối Đồng Khoang	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 30' 27"	107° 06' 24"	21° 27' 19"	107° 06' 35"	F-48-59-C-c; F-48-71-A-b
khau Kéo Phúc	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 19"	107° 06' 17"					F-48-59-C-c
thôn Khe Bó	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 45"	107° 07' 16"					F-48-71-A-a
suối Khe Bó	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 29' 52"	107° 06' 56"	21° 29' 52"	107° 06' 58"	F-48-71-A-a
bản Khe Luộng	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 28"	107° 03' 33"					F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 28' 52"	107° 02' 32"	21° 27' 09"	107° 03' 53"	F-48-71-A-a
núi Mao Lài	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 45"	107° 07' 39"					F-48-71-A-b
bản Nà Cà	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 28' 36"	107° 02' 56"					F-48-71-A-a
khau Phi Sương	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 30"	107° 07' 35"					F-48-59-C-d
núi Pò Điểm	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 10"	107° 02' 57"					F-48-71-A-a
thôn Quang Hòa	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 33"	107° 08' 04"					F-48-59-C-d
cầu Quang Hòa	KX	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 57"	107° 07' 49"					F-48-59-C-d
quốc lộ 31	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 34' 18"	107° 03' 11"	21° 34' 12"	107° 08' 10"	F-48-59-C-c
quốc lộ 4B	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập							
thôn Bản Chuông	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 29"	107° 03' 17"					F-48-59-C-c
cầu Bình Chương	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 01"	107° 04' 27"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bình Chương 1	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 13"	107° 04' 16"					F-48-59-C-c
bản Châu Mỏ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 06"	107° 04' 29"					F-48-59-C-c
bản Còn Áng	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 19"	107° 02' 59"					F-48-59-C-c
suối Còn Chí	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 35' 51"	107° 01' 31"	21° 35' 29"	107° 03' 09"	F-48-59-C-c
thôn Còn Đuống	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 50"	107° 04' 55"					F-48-59-C-c
thôn Còn Mò	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 34' 59"	107° 04' 35"					F-48-59-C-c
thôn Còn Quan	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 37' 47"	107° 03' 44"					F-48-59-C
thôn Còn Sung	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 23"	107° 02' 02"					F-48-59-C-c
cầu Còn Sung	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 27"	107° 02' 07"					F-48-59-C-c
bản Còn Tằm	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 52"	107° 02' 20"					F-48-59-C-c
suối Còn Tằm	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 47"	107° 02' 28"	21° 32' 11"	107° 04' 22"	F-48-59-C-c
núi Coóc Ngành	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 01"	107° 05' 10"					F-48-59-C-c
khau Dài	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 28"	107° 03' 05"					F-48-59-C-c
khuổi Hấu	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 00"	107° 06' 25"	21° 32' 47"	107° 06' 07"	F-48-59-C-c
bản Kéo Cọ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 38' 50"	107° 03' 31"					F-48-59-C
thôn Khe Mạ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 04"	107° 06' 45"					F-48-59-C-c
thôn Khe Vuồng	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 23"	107° 06' 54"					F-48-59-C-c
cầu Khe Vuồng	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 23"	107° 06' 59"					F-48-59-C-c
núi Khuổi Cải	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 19"	107° 04' 19"					F-48-59-C-c
thôn Kim Quán	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 41"	107° 04' 15"					F-48-59-C-c
suối Làng Em	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 34' 48"	107° 05' 11"	21° 35' 19"	107° 04' 08"	F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 38' 36"	107° 00' 14"	21° 32' 35"	107° 06' 16"	F-48-59-C-c
khuổi Luông	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 36' 19"	107° 05' 34"	21° 34' 25"	107° 04' 11"	F-48-59-C-c
khe Mạ	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 25"	107° 07' 09"	21° 32' 35"	107° 06' 16"	F-48-59-C-c
núi Mè Mải	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 22"	107° 05' 29"					F-48-59-C-c
khuổi Mùn	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 36' 54"	107° 02' 44"	21° 35' 38"	107° 03' 01"	F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Dặc	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 38' 14"	107° 03' 31"					F-48-59-C
núi Nà Khau	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 52"	107° 04' 21"					F-48-59-C-c
bản Nà Lắc	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 56"	107° 03' 23"					F-48-59-C-c
thôn Nà Pá	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 47"	107° 02' 58"					F-48-59-C-c
cầu Nà Pá	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 40"	107° 03' 01"					F-48-59-C-c
núi Nà Tăng	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 13"	107° 05' 51"					F-48-59-C-c
suối Nà Tăng	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 31' 47"	107° 05' 57"	21° 31' 57"	107° 04' 31"	F-48-59-C-c
khuổi Nhương	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 35' 02"	107° 01' 54"	21° 33' 47"	107° 02' 28"	F-48-59-C-c
núi Phạ Lác	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 56"	107° 03' 09"					F-48-59-C-c
thôn Phật Chỉ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 28"	107° 06' 24"					F-48-59-C-c
thôn Pò Khoang	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 40' 27"	107° 04' 06"					F-48-59-C
thôn Pò Tấu	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 17"	107° 03' 43"					F-48-59-C-c
cầu Pò Tấu	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 15"	107° 03' 37"					F-48-59-C-c
bản Pò Vảnh	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 21"	107° 06' 21"					F-48-59-C-c
khau Sam Chom	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 37' 20"	107° 05' 29"					F-48-59-C-c
khuổi Sáy	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 15"	107° 06' 52"	21° 32' 35"	107° 06' 16"	F-48-59-C-c
núi Sum Ngần	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 10"	107° 06' 09"					F-48-59-C-c
thôn Tà Hón	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 03"	107° 03' 50"					F-48-59-C-c
cầu Tà Hón	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 02"	107° 03' 55"					F-48-59-C-c
khau Úc	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 06"	107° 03' 34"					F-48-59-C-c
sông Đồng Quy	TV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập			21° 27' 19"	107° 06' 35"	21° 25' 02"	107° 07' 14"	F-48-71-A-a
núi Khe Buông	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 26' 20"	107° 06' 08"					F-48-71-A-a
núi Khe Dầu	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 58"	107° 10' 33"					F-48-71-A-b
thôn Khe Lạn	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 19"	107° 08' 46"					F-48-71-A-b
suối Khe Lạn	TV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập			21° 24' 10"	107° 08' 38"	21° 22' 55"	107° 08' 00"	F-48-71-A-b
thôn Nà Ngòa	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 26' 41"	107° 06' 40"					F-48-71-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Quan	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 49"	107° 07' 23"					F-48-71-A-a
thôn Nà Soong	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 25' 06"	107° 07' 07"					F-48-71-A-a
bản Pắc Coóc	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 23' 04"	107° 08' 02"					F-48-71-A-b
thôn Pắc Dầu	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 23' 54"	107° 06' 54"					F-48-71-A-a
núi Pắc Dầu	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 03"	107° 06' 05"					F-48-71-A-a
thôn Bản Chạo	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 39' 08"	107° 11' 52"					F-48-59-C
thôn Bản Có	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 49"	107° 11' 28"					F-48-59-C-d
suối Bản Có	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 24"	107° 11' 37"	21° 37' 02"	107° 11' 36"	F-48-59-C-d
thôn Bản Hang	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 36' 58"	107° 11' 29"					F-48-59-C-d
thôn Bản Lự	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 50"	107° 13' 60"					F-48-59-C
thôn Bản Mục	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 10"	107° 12' 55"					F-48-59-C-d
suối Bản Mục	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 08"	107° 13' 40"	21° 35' 10"	107° 11' 49"	F-48-59-C-d
thôn Bản Phục	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 13"	107° 11' 19"					F-48-59-C-d
thôn Bản Pìa	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 57"	107° 10' 52"					F-48-59-C
thôn Bản Táng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 41"	107° 14' 15"					F-48-59-C-d
suối Bản Táng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 53"	107° 14' 12"	21° 37' 47"	107° 13' 28"	F-48-59-C-d
bản Bản Tùm	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 34' 01"	107° 11' 22"					F-48-59-C-d
khe Bủng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 34' 03"	107° 10' 28"	21° 34' 55"	107° 10' 56"	F-48-59-C-d
thôn Hin Đăm	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 43"	107° 09' 13"					F-48-59-C-d
suối Khau Cát	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 41' 27"	107° 13' 16"	21° 38' 30"	107° 10' 59"	F-48-59-C
bản Khau Dìu	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 36' 47"	107° 12' 01"					F-48-59-C-d
núi Khau Láng	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	20° 35' 56"	107° 12' 20"					F-48-59-C-d
núi Khau Mè	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 38' 26"	107° 10' 09"					F-48-59-C
núi Khau Sao	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 14"	107° 08' 24"					F-48-59-C-d
thôn Khe Bủng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 54"	107° 10' 05"					F-48-59-C-d
thôn Khe Luồng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 58"	107° 10' 31"					F-48-59-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khe Luồng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 31' 05"	107° 12' 05"	21° 30' 23"	107° 11' 08"	F-48-59-C-d
suối Khe Moòng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 33' 54"	107° 11' 59"	21° 35' 10"	107° 11' 49"	F-48-59-C-d
núi Khuổi Luông	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 41' 32"	107° 13' 26"					F-48-59-C
núi Khuổi Mỏ	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 15"	107° 14' 20"					F-48-59-C-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 37' 46"	107° 14' 31"	21° 38' 35"	107° 10' 25"	F-48-59-C
núi Mòng Vài	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 06"	107° 11' 44"					F-48-59-C-d
thôn Pắc Thút	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 38"	107° 12' 57"					F-48-59-C
núi Quang Hòa	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 29"	107° 10' 44"					F-48-59-C-d
khau Sung Khôn	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 40' 49"	107° 12' 15"					F-48-59-C
thôn Bản Lạn	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 57"	107° 03' 08"					F-48-71-A-a
bản Bình Lâm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 03"	107° 01' 08"					F-48-71-A-c
bản Bình Thắng	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 23' 21"	107° 04' 54"					F-48-71-A-a
núi Cao Lương	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 27' 00"	107° 01' 41"					F-48-71-A-a
núi Cao Phây	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 23"	107° 03' 34"					F-48-71-A-a
khuổi Chim	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 08"	107° 02' 46"	21° 22' 23"	107° 01' 41"	F-48-71-A-c
núi Cốc Mười	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 21"	107° 02' 12"					F-48-71-A-c
khuổi Dăm	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 24' 12"	107° 00' 07"	21° 25' 34"	107° 01' 18"	F-48-71-A-a
khau Đông Sao	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 27' 41"	107° 02' 01"					F-48-71-A-a
khau Giáng	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 35"	106° 59' 47"					F-48-70-B-b
núi Khao Tân	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 37"	106° 59' 25"					F-48-70-B-b
núi Khau Cải	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 11"	107° 02' 09"					F-48-71-A-a
bản Khe Buông	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 22"	107° 05' 20"					F-48-71-A-a
suối Khe Buông	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 25' 58"	107° 05' 04"	21° 25' 03"	107° 03' 53"	F-48-71-A-a
thôn Khe Ca	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 26"	107° 01' 38"					F-48-71-A-c
thôn Khe Chim	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 32"	107° 02' 21"					F-48-71-A-c
thôn Khe Dăm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 45"	107° 01' 02"					F-48-71-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khe Lầm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 16"	107° 04' 45"					F-48-71-A-a
thôn Khe Sen	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 26"	107° 04' 07"					F-48-71-A-c
suối Khe Sen	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 52"	107° 04' 11"	21° 22' 15"	107° 04' 32"	F-48-71-A-c
thôn Khe Xiếc	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 23' 25"	106° 59' 48"					F-48-70-B-b
khuổi Lầm	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 24' 28"	107° 05' 11"	21° 24' 29"	107° 04' 37"	F-48-71-A-a
khuổi Lặp	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 27' 21"	107° 02' 02"	21° 26' 12"	107° 01' 34"	F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 27' 09"	107° 03' 53"	21° 23' 24"	106° 59' 07"	F-48-71-A-a
khuổi Mười	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 05"	107° 02' 14"	21° 21' 20"	107° 01' 46"	F-48-71-A-c
thôn Nà Cút	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 32"	107° 03' 56"					F-48-71-A-a
khau Na Đình	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 02"	107° 00' 19"					F-48-71-A-c
bản Nà Khu	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 49"	107° 03' 57"					F-48-71-A-a
thôn Pá Phấy	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 37"	107° 00' 14"					F-48-71-A-c
thôn Pắc Vằn	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 53"	107° 01' 34"					F-48-71-A-a
khau Phạ Khả	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 20' 34"	107° 00' 57"					F-48-71-A-c
núi Phạ Lớ	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 37"	107° 00' 37"					F-48-71-A-a
núi Pò Phầy	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 41"	107° 00' 25"					F-48-71-A-a
khuổi Soong	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 25' 58"	107° 00' 19"	21° 25' 41"	107° 01' 13"	F-48-71-A-a
quốc lộ 31	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 19"	107° 03' 11"	21° 29' 28"	107° 02' 34"	F-48-59-C-c
thôn Bản Chu	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 53"	106° 58' 44"					F-48-70-B-b
thôn Bản Mục	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 00"	106° 59' 54"					F-48-70-B-b
thôn Bản Piềng	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 15"	106° 58' 33"					F-48-70-B-d
suối Đông Mồ	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 33' 23"	107° 00' 46"	21° 32' 50"	107° 01' 30"	F-48-59-C-c
núi Khau Cút	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 54"	107° 00' 51"					F-48-59-C-c
núi Khau O	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 46"	107° 00' 06"					F-48-71-A-a
núi Khau Trạng	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 36"	107° 02' 17"					F-48-59-C-c
thôn Khe Cháy	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 40"	107° 02' 19"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khe Cháy	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 30' 59"	107° 01' 14"	21° 30' 39"	107° 02' 23"	F-48-59-C-c
cầu Khe Cháy	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 33"	107° 02' 29"					F-48-59-C-c
suối Khe Đa	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 29"	107° 01' 15"	21° 30' 59"	107° 01' 45"	F-48-59-C-c
thôn Khe Đa 1	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập							
thôn Khe Đa 2	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập							
thôn Khe Hin	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 39"	106° 54' 31"					F-48-70-B-b
núi Khe Hin	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 33"	106° 57' 50"					F-48-70-B-b
thôn Khe Sân	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 33' 25"	107° 00' 42"					F-48-59-C-c
bản Khuổi Chộc	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 42"	107° 00' 04"					F-48-59-C-c
bản Khuổi Cọ	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 59"	106° 55' 23"					F-48-70-B-b
núi Khuổi Tàn	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 32' 30"	107° 01' 44"					F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 17"	107° 03' 12"	21° 29' 27"	107° 02' 35"	F-48-59-C-c
khau Mào Lạnh	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 40"	107° 01' 25"					F-48-71-A-a
khau Mào Tằm	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 34' 08"	107° 01' 09"					F-48-59-C-c
bản Nà Hin	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 53"	106° 57' 34"					F-48-70-B-b
bản Nà Luông	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 44"	107° 02' 53"					F-48-59-C-c
bản Nà Phải	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 58"	106° 58' 07"					F-48-70-B-b
bản Nà Vàng	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 04"	106° 57' 11"					F-48-70-B-b
hồ Pắc Làng	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 24"	107° 00' 38"					F-48-71-A-a
cầu Pắc Văng	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 59"	107° 02' 52"					F-48-59-C-c
khau Phai Sáo	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 32"	107° 00' 03"					F-48-71-A-a
thôn Vằng Chộc	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 18"	107° 01' 30"					F-48-59-C-c
quốc lộ 1A	KX	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng			21° 30' 55"	106° 21' 15"	21° 29' 58"	106° 19' 50"	F-48-57-D-c
khu Cầu Mười	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 37"	106° 20' 02"					F-48-57-D-c
khu Na Đâu	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 53"	106° 20' 31"					F-48-57-D-c
khu Tân Mỹ	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 21' 25"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng			21° 32' 38"	106° 22' 31"	21° 33' 21"	106° 26' 02"	F-48-57-D-d
thôn Ba Nàng	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 46"	106° 22' 56"					F-48-57-D-d
núi Cao Bằng	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 38"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
núi Chùa Am	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 16"	106° 23' 31"					F-48-57-D-d
thôn Đá Đỏ	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 31' 19"	106° 23' 35"					F-48-57-D-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 09"	106° 25' 09"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Ngầu	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 24' 04"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Thuốc	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 31"	106° 23' 21"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Trãnh	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 28"	106° 25' 52"					F-48-57-D-d
làng Giãn	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 24' 43"					F-48-57-D-d
thôn Hồng Châu	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 13"	106° 24' 09"					F-48-57-D-d
thôn Làng Bến	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 31' 45"	106° 23' 34"					F-48-57-D-d
đèo Lừa	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 35"	106° 24' 22"					F-48-57-D-d
sông Thương	TV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng			21° 31' 00"	106° 23' 17"	21° 32' 49"	106° 25' 54"	F-48-57-D-d
thôn Vân Tảo	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 27"	106° 25' 19"					F-48-57-D-d
núi Xà Vẹn	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 20"	106° 24' 24"					F-48-57-D-d
thôn Ao Lão	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 02"	106° 17' 19"					F-48-57-D-c
rừng Bãi Lạc	KX	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 39"	106° 17' 24"					F-48-69-B-a
thôn Bản Mới	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 15"	106° 17' 13"					F-48-57-D-c
thôn Cốc Lùng	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 13"	106° 15' 51"					F-48-57-D-c
núi Cột Cờ	SV	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 32"	106° 17' 10"					F-48-69-B-a
thôn Đồng Mỷ	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 30"	106° 16' 23"					F-48-57-D-c
thôn Gióng	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 31"	106° 14' 37"					F-48-57-C-d
thôn Lương	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 57"	106° 15' 09"					F-48-69-B-a
thôn Phủ Đô	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 05"	106° 16' 45"					F-48-57-D-c
thôn Suối Tràng	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 55"	106° 16' 06"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tràng	TV	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng			21° 31' 13"	106° 16' 19"	21° 30' 47"	106° 15' 55"	F-48-57-D-c
thôn Vận	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 23"	106° 16' 29"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng			21° 30' 55"	106° 21' 15"	21° 32' 37"	106° 22' 36"	F-48-57-D-d
thôn Bãi Vàng	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 20' 40"					F-48-57-D-c
thôn Bến Kim	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 08"	106° 22' 57"					F-48-57-D-d
làng Cây Chẩy	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 05"	106° 22' 51"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Heo	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 55"	106° 20' 30"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Lai	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 38"	106° 21' 29"					F-48-57-D-c
thôn Gốc Me	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 55"	106° 22' 09"					F-48-57-D-c
thôn Làng Cần	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 24"	106° 22' 16"					F-48-57-D-c
thôn Làng Ngóc	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 24"	106° 21' 16"					F-48-57-D-c
núi Nón	SV	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 14"	106° 21' 02"					F-48-57-D-c
đèo Phiếu	SV	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 33' 24"	106° 22' 12"					F-48-57-D-c
thôn Rừng Dong	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 30' 55"	106° 21' 36"					F-48-57-D-c
thôn Sẩy Hạ	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 29' 52"	106° 21' 47"					F-48-69-B-a
thôn Sẩy Thượng	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 30' 11"	106° 22' 02"					F-48-57-D-c
làng Ba Trăm	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 45"	106° 12' 59"					F-48-57-C-d
trại Cao	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 22"	106° 10' 26"					F-48-57-C-d
hồ Chiến thắng	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 49"	106° 10' 45"					F-48-57-C-d
mương Chiến Thắng	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 30' 46"	106° 12' 24"	21° 30' 55"	106° 10' 49"	F-48-57-C-d
làng Công Sư	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 13"	106° 10' 33"					F-48-57-C-d
thôn Địa Phận	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 12' 28"					F-48-57-C-d
suối Lân Bạc	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 31' 14"	106° 11' 28"	21° 30' 52"	106° 10' 40"	F-48-57-C-d
thôn Lân Chàm - Đèo Cáo	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 55"	106° 11' 14"					F-48-57-C-d
thôn Lân Luông	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 06"	106° 12' 07"					F-48-57-C-d
thôn Làng Cà	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 21"	106° 12' 47"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Gia	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 25"	106° 11' 58"					F-48-57-C-d
thôn Làng Quặng	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 47"	106° 11' 12"					F-48-57-C-d
thôn Liên Phương	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 32"	106° 12' 47"					F-48-57-C-d
thôn Mỏ Ám	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 10' 49"					F-48-57-C-d
suối Mỏ Hương	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 31' 53"	106° 10' 41"	21° 31' 21"	106° 10' 41"	F-48-57-C-d
trại giam Ngọc Lý 1	KX	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 12"	106° 12' 53"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Gia	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 24"	106° 23' 40"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Sơn	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 39"	106° 24' 07"					F-48-57-D-d
làng Gia Thọ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 10"	106° 22' 28"					F-48-69-B-b
làng Nà Lẹng	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 37"	106° 22' 57"					F-48-69-B-b
làng Nà Tằm	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 24' 27"					F-48-57-D-d
thôn Na Ví	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 09"	106° 23' 03"					F-48-57-D-d
thôn Phố Vị	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 40"	106° 22' 39"					F-48-69-B-b
thôn Sơn Hồ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 56"	106° 22' 47"					F-48-69-B-b
thôn Tám Nhăm	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 13"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
thôn Tân Hoa	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 29"	106° 21' 58"					F-48-69-B-a
sông Thương	TV	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng			21° 31' 00"	106° 23' 10"	21° 28' 35"	106° 22' 04"	F-48-57-D-d
thôn Trại Nhạn	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 07"	106° 22' 51"					F-48-69-B-b
núi Bến Ngan	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 35' 42"	106° 16' 43"					F-48-57-D-c
núi Canh Thang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 21"	106° 18' 29"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Lốc	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 20"	106° 17' 32"					F-48-57-D-c
núi Hút Tre	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 26"	106° 20' 18"					F-48-57-D-a
đèo Kênh Thang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 31"	106° 18' 17"					F-48-57-D-c
núi Kha	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 55"	106° 19' 01"					F-48-57-D-a
núi Lái Xe	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 40"	106° 17' 42"					F-48-57-D-c
đèo Lân Càng	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 18"	106° 19' 02"					F-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lân Càng	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 17"	106° 19' 14"					F-48-57-D-a
núi Lân De	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 40"	106° 17' 17"					F-48-57-D-a
núi Lân Đồ	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 45"	106° 19' 56"					F-48-57-D-a
núi Lân Rươi	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 09"	106° 18' 21"					F-48-57-D-a
núi Ngang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 44"	106° 16' 07"					F-48-57-D-a
thôn Non Hương	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 14"	106° 17' 57"					F-48-57-D-c
thôn Tô Hiệu	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 49"	106° 16' 33"					F-48-57-D-c
thôn Trãng	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 38"	106° 17' 06"					F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng			21° 35' 00"	106° 16' 31"	21° 34' 56"	106° 16' 35"	F-48-57-D-c
thôn Vĩnh Yên	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 12"	106° 17' 12"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng							
suối Cây Đu	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 33' 14"	106° 28' 49"	21° 31' 25"	106° 29' 52"	F-48-57-D-d
xóm Cây Hồng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 28"	106° 28' 37"					F-48-57-D-d
thôn Chằm Non	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 53"	106° 26' 43"					F-48-57-D-d
thôn Chín Sáu	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 48"	106° 27' 43"					F-48-57-D-d
thôn Chín Tư	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 42"	106° 27' 03"					F-48-57-D-d
núi Đèo Bụt	SV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 37"	106° 28' 51"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Luông	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 53"	106° 29' 45"					F-48-57-D-d
xóm Gốc Đa	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 31"	106° 28' 06"					F-48-57-D-d
núi Khau Hồ	SV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 12"	106° 29' 45"					F-48-57-D-d
suối Luộc	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 32' 55"	106° 29' 49"	21° 32' 41"	106° 30' 27"	F-48-58-C-c
thôn Rừng Cấm	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 30"	106° 27' 11"					F-48-57-D-d
thôn Tam Hợp	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 20"	106° 28' 17"					F-48-57-D-d
thôn Tắng Mật	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 05"	106° 28' 58"					F-48-57-D-d
xóm Thịnh Hòa	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 16"	106° 29' 47"					F-48-57-D-d
sông Thương	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 33' 25"	106° 28' 15"	21° 32' 47"	106° 25' 54"	F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Việt Thắng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 17"	106° 27' 42"					F-48-57-D-d
đèo Ảng	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 28' 45"					F-48-57-D-d
xóm Ao Ca	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 09"	106° 26' 26"					F-48-57-D-d
xóm Ao Lợn	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 27' 20"					F-48-57-D-d
xóm Ao Trượng	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 57"	106° 27' 25"					F-48-57-D-d
đèo Bà	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 39"	106° 26' 32"					F-48-57-D-d
xóm Ba Khe	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 38"	106° 27' 10"					F-48-69-B-b
núi Cây Đào	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 29' 49"					F-48-57-D-d
thôn Đèo Bà	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 38"	106° 26' 17"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Giàn	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 20"	106° 27' 35"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Lâm	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 06"	106° 26' 47"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Ngãng	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 28"	106° 27' 46"					F-48-57-D-d
núi Đông Sung	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 29' 09"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Tiến	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 20"	106° 27' 01"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Trong	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 14"	106° 26' 38"					F-48-57-D-d
núi Gia Cò	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 48"	106° 28' 41"					F-48-57-D-d
xóm Gốc Phường	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 54"	106° 26' 23"					F-48-69-B-b
đồi Gốc Thị	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 35"	106° 29' 13"					F-48-57-D-d
thôn Hố Mười	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 19"	106° 29' 35"					F-48-57-D-d
thôn Hố Quýt	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 56"	106° 28' 06"					F-48-69-B-b
thôn Hòa Bình	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 50"	106° 28' 00"					F-48-57-D-d
núi Khuôn Pinh	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 14"	106° 28' 48"					F-48-57-D-d
đập Khuôn Pinh	KX	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 29"	106° 28' 18"					F-48-69-B-b
xóm Làng Chảo	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 54"	106° 26' 56"					F-48-69-B-b
xóm Liên Ninh	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 51"	106° 27' 35"					F-48-57-D-d
xóm Minh Cường	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 21"	106° 27' 19"					F-48-69-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nghè	TV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng			21° 29' 60"	106° 22' 19"	21° 29' 28"	106° 27' 17"	F-48-69-B-b
xóm Ngọn Suối	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 25"	106° 28' 36"					F-48-69-B-b
thôn Suối Trà	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 29"	106° 29' 06"					F-48-57-D-d
suối Trà	TV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng			21° 32' 02"	106° 28' 45"	21° 31' 11"	106° 29' 00"	F-48-57-D-d
thôn Trại Dạ	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 26"	106° 27' 46"					F-48-69-B-b
núi Bảo Đài	SV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 00"	106° 21' 00"					F-48-69-B-a
suối Cát	TV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng			21° 27' 46"	106° 22' 23"	21° 28' 01"	106° 21' 29"	F-48-69-B-a
thôn Cốc Lùng	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 05"	106° 23' 13"					F-48-69-B-b
thôn Đất Đỏ	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 38"	106° 23' 03"					F-48-69-B-b
xóm Hố Tông	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 26"	106° 20' 37"					F-48-69-B-a
xóm Hố Trì	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 46"	106° 19' 57"					F-48-69-B-a
thôn Hố Vắt	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 04"	106° 23' 49"					F-48-69-B-b
thôn Lán Thán	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 30"	106° 22' 25"					F-48-69-B-b
xóm Mở Cửa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 58"	106° 20' 13"					F-48-69-B-a
thôn Phú Hòa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 53"	106° 23' 20"					F-48-69-B-b
thôn Suối Ngang	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 08"	106° 21' 44"					F-48-69-B-a
xóm Tứ Xuyên	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 24"	106° 22' 54"					F-48-69-B-b
thôn Vạn Thắng	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 22"	106° 22' 37"					F-48-69-B-b
ga Voi Xô	KX	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 26"	106° 20' 04"					F-48-69-B-a
suối Xe Điếu	TV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng			21° 24' 20"	106° 20' 55"	21° 26' 26"	106° 19' 46"	F-48-69-B-a
thôn Xóm Chùa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 28"	106° 22' 23"					F-48-69-B-a
thôn Xóm Mới	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 53"	106° 21' 55"					F-48-69-B-a
thôn Ao Bải	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 23"	106° 22' 46"					F-48-57-D-b
thôn Ba Lẹng	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 58"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
núi Buồng Hiêu	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 43"	106° 22' 36"					F-48-57-D-b
đèo Căng	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 16"	106° 23' 14"					F-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cảnh Tay	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 31"	106° 21' 16"					F-48-57-D-a
núi Canh Trung	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 34"	106° 21' 32"					F-48-57-D-a
núi Chũng Hồng	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 11"	106° 23' 15"					F-48-57-D-b
làng Cửa Chùa	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 24"	106° 22' 45"					F-48-57-D-b
suối Đồng Dưới	TV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng			21° 37' 50"	106° 22' 12"	21° 37' 59"	106° 23' 08"	F-48-57-D-a
làng Gò Mon	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 08"	106° 22' 29"					F-48-57-D-a
núi Khau Kinh	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 20"	106° 23' 39"					F-48-57-D-b
núi Lân Bương	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 10"	106° 22' 50"					F-48-57-D-b
làng Lân Cát	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 44' 40"	106° 22' 36"					F-48-57-D-b
thôn Lân Châu	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 44' 03"	106° 22' 46"					F-48-57-D-b
làng Lân Chục Tang	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 04"	106° 22' 47"					F-48-57-D-b
thôn Lân Coóc	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 54"	106° 24' 40"					F-48-57-D-b
thôn Lân Đặt	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 58"	106° 22' 36"					F-48-57-D-a
đèo Lân Đặt	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 02"	106° 20' 26"					F-48-57-D-a
làng Lân Hắng	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 31"	106° 24' 49"					F-48-57-D-b
làng Lân Hảy Ngoài	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 28"	106° 21' 44"					F-48-57-D-a
làng Lân Hảy Trong	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 11"	106° 21' 09"					F-48-57-D-a
làng Lân Rầm	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 41"	106° 23' 05"					F-48-57-D-b
núi Lân Sóc	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 48"	106° 21' 15"					F-48-57-D-a
thôn Làng Bên	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 51"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
thôn Làng Cướm	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 48"	106° 22' 27"					F-48-57-D-a
thôn Làng Que	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 24"	106° 22' 19"					F-48-57-D-a
đèo Lổi Hùm	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 35"	106° 21' 25"					F-48-57-D-a
thôn Nà Noọc	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 15"	106° 24' 43"					F-48-57-D-b
đèo Nà Noọc	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 16"	106° 24' 42"					F-48-57-D-b
đèo Quéo	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 52"	106° 23' 31"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Trá	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 39"	106° 21' 45"					F-48-57-D-a
đồi Cây Thị	SV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 14"	106° 19' 24"					F-48-69-B-a
thôn Chim	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 21"	106° 21' 32"					F-48-69-B-a
thôn Chùa	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 27"	106° 21' 52"					F-48-69-B-a
xóm Đồng Sậy	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 02"	106° 20' 06"					F-48-69-B-a
thôn Hẩu	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 23"	106° 21' 02"					F-48-69-B-a
xóm Keo	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 13"	106° 20' 46"					F-48-69-B-a
thôn Mới	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 26' 58"	106° 19' 03"					F-48-69-B-a
trại Nèo Tíu	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 19"	106° 20' 31"					F-48-69-B-a
sông Thương	TV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng			21° 27' 08"	106° 18' 36"	21° 29' 08"	106° 21' 48"	F-48-69-B-a
đồi Tranh Vẽ	SV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 50"	106° 21' 19"					F-48-69-B-a
xóm Xa	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 03"	106° 20' 27"					F-48-69-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng			21° 26' 47"	106° 17' 26"	21° 29' 35"	106° 20' 06"	F-48-69-B-a
thôn Bến Lường	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 10"	106° 17' 32"					F-48-69-B-a
thôn Có Ngoài	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 15"	106° 19' 48"					F-48-69-B-a
thôn Có Trong	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 51"	106° 19' 01"					F-48-69-B-a
thôn Coóc Mò	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 22"	106° 19' 33"					F-48-57-D-c
xóm Diện	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 42"	106° 19' 34"					F-48-69-B-a
thôn Hố Mười	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 56"	106° 18' 25"					F-48-57-D-c
rừng Hố Rỗng	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 38"	106° 17' 06"					F-48-69-B-a
trường Lâm Nghiệp	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 58"	106° 17' 39"					F-48-69-B-a
đèo Lỗ Hỏm	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 39"	106° 19' 02"					F-48-57-D-c
đồi Lò Ngói	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 02"	106° 19' 35"					F-48-69-B-a
xóm Lót	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 37"	106° 18' 46"					F-48-69-B-a
thôn Lót - Bồ Các	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 55"	106° 18' 45"					F-48-69-B-a
cầu Lường	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 26' 47"	106° 17' 26"					F-48-69-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tiên	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 35"	106° 17' 44"					F-48-57-D-c
thôn Văn Miêu	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 21"	106° 17' 54"					F-48-69-B-a
thôn Bến Cát	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 52"	106° 16' 25"					F-48-57-D-c
thôn Bến Cốn	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 12"	106° 15' 45"					F-48-57-D-c
núi Con Ngỗng	SV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 06"	106° 15' 32"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Bé	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 18"	106° 17' 46"					F-48-57-D-c
xóm Đồng Cằng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 38"	106° 16' 34"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Lão	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 34' 05"	106° 16' 52"					F-48-57-D-c
xóm Đồng Phúc	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 17"	106° 17' 20"					F-48-57-D-c
thôn Hố Vạng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 33"	106° 17' 28"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 36"	106° 17' 24"					F-48-57-D-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 32"	106° 17' 05"					F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng			21° 35' 00"	106° 16' 31"	21° 33' 07"	106° 17' 53"	F-48-57-D-c
xóm Vũng Dùng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 54"	106° 16' 50"					F-48-57-D-c
thôn Duyên Tiến	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 32"	106° 19' 19"					F-48-57-D-c
núi Đá Ngăn	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 08"	106° 20' 07"					F-48-57-D-c
thôn Đoàn Kết	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 29"	106° 19' 45"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Hương	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 17' 59"					F-48-57-D-c
núi Lân Hoãn	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 06"	106° 19' 27"					F-48-57-D-c
núi Mỏ Phát	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 50"	106° 20' 24"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 57"	106° 19' 47"					F-48-57-D-c
thôn Tân Hoa	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 01"	106° 19' 57"					F-48-57-D-c
thôn Tân Hương	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 27"	106° 20' 04"					F-48-57-D-c
thôn Tân Tạo	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 39"	106° 18' 44"					F-48-57-D-c
thôn Tân Thịnh	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 13"	106° 18' 36"					F-48-57-D-c
thôn Trại Điếm	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 51"	106° 17' 46"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Trung	TV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng			21° 33' 07"	106° 17' 53"	21° 32' 31"	106° 20' 04"	F-48-57-D-c
thôn Tự Nhiên	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 45"	106° 20' 01"					F-48-57-D-c
thôn Bầm	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 56"	106° 12' 39"					F-48-57-C-b
thôn Bờ Lình	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 54"	106° 12' 14"					F-48-57-C-b
thôn Bông	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 46"	106° 13' 10"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Thia	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 24"	106° 11' 49"					F-48-57-C-d
xóm Hang Cao	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 31"	106° 11' 35"					F-48-57-C-b
thôn Kép	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 28"	106° 13' 39"					F-48-57-C-d
xóm Kép	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 50"	106° 13' 23"					F-48-57-C-b
núi Lân Vằn	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 49"	106° 12' 03"					F-48-57-C-b
hồ Lân Vằn	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 50"	106° 12' 21"					F-48-57-C-b
mương Lân Vằn	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 35"	106° 14' 44"	21° 38' 41"	106° 12' 13"	F-48-57-C-b
núi Lướt	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 03"	106° 12' 47"					F-48-57-C-b
xóm Mắc Cảy	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 18"	106° 12' 17"					F-48-57-C-b
núi Mỏ Nghiến	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 12' 17"					F-48-57-C-d
núi Nắm Cơm	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 40"	106° 12' 06"					F-48-57-C-b
suối Nậm Cơm	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 24"	106° 11' 43"	21° 38' 17"	106° 12' 26"	F-48-57-C-b
suối Nĩu	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 39"	106° 12' 58"	21° 37' 37"	106° 13' 43"	F-48-57-C-b
thôn Rãy	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 33"	106° 11' 57"					F-48-57-C-b
thôn Trãng	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 51"	106° 13' 47"					F-48-57-C-b
sông Trung	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 38' 41"	106° 11' 23"	21° 37' 30"	106° 13' 43"	F-48-57-C-b
thôn Dốc Mới 1	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 53"	106° 20' 09"					F-48-69-B-a
thôn Dốc Mới 2	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 34"	106° 20' 31"					F-48-69-B-a
thôn En	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 27"	106° 20' 32"					F-48-69-B-a
xóm Mới	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 46"	106° 20' 21"					F-48-69-B-a
thôn Na Hoa	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 37"	106° 21' 24"					F-48-69-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngòi Na	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 08"	106° 21' 09"					F-48-69-B-a
thôn Trường Sơn	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 57"	106° 20' 52"					F-48-69-B-a
suối Chùa	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 15"	106° 14' 16"	21° 34' 54"	106° 13' 56"	F-48-57-C-d
thôn Đá Mài	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 00"	106° 13' 13"					F-48-57-C-d
núi Đèo Thạp	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 53"	106° 14' 26"					F-48-57-C-d
xóm Đồng Cạn	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 00"	106° 13' 56"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Mạ	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 30"	106° 14' 05"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Sinh	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 21"	106° 13' 20"					F-48-57-C-d
suối Đục	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 28"	106° 13' 10"	21° 35' 25"	106° 14' 10"	F-48-57-C-d
xóm Hản	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 45"	106° 14' 30"					F-48-57-C-d
thôn Hợp Thành	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 22"	106° 14' 22"					F-48-57-C-d
đèo Lân Cần	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 15' 44"					F-48-57-D-c
núi Lân Cần	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 09"	106° 16' 02"					F-48-57-D-c
thôn Lân Mơ	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 54"	106° 15' 01"					F-48-57-D-c
núi Lân Nứa	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 34"	106° 15' 57"					F-48-57-D-c
núi Lân Vài	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 34"	106° 15' 40"					F-48-57-D-c
thôn Lân Vầu	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 39"	106° 14' 53"					F-48-57-C-d
suối Ồ Ồ	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 16"	106° 12' 38"	21° 35' 28"	106° 13' 10"	F-48-57-C-d
thôn Tân Châu	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 07"	106° 14' 22"					F-48-57-C-d

(Xem tiếp Công báo số 811 + 812)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng